

SỐ 20 NGÀY 1 - 11 - 1965

BACH KHOA

T H Ờ I - Đ Ạ I

năm thứ chín

VŨ BẢO Lý Thừa Vãn * ĐOÀN THÊM *ngó qua các
chặng đường xây dựng* * BÙI HỮU SÙNG *theo gót
Nguyễn Du trên đường di sứ* * NGUYỄN NGỌC LAN
công đồng Vatican II và Tự do tín ngưỡng * TRẦN
THIÊN *cơ khí và ái tình* * NGỌC VÂN A. Einstein với
thuyết tương đối * THUẦN PHONG *tuồng hát bội Kim
Vân Kiều* * Y UYÊN *người đã lên tàu* * TRẦN
THIÊN *Mikhail Alexandrovitch Cholokhov, giải Nobel văn
chương 1965* * THANH TÂM TUYỀN *cát lầy*
SINH HOẠT *giải Nobel Khoa học 1965 - Thời sự văn
nghệ - Văn nghệ và thể thao
với ngoại giao — Phạm
Duy, tâm ca, tuổi trẻ
— Thiếu nhi lâm nguy*

212



Thanh thoát

Fine
Dịu dàng

Racée
Tonique

NƯỚC HOA
NGÔI SAO

EAU
DE
COLOGNE
"L'ÉTOILE"



DESORMAIS FABRIQUÉE SOUS LICENCE AU VIETNAM PAR LA S^{UE} DES DISTILLERIES DE L. I. C. **DIC**

L'EAU DE COLOGNE "L'ÉTOILE"
EST SI BONNE QU'ELLE EST SOUVENT CONTREFAITE

Assurez-vous de l'authenticité de votre achat,
en vérifiant que la capsule inviolable
que comportent les bouteilles
d'origine sous leur bouchon à
vis est bien en place



NƯỚC HOA "NGÔI SAO"
RẤT TỐT, THƯỜNG BỊ LÀM GIẢ TẠO

Muốn tìm được thứ thiệt, khi
mua quý ngài nên đề dặt kiểm
soát lại nắp chì giữa gian
bọc ở miệng chai chính gốc
nằm phía trong nắp vận
định ốc còn nguyên vẹn.

DIC

21/2

BÁCH

KHOA THỜI ĐẠI

Số 212 ngày 1 - 11 - 1965

VŨ BẢO <i>Lý Thừa Vãn</i>	3
ĐOÀN THÊM <i>ngó qua các chặng đường xây dựng</i>	13
BÙI HỮU SÙNG <i>theo gót Nguyễn Du trên đường di sử</i>	19
NGUYỄN NGỌC LAN <i>công đồng Vatican II và Tự do tín ngưỡng</i>	29
TRĂNG THIÊN <i>cơ khí và ái tình</i>	36
NGỌC VÂN <i>A. Einstein và thuyết tương đối</i>	45
THUẦN PHONG <i>tuồng hát bội Kim Vân Kiều</i>	55
Y UYÊN <i>người đã lên tàu</i>	67
THANH TÂM TUYỀN <i>cát lầy</i>	77
TRĂNG THIÊN <i>Mikhail Chelokhov, giải Nobel văn chương 1965</i>	81
SINH HOẠT	
NGỌC VÂN <i>giải Nobel Khoa học 1965</i>	86
Đ. T. <i>văn nghệ và thể thao với với ngoại giao</i>	87

CÁO LỖI

Vì lý do kỹ thuật, phần lớn các bài trong mục **Sinh-hoạt** đã ghi ở ngoài bla như : « Thời sự văn nghệ », « Văn nghệ và Thể Thao với Ngoại-Giao », « Phạm-Duy, tâm ca và tuổi trẻ », « Thiếu nhi lâm nguy » phải gác lại đến kỳ sau. Khu vực của nhà in lại bị cắt điện quá nhiều, nên số báo này không thể phát hành đúng kỳ hạn được.

Xin trân trọng cáo lỗi cùng quý vị độc-giả của Bách-khoa Thời-đại.

BÁCH-KHOA THỜI - ĐẠI

trong những số tốt

Vấn đề Rhodésie

Quan-niệm Ứng-dụng trong kiến-trúc hiện-dại

Dân tộc học

Cholokhov và văn chương hiện-dại của Nga-sô

Vài điều nên lưu ý về Thời-biêu

*Một biến thể lạ lùng của chén trà Nhứt (pièces
scatologiques).*

Trên trời có gì lạ ?

Làm sao cho học sinh bớt dốt Việt-văn

Nỗi hoài nghi của Cézanne (dịch Merleau-Ponty)

Nhạc Jazz

Hôn nhân dị chủng (lá thư Ba Lê)

Sòng và viết với Nguyễn-Hiến-Lê

Những khung trời ngỏ (ký sự)

Con đường gai (truyện ngắn)

Chiều trong làng (truyện ngắn)

Mèo đêm (truyện ngắn)

Hoạt cảnh (truyện ngắn)

VŨ-BẢO

ĐOÀN THÊM

LÊ-VĂN-HẢO

ĐÀO-ĐĂNG-VỸ

NGUYỄN-PHƯƠNG

VG-HỒNG-SÈN

VÕ-QUANG-YẾN

NGUYỄN-HIỆN-LÊ

TRẦN-HƯƠNG-TỬ

TRẦN-VĂN-KHÊ

MỘNG-TRUNG

NGUYỄN-NGU-Í

VŨ-DZŨNG

VÕ-HỒNG

Y-UYÊN

NG.-THỊ-THỤY-VŨ

VÕ-PHIẾN

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE

PHÁP - Á NGÂN - HÀNG

HỘI NẶC DANH VỐN 5.600.000 P. L. M.

Trụ sở : 96 Bd. Haussmann Paris (8è)

Số vốn sung dụng tại Việt-nam : VN\$. 50.000.000

Dự-trữ đặc-biệt tại V.N. : VN\$. 50.000.000



LÝ THỪA VÃN

Báo chí Tây Phương gọi họ Lý là « Ông già bất trị ». Báo chí Việt Nam khi nhắc đến Lý Thừa Vãn chắc chưa quên lần ông ta sang đây năm 1958, cuộc viếng thăm chỉ có trên 30 tiếng đồng hồ mà đã khiến cho một số phóng viên thiếu hụt hơi.

Theo chương trình chính thức thì ông ta phải tới vào chiều ngày 5 tháng 11, nhưng vì thời tiết xấu nên Lý Thừa Vãn đã đến chậm một ngày. Và chiều mùng 5, độc giả ở Saigon chờ tờ báo đề ngày mùng 6 của mình ra, thấy có tờ đã mau mắn loan tin :

« Chiều hôm qua, cuộc tiếp đón Tổng Thống Lý Thừa Vãn đã diễn ra

LÝ-THỪA-VÃN

hoạt động cách mạng
thật sớm, nắm chính
quyền rất muộn và rời
chính quyền quá trễ...

VŨ BẢO

một một cách hết sức trọng thề, nói
lên sự đoàn kết bất diệt của hai dân
tộc Hàn-Việt... »

Mà ngay chiều hôm đó thì Lý Thừa
Vãn, nhân vật chính của cuộc đón rước,
vẫn hãy còn ở lại Hán Thành.

Đời chính trị của Lý Thừa Vãn
cũng cho người ta nhiều phút ngập
ngừng như vậy và đến bây giờ Lý Thừa
Vãn chết đi rồi, người ta cũng còn phân
vân không biết định nghĩa con người
đó thế nào cho đúng ? Một nhà cách-
mạng chẳng, hay một tên phong kiến lạc
hậu ? Người bạn thiết của Hoa-Kỳ, đã
từng là hy vọng của thế giới tự do chẳng
hay là một kẻ đồng minh bất đắc dĩ và

ương ngành, một chút nữa làm hư cả chiến lược hòa bình của Hoa Kỳ và Liên Hiệp Quốc? một người yêu nước thương nòi chẳng hay là một kẻ độc tài khát máu đã từng cho dân tộc Đại-Hàn rên xiết dưới bàn tay sắt của hắn?

Thật ra, không một danh từ nào trên đây có thể áp dụng riêng rẽ cho Lý Thừa Vãn, nhưng tất cả những danh từ trên hợp lại cũng chưa nói hết tâm tình phức tạp của một nhân vật vừa là hiện thân của một quá khứ Á Đông xa xăm, vừa là người tranh đấu cho những tư tưởng Tây Phương tiến bộ, một nhân vật sinh ra từ thuở bà Từ Hi mới lên nắm quyền chuyên chế và mất đi giữa lúc phi thuyền Mariner vượt 520 triệu cây số, chụp hình Hỏa Tinh gửi về trái đất này.

Theo tiểu sử chính thức thì Lý Thừa Vãn sinh ngày 26 tháng 3 năm 1875, nhưng các đối thủ của ông cho rằng Lý Thừa Vãn đã sinh từ 5, 10 năm trước đó ông ta đã ăn gian khai bớt tuổi đi, hoặc để làm đóm là mình chưa già, hoặc để chứng tỏ rằng mình vẫn còn đủ sức để tái ứng cử nhiều lần vào chức vụ Tổng-Thống. Có kẻ xấu miệng lại còn đoán chắc rằng những tên sử gia tay sai đã chép luôn một tuổi 69 trong mấy năm liền khi Lý Thừa Vãn mới về nước sau thế chiến thứ hai, chẳng khác gì anh chủ xe hơi muốn chứng tỏ rằng xe mình ít chạy đã ghim cứng cái kim chỉ trên đồng hồ cây số.

Cuộc đời Lý Thừa Vãn có những giai đoạn thật rõ rệt:

— Thời niên thiếu	22 năm
— Ở tù	7 năm
— Lưu vong	41 năm
— Về nước cầm quyền	15 năm
— Tái lưu vong	5 năm
cộng	90 năm

Nhìn vào bảng trên người ta thấy quá nửa đời người của họ Lý (46 năm) là sống trôi dạt ở nước ngoài.

Một sinh-viên sớm hoạt động chính-trị.

Lý thuộc dòng dõi hoàng tộc và họ nhà Lý trị vì tại Cao Ly từ cuối thế kỷ thứ 15 đến đầu thế kỷ thứ 20. Cha Lý cho con ăn học với hi vọng con sẽ sớm thi đỗ làm quan nhưng Lý đã làm cho cha già cảm thấy gia phong bị tủi nhục khi Lý thay họ đổi tên, đang từ Lee Sung Man đổi sang là Lyngman Rhee, không cần giữ nguồn gốc quý phái của mình. Khi đó ở Hán Thành có một hội sở truyền giáo của Hoa Kỳ, và Lý đã tới học tiếng Anh cùng trò truyện với các mục sư. Chính qua những cuộc tiếp xúc đó mà Lý được nghe thấy lần đầu tiên những danh từ tự do, dân chủ cùng nghe kể lại về cuộc cách mạng và nền Cộng Hòa của Hoa Kỳ. Tất cả những danh từ đó đều mới quá đối với Lý và không có tiếng gọi tương đương trong ngôn ngữ Cao Ly nên càng khiến Lý say sưa tìm hiểu.

Lý là một sinh viên xuất sắc đã từng đỗ đầu trong kỳ thi tốt nghiệp nhưng đáng lẽ ra phải dùi mài kinh sử thi r

Năm 1918, sau thế chiến thứ nhất Woodron Wilson đưa ra 14 điểm căn bản cho nền hòa-bình tương-lai của thế-giới. Lý cho là thời của Cao Ly đã tới và với sự ủng hộ của thầy giáo cũ của mình, đã đến lúc có thể mang hồ sơ Cao-Ly ra trình bày với các đồng minh đang phỏ hội tại Versailles. Nhưng Nhật-Bản đã vận-động bít hết được các cửa khiến cho Lý hết đường tiến thoái và đành ôm hận về không. Ở bên Cao-Ly thì các nhóm chính trị kháng Nhật cũng nương cơ hội đó, lập một chính phủ lâm thời và bầu Lý làm chủ tịch. Nhưng Lý không có cách nào trở về được: người Nhật treo giải 300.000 Mỹ Kim cho ai bắt được Lý còn sống hay đã chết, lưới thám tử Nhật bủa khắp nơi và trong dân chúng mấy ai rùng rùng được trước số tiền thưởng gần 45 triệu bạc Việt Nam theo thời giá?

Không về được Cao Ly, thì Lý tìm cách trốn về Trung Hoa để chỉ huy các phong trào kháng Nhật. Muốn tránh các con mắt tò mò, Lý nằm vào trong một cái quan tài và được khai báo như là thi hài của một phú thương Trung Hoa chết ở Hoa Kỳ và đã có lời ước nguyện cho đám tro tàn được mang về an táng nơi quê cha đất tổ "Linh cữu". Lý được đồ bộ lên Thượng-Hải, và Lý đã chui ra để chủ tọa phiên nhóm đầu tiên của Hội-đồng chính phủ lâm thời Cao-Ly.

Nhưng giữa những người cùng chí hướng nhiều vụ tranh chấp đã xảy ra, Ông Cao-Ly ở Trung-Hoa không đồng

ý với ông Cao Ly ở Hoa Kỳ và cả hai ông này lại chống đối ông Cao Ly ở Hawaii Lý lại rầu rĩ ra đi lần nữa, giấc mộng độc lập tương gần thành sự thực nay lại rung rinh như một ảo ảnh.

Trong thế chiến thứ hai, sau vụ Trân Châu Cảng, Mỹ quyết tâm đánh bại Nhật và Lý lại thấy lòng tràn hy vọng Ông cho lập tại Hoa-Thịnh-Đốn một ủy ban vận động nhằm lôi kéo Hoa-Kỳ tích cực giúp đỡ Cao-Ly kháng Nhật. Ông thương thuyết việc thành lập một chính phủ Cao Ly lưu vong được Hoa-Kỳ công nhận về ngoại giao để có đầy đủ danh nghĩa mà hoạt động. Nhưng Hoa-Kỳ vẫn không nhúc nhích và có người cho rằng chính vì muốn rửa hờn cho ngạo khí bị lừng nhục mà sau này Lý thừa Văn khi trở nên Tổng Thống Đại Hàn đã cho Hoa Kỳ nhiều phút điên đầu.

Như vậy là trong suốt 41 năm lưu vong, Lý Thừa Văn đã đi từ thất bại này sang thất bại khác. Chỉ có một lần Lý thành công đó là khi gặp được bạn lòng Francesca Donner một thiếu nữ người Áo mà sau này Lý cưới làm vợ.

Ngày đó Lý đang ở Genève và đang cố sức vận động Hội Quốc Liên ghi vắn đề Cao Ly vào chương trình nghị sự. Francesca tới nghỉ mát bên bờ hồ Léman và lần đầu tiên họ gặp nhau đã là lần gặp gỡ của định mệnh. Dưới bầu trời đầy sao, bên hàng thông rì rào, Lý đã kể cho nàng nghe cuộc đời của mình và đối với

cùng vài người bạn đứng ra thành lập một đảng chính trị, đối nội nhằm lật đổ nền quân chủ đối ngoại thì kháng Nhật. Lý cho xuất bản tờ báo đầu tiên của Cao Ly lấy tên là "Độc-Lập" và Lý đã hướng dẫn những cuộc tranh đấu của sinh viên. Có một điều Lý không ngờ tới là chơi dao dễ bị đứt tay và con người ta giỏi nghề nào thường lại hay chết vì nghiệp đó : Lý đã lôi kéo sinh viên đi làm chính trị lật đổ người khác, thì mấy chục năm sau lại chính các tầng lớp sinh viên đã hạ Lý đồ nhào.

Một tù nhân không thích ngồi rồi

Năm 22 tuổi, Lý đã bị bắt trong một cuộc biểu tình sinh viên và bị tổng giam trong ngục, Lý bị đem ra tra tấn nhiều lần : người ta đã kẹp các ngón tay của Lý vào những thanh tre sắc cạnh, cột giây và xoắn chặt lại cho tới khi thịt da vỡ dập ra. Những cực hình đó đã khiến cho sau nay Lý hay bị đặt gân mắt, hay nheo mắt và luôn luôn có thói quen đưa tay lên miệng thôi. Nhưng Lý vẫn gan lỳ.

Các mục sư Hoa Kỳ trước đây đã dạy Lý tiếng Anh, thường hay vào thăm và an ủi Lý. Chính vì thế mà Lý đã đủ sức chịu đựng mọi sự ngược đãi và Lý đã rửa tội trong ngục để theo đạo Thiên Chúa.

Khi Lý mới bị bắt, người ta cho biết sẽ giam Lý chung thân, nhưng sau 7 năm, Lý được ân xá. Trong suốt thời gian dài đặc đó, Lý không chịu ngồi rồi,

Lý dạy các bạn đồng ngục học Anh ngữ chỉ dẫn họ về Kinh tế học hay là giảng Thánh - Kinh cho họ nghe. Lý cũng viết xong một bộ sách nhan đề là "Tinh thần độc lập".

Lúc được trả tự do, Lý đã gần 30 tuổi, rần ròi cả về thể chất lẫn tinh thần nhưng thấy không khí tại Hán Thành còn ngột ngạt, Lý dời quê hương sang Hoa-Kỳ.

Một kẻ lưu vong nhớ nhà

Lý bốn ba phiêu dạt trong hơn 40 năm. Những năm đáng lẽ phải là đẹp nhất trong một đời người đối với Lý chỉ là những năm sống trong quạnh hiu thiếu thốn. Trên đường lưu vong tất cả hành trang của Lý chỉ là giấc mộng ôm ấp từ lúc tuổi 20, mong cho Cao Ly trở thành một nước độc lập và dân chủ, nhưng đến khi gần 70 tuổi trở về quê nhà, giấc mộng đó cũng vẫn còn nguyên chưa thực hiện.

Việc làm đầu tiên của ông sinh viên đã bỏ học đi làm chính khách đó, khi mới tới Hoa Kỳ là trở lại với đời sống sinh viên.

Ông ghi tên vào Đại học Harvard, đậu bằng M.A. rồi sang Đại học Princeton lấy thêm bằng Ph. D. về Quốc-tế công-pháp. Ở Princeton giáo sư của Lý là ông Woodrow Wilson sau này đắc-cử làm Tổng-Thống Hoa kỳ.

Năm 1911, Lý lên về nước đi theo một phái đoàn truyền giáo nhưng công-an Nhật-Bản được báo động, đề tâm theo dõi và Lý lại phải trốn đi.



Francesca Donner, Bà Lý Thừa Vãn

một thiếu nữ Tây Phương còn gì hào hùng hơn nếp sống trôi bạt của một chiến sĩ cách mạng thuộc dòng-dõi một hoàng-tộc Á-Đông ? Lý cũng nói cho Francesca rõ tất cả những gì khác biệt giữa hai người : chủng tộc, tập quán, phong tục nhưng « anh yêu của em, sao lại nói với em điều ấy » ? Và khi Francesca nắm lấy bàn tay tê tái của Lý, đôi bàn tay đã bị quân xâm lăng Nhật dầy vò thì Lý quên hết nỗi buốt đau giá lạnh và cảm thấy như tất cả các vì sao đã rơi vào trong ánh mắt của Francesca.

Hai người lấy nhau năm 1934 tại Nữ Ước, Lý đã 59 tuổi và Francesca 36. Căn phòng hiu quạnh của khách viên lưu nay đã trở nên ấm áp, nàng ngồi mài nghiên mực và sắp bút lông cho chàng viết, thỉnh thoảng lại có một số bạn đồng chí tới thảo luận tình hình.

Về nước cầm quyền

Năm 1945, Nhật Bản bại trận, Lý Thừa Vãn nghĩ rằng giờ độc lập của Cao-ly đã

điềm, thứ nhất là tại Hội-nghị Postdam nguyên tắc một nước Cao-Ly độc lập và tự do đã được Đồng-minh long trọng xác nhận. Những việc đời không có giản dị như vậy : Nga Sô và Hoa Kỳ thảo luận dằng dai một đường phân định cho Nga sô tới tước khí giới quân đội Thiên-hoàng về phía Bắc và Hoa Kỳ về phía Nam. Phó đô đốc Matthias Gardaers, sốt ruột quá, đứng dậy lấy móng tay vạch lên vi tuyến 38 rồi nói : « Tại sao không chọn phút con đường này đi cho rồi ».

Thế là quân đội Nga kéo quân luôn vào miền Bắc Cao-ly, khóa chặt biên thùỵ ở vi tuyết 38, đặt ngay Kim Nhật Thành làm chủ tịch Chánh phủ lâm thời. Một tháng sau chính phủ Hoa Kỳ mới lục tục kéo tới miền Nam và khi Lý Thừa Vãn từ trên máy bay đặt chân xuống Hán-Thành sau 41 năm trời xa quê hương thì là để đứng trước một sự đã rồi: đất nước đã bị chia đôi trên thực tế. Miền Nam Cao-ly hỗn loạn một cách khó tả, các đảng chính trị mọc ra như nấm. Với nhiều cương quyết và kiên nhẫn, họ Lý đã tái lập được trật tự. Năm 1948, miền Nam tổng tuyển cử, Lý Thừa Vãn được bầu làm tổng thống đầu tiên của Cộng-hòa Cao Ly năm ông ta 73 tuổi.

Nhưng cũng từ đó Hoa Kỳ bắt đầu thấy khó chịu về Lý Thừa Vãn.

Trước hết là vì Lý bắt đầu quên các tư tưởng tiến bộ đã từng làm cho Lý say sưa khi còn là một cậu sinh viên 19 tuổi. Những ý niệm cách mạng, dân chủ mà các nhà truyền giáo Hoa Kỳ đã làm

hừng cháy trong đầu óc Lý nay đã lui dần và nhường chỗ cho những nếp suy nghĩ phục cựu bắt nguồn từ những dĩ vãng xa xôi của một giòng họ đã có gần 5 thế kỷ lịch sử. Trong con người Lý, nhà cai trị Á-Đông đã lấn áp chính khách Tây học. Thêm vào đó quyền hành đã như là một độc tố khiến cho căn bệnh nặng hơn lên.

Lý đã xây dựng quyền uy của mình trên một tổ chức mật vụ chặt chẽ và một lực lượng thanh niên được quân sự hóa. Lý đi dần đến chỗ không chấp nhận những ý kiến khác mình và nghi loại dần những đối thủ. Đầu tiên là Bong Am Cho, người đã chống lại việc Lý tái ứng cử tổng thống nhiệm kỳ hai. Lý kết tội cho là gián điệp cho địch và xử tử hình. Bốn năm sau đến lượt Patrick Shinicky ra tranh cử với Lý, nhưng 10 ngày trước ngày bầu cử, Shinicky mắc bạo bệnh rồi chết rất đột ngột. Người ta si sào là có bàn tay của Lý.

Rồi đến những trường hợp thật là ngẫu nhiên, chắc chắn không thể có Lý nhúng vào, người ta cũng gán cho Lý là tác giả. Khi Lý ra tranh cử Tổng Thống nhiệm kỳ ba, đối thủ của Lý là người bạn cũ, bác sĩ Pyung Ok Chough. Trước ngày bầu cử ít lâu, chánh phủ Hoa Kỳ mời Chough sang chơi, gần như là một cách gián tiếp ủng hộ Chough, nhưng chỉ 15 ngày sau có tin điện về Hán Thành, Chough bị máu đông trong huyết quản đã chết tại bệnh viện quân sự Walter Reed mặc dù các nhà chuyên khoa Hoa Kỳ đã tận tâm cứu chữa.

Hoa Kỳ không những không chấp nhận lối cai trị độc tài, và cái tương sát địch thủ của Lý, Hoa Kỳ còn rất khó chịu về quan niệm thống nhất đất nước của Lý cùng thái độ bất trị của Lý trong cuộc chiến tranh Bắc Nam Cao Ly.

Lý luôn luôn cho trương là phải thống nhất Cao Ly bằng võ lực. " Cho tôi máy bay và ét súng, tôi sẽ chiếm đánh miền Bắc trong 15 ngày ". Lý vẫn thường tuyên bố như vậy.

Đối với người Hoa-kỳ vừa mới ra khỏi thế chiến thứ hai đã phải gửi ngay con em sang Cao Ly, nay lại phải nghe Lý-Thừa-Văn hăm dọa mở rộng cuộc chiến và có thể vì thế lôi kéo đến thế chiến thứ ba, quả thật không có lời nói nào chối tai hơn. Nhưng đối với Lý thì vấn đề thật rõ ràng. Còn Trung-Cộng đóng ở miền Bắc, thì miền Nam không thể nào sống sót. Và không thể nào nói chuyện đình chiến hay hòa bình nếu không buộc được Trung-Cộng dời khỏi Cao-Ly.

Trái lại, Hoa-Kỳ lại cần đi tới đình chiến. Quân đội của họ đi bảo vệ tự-do ở Cao-Ly đã chết mất gần 30.000 người và bị thương trên 100.000 người. Áp lực của dư luận và ngày bầu cử Tổng-Thống gần tới, lời hứa của ứng cử viên Eisenhower nếu được trúng cử sẽ đi thăm Cao Ly kiếm một giải pháp chấm dứt chiến tranh, tất cả những yếu tố đó đã làm cho dân chúng Hoa-kỳ mất nhiều cảm tình với Lý.

Tự Lệnh tối cao lực lượng Liên-Hiệp-

Quốc tướng Mark Clark đến thăm Lý Thừa Vãn nhiều lần khuyên nên chấp nhận thỏa ước đình chiến và đã được Lý trả lời:

— «Tôi hết sức thất vọng. Chính phủ Hoa Kỳ luôn luôn thay đổi thái độ và không chịu nghe những ý kiến của chính phủ Cộng-Hòa Cao-Ly. Không thể nào điều đình nếu Trung-Cộng không rút khỏi lãnh thổ nước tôi. Các lời đe dọa của ông không có ảnh hưởng gì hết đối với tôi. Chúng tôi muốn quyết định lấy vận mạng chúng tôi. Tôi rất lấy làm tiếc, trong hiện tình tôi không thể đoán chắc với Tổng Thống Eisenhower sự hợp tác của tôi.» Ngày mùng 6 tháng 6 năm 1953, Eisenhower viết cho Lý một lá thư dài giải bày những lý do cần phải chấm dứt chiến tranh và chứng minh là việc thống nhất Cao Ly bằng võ lực sẽ đưa đến nhiều hậu quả tai hại cho hòa bình thế giới. Eisenhower kết luận: «Không phải với tư cách là người bạn chính thức, mà với tư cách là bạn riêng tôi xin Tổng Thống đừng đưa xú sở tới một sự phiêu lưu như vậy».

Lý trả lời: «Đình chiến trong những điều kiện hiện tại là ký bản án tử hình cho chúng tôi. Chúng tôi luôn luôn đòi các lực lượng Trung Cộng phải rút khỏi lãnh thổ chúng tôi (cả Nam Bắc Cao Ly) đầu hàng như vậy có nghĩa là chúng tôi sẽ bỏ buộc chiến đấu một mình.»

Lý lại cho tướng Clark biết nếu lực lượng Liên-Hiệp-Quốc không đề ý tới

lời cảnh cáo của Lý mà cứ đi tới nghị hòa thì Lý sẽ đơn phương thả hết các tù binh Bắc Cao ra. Làm như vậy tức là gián tiếp phá vỡ hội nghị đình chiến vì một trong những điều kiện đầu tiên mà Bắc Cao đưa ra tại Bàn Môn Điểm là các tù binh đó bó buộc phải trao trả lại Bắc Cao.

Ngày 17 tháng 6 năm 1953, Lý được tin tại Bàn Môn Điểm hai bên đã đi tới thỏa thuận về ranh giới đình chiến và đang ấn định các chi tiết về lễ ký kết thỏa ước nên sáng ngày 18 Lý ra lệnh mở rộng các cửa trại thả hết 27.000 tù binh Bắc Cao ra.

Đài phát thanh kêu gọi dân chúng và các lực lượng cảnh sát giúp đỡ các tù binh có nơi ăn chốn ở và tránh được sự lùng bắt của quân đội Liên-Hiệp-Quốc.

Người Nam Cao-Ly kể cả những người không đồng ý với Lý-Thừa-Vãn cũng thấy hãnh diện về quyết định táo bạo này và uy tín của Lý trong nước lên như sóng cồn. Trái lại ở ngoài nước, nhất là tại Hoa-kỳ và trong Tổ chức Liên-Hiệp-Quốc, ai nấy qua phút bàng hoàng đầu tiên đều chỉ trích Lý một cách nặng nề cho rằng Lý chỉ là một người ngang bướng hành động một cách thiếu lý trí, phá vỡ cả cuộc vận động hòa bình của Liên-Hiệp-Quốc.

Cuộc khủng hoảng chỉ được giải quyết sau khi Hoa-Kỳ phái Thứ Trưởng Ngoại giao về Viễn Đông sự vụ Walter Robertson sang đầu dụ và Lý nhận cho điều

đình với Bắc Cao sau khi đã nhận được Hoa Kỳ cam kết một số điều kiện trong đó có mấy điểm chính sau đây :

— Sẽ ký một hiệp ước phòng thủ chung với Cao Ly.

— Viện trợ kinh tế dài hạn, kỳ đầu tiên 200 triệu Mỹ kim và 9.500.000 mỹ kim thực phẩm.

— Đưa quân số Cộng Hòa Cao Ly lên 20 sư đoàn.

Một người làm Tổng-Thống 12 năm chưa chán

Sau khi thỏa ước đình chiến được ký kết, Lý không còn được hăm mộ như trước nữa. Hoa-kỳ bắt đầu lấy làm tiếc. đã ủng hộ một con người khó tính như Lý đã nhè giữa lúc Hoa-Kỳ lúng túng ở Cao Ly mà bắt chẹt. Ở trong nước, Lý tiếp tục nếu không nói là tăng cường một chính sách cứng rắn với tất cả những người bất đồng ý kiến. Đối với láng giềng Nhật Bản, Lý không bao giờ tha thứ những năm đô hộ Cao Ly và luôn luôn chủ trương trả đũa, mặc dầu Hoa-Kỳ hết lời can ngăn nên quên hết hận thù.

Nhưng điều sai lầm lớn nhất của Lý là đã làm Tổng Thống tới 12 năm mà chưa thấy đủ. Năm 1960 Lý ra ứng cử lần thứ 4. Dân chúng và nhất là sinh viên đã phải nhắc Lý ngồi tại vị đã quá lâu. Và nhắc một cách thật là nóng nảy đúng với tính tình của những người tuổi trẻ.

Lý được 92 phần 100 số phiếu, và đã tưởng rằng sẽ có thể làm thêm một

nhiệm kỳ nữa tới 9⁴, và biết đâu đây nếu Trời để cho sức khỏe thì kéo hẳn tới năm 1968, cũng chưa tới 100 tuổi cơ mà !

Nhưng sinh viên đã xuống đường gào thét : « Bầu cử gian » ! Ngày 11 tháng 4 năm 1960, trong một cuộc đụng độ với cảnh sát, 7 sinh viên đã ngã gục. Người ta cũng tưởng sau những chuyện đáng tiếc đó, trật tự sẽ trở lại vì quân đội vẫn nắm vững tình hình. Nhưng số phận con người kể cả những chính khách nhiều khi treo vào những chuyện tình cờ. Vài ngày sau đó tại hải cảng nhỏ Masan, sắc sinh viên Choo Yul Kim, mất tích mấy hôm rồi, bỗng nổi bênh trên mặt nước. Các bạn đồng học nảy ra ý kiến vác thi hài Choo đi ngược trở lại Hán Thành. Quân đội của Lý quên hẳn mất bài học kinh nghiệm là đừng bao giờ để cho dân chúng trông thấy máu nếu không họ sẽ dữ tợn như bò rừng tìm húc vào mẩu đỏ.

Ngày 20 tháng 4 lại sô sát, lần này 150 người chết, một con số đủ để lật đổ bất cứ một nguyên thủ nào trên thế giới kể cả Lý Thừa Văn. Dân chúng biểu tình khắp nẻo đường đòi giết Phó Tổng-Thống Lee Ki Poong được coi như là có trách nhiệm về cuộc bầu cử gian lận và đàn áp sinh-viên.

Lý Thừa Văn phải từ chức Tổng thống và sáng ngày hôm sau người ta tìm thấy Lee Ki Poong cùng vợ và con nhỏ ôm nhau nằm chết gục trên vũng máu. Dưới chân ba người là Kang Suk, con trai của Lee và con nuôi của Lý, bên

thái dương còn mang một vết đạn và tay vẫn còn cầm khẩu súng sáu mà Kang Suk đã dùng để hạ sát cả gia đình. Họ không để lại một lời một chữ nào nhưng trước cảnh tượng hãi hùng đó, người ta thấy rõ gia đình Lee Ki Poong đã lạnh lùng mượn chính ngay bàn tay con để để tự xử trí một cách rất Á-Đông, không để cho dân chúng kịp trức hết sự phẫn nộ chắc chắn là ghê gớm trên đầu họ.

Nhưng khi tấm thảm kịch của cả một quốc gia đã tìm được một kẻ đến tội máu thì dân chúng trước còn hung dữ, hôm sau đã trở nên cao nhã và rộng lượng, Chính sinh viên lại đi kêu gọi trở về trật tự, nhắc cho mọi người hiềm họa cộng sản vẫn còn nguyên vẹn bên kia vĩ tuyến và phải đối xử Lý Thừa Vãn một cách công bằng hơn vì dù không đồng ý với Lý người ta cũng không thể phủ nhận những gì Lý đã làm cho Cao-Ly.

Ngày 27 tháng 4 năm 1960, Lý từ gia đình tổng thống về nhà riêng của mình. Đường dài 4 cây số, Lý nhất định đi bộ. Đại sứ Hoa-Kỳ lo sợ có thể xảy ra cho Lý những chuyện không hay, đã cố ép lý lên xe. Nhưng dọc đường 500.000 người đã đứng ra tiễn chân Lý. Đi ngang qua ngọn đồi Đại-Học nơi đã phát xuất ra cuộc tranh đấu lật đổ mình, Lý đã dừng lại nhìn những khẩu hiệu các sinh viên dơ cao trên đầu: « Chúc ông sống lâu » hay « Mong ông an hưởng những ngày sắp tới ».

Lý vẫy tay chào những kẻ đã đuổi



Tượng Lý Thừa Vãn bị hạ

mình, nước mắt trào lên gò má nhăn nheo. Tiếng vỗ tay nổi lên, và có cả những tiếng nức nở của một số người quá xúc động.

Tái lưu vong

Ngày 28 tháng 4, Lý lên đường đi Hawaii. Con người đã 41 năm sống xa quê hương vừa trở về nước năm 70 tuổi nay lại xa quê hương lần nữa năm 85 tuổi.

Quyền hành, danh vọng, ân nghĩa, oán thù, tất cả đều lùi vào dĩ vãng. Bên cạnh Lý, chỉ còn người vợ buổi tao khang, Francisca Donner mà sự tận tâm

cũng như lòng can đảm đã giúp cho Lý đủ sức chịu đựng chuỗi ngày tàn.

Lý ở một căn nhà nhỏ tại Oahu bên một đại dương trải dài cho tới bờ biển xứ Cao Ly, nhìn sóng vỗ mà có thể đưa hồn mình về đất cũ. Một số người đồng hương chu cấp cho Lý sống và Lý chỉ tiếp vài người bạn thân, không bao giờ gặp báo chí. Đến năm 1952, Lý đau nặng phải vào nhà thương Maunalani. Sức khỏe suy giảm dần, Lý không nhìn được một bên mắt, Lý biết những ngày cuối cùng của mình sắp tới, nên nằm trên giường bệnh luôn luôn nói một mình: « Cho tôi về nhà ngay, tôi không thể chết ở đây được, tôi phải chết trên đất Cao Ly ».

Lời nguyện ước cuối cùng của Lý cũng không bao giờ thực hiện. Con người một đời lưu lạc đã chết nơi đất khách quê người như đề cho trọn kiếp phiêu dạt. Lý thở hơi cuối cùng vào quá nửa đêm 19 tháng 7 năm nay, tay Lý vẫn còn nắm chặt tay Francisca như trong buổi ban đầu gặp gỡ bên hồ Léman một đêm có nhiều sao.

Chính phủ Cao Ly cho phép đem thi hài của Lý về nước và Tổng Thống Phác Chánh Hi dự định cho làm lễ an táng một cách trọng thể. Sau đó có lẽ là vì e ngại những phản ứng của một số người còn nhớ dai, Phác chỉ cho chôn cất Lý một cách giản dị về phía Nam bờ sông Hàn.

Nhưng dân chúng Cao Ly đã không

nghe vậy. Mấy trăm ngàn người đã đứng im lặng bên đường, chứng kiến chuyển đi cuối cùng của Lý về lòng đất Cao Ly. Vì họ nghĩ rằng dù Lý có lỗi lầm gì, đó cũng đã là quá khứ. Còn như hiện tại, theo như lời Churchill đã nói, nếu cứ tranh tụng mãi với quá khứ thì hiện tại sẽ mất tương lai.

VŨ-BẢO

SÁCH MỚI

Bách Khoa đã nhận được :

★ **Hán-văn tinh-túy của Lãng-Nhân** do Nam-Chí từng-thư xuất bản và tác-giả gửi tặng. Sách dày trên 370 trang, là một tập văn dịch các bài văn chữ Hán từ thời chiến quốc đến cuối thế kỷ 19, những bài tiêu biểu cho tư-tưởng Đông-Phương. Sách in Hán Việt đối chiếu có thích nghĩa mỗi bài lại có minh-họa, trình bày rất mỹ thuật. Giá 95đ.

★ **Sách dạy máy xe hơi**, soạn theo chương trình bách khoa kỹ thuật, của ô Phan-Văn-Mão, thanh tra kỹ thuật nha Kỹ Thuật Học Vụ Bộ QGGD, soạn và nhà xuất bản Thanh-Quang gửi tặng. Sách tái bản lần thứ 5 gồm nhiều hình ảnh, dày 252 trang. Giá 75đ.

★ **Hương vương thơ**, tập thơ của Thanh Sơn do Phạm-Thị-Hoàng-Thanh xuất bản và gửi tặng. Sách dày 148 trang trên 70 bài thơ, giá 42đ.

Ngó qua các chặng đường xây - dựng

ĐOÀN-THÊM

Tiếng rằng xứ sở gia nhập cuộc sống mới từ ngót một thế kỷ nay, kiến-trúc ở VN chỉ thay đổi một cách chậm-chạp.

Tình-trạng đó là hậu-quả trực tiếp của một chế-độ thực-dân không lo kiến-thiết và 25 năm ly-loạn vừa qua.

Tuy Pháp muốn tồn tại ở đất này, giới hữu-trách, từ các Thủy-soái buổi đầu đến các Toàn-quyền kế tiếp, đã không có kế hoạch mở mang, vì thường chỉ tại chức một hai năm rồi về nước hoặc chuyển đi thuộc-địa khác.

Sau 40 trực trị ở miền Nam, sau 16 năm bảo-hộ ở Trung Bắc, các thị-trấn 1900 vẫn đầy rẫy nhà lá lụp xụp, quanh dăm bảy chục công-sở gạch ngói kiểu nhà Bungalow với những cửa tò-vò và giậu gỗ. Đường Catinat, lộ chính của Saigon chỉ làm đủ cho xe ngựa lộp-cộp chạy qua. Nếu cai-trị là nhìn xa trông rộng, thì quả thiệt điều kiện này thiếu hẳn ở những nhà dựng-cuộc bấy giờ.

Đó cũng là nhận xét của Paul Doumer năm 1898, khi sang nhận chức Toàn-quyền. Vốn là kỹ-sự cầu-cống, Doumer muốn thực hiện một chương-trình rộng

lớn, nhất là để thiết lập một Liên-Bang Đông-Dương với tổ chức tập quyền mạnh mẽ. Nên Doumer đã cho xây dựng một số dinh-thự lớn và trụ-sở các Tổng-Nha : dinh Toàn-quyền Hà-Nội, và Saigon, các nhà Bưu-Điện, Quan-Thuế, Ngân-Khố, vv.

Các tòa, các sở này, nếu tạm đủ để thỏa mãn nhu-cầu thời đó, thì khôn thay, lại mang nặng nhiều nhược-điểm về mỹ-thuật, cũng như hầu hết các công-trình của chính-quyền thuộc-địa về sau. Điều này rất dễ nhận, vì hiện nay còn rành rành ngay giữa « viên ngọc Á-Đông. »

Không có gì lìm khờ con mắt bằng những bề-thể không tương-xứng, những sự tô-điểm kênh càng, những chi-tiết bồi đắp quá thừa, những kiểu bắt chước vụng-về... Nhưng chính những sự phản nghệ-thuật như vậy, lại là đặc-điểm của nhiều ngôi công-thự.

Mặt tiền nhà Bưu-Điện Saigon mang trên tường một lũ mặt nạ Mascaron như bàn và tủ đời vua Louis XIV, với những miếng đá khắc tên mấy nhà điện-học Volta, Faraday, Gay-Lussac... dài kỷ-niệm hay là nơi gửi thư và bán cò ?

Tòa Đô-Sảnh đội một nóc tháp vô-lịch, chòi gác (Campanille) của một thị-xã nhỏ Âu-Châu thế kỷ XVIII, cạnh những nữ thần dơ dáng tượng trưng theo lối Modern-Style cuối thế-kỷ XIX, cũng như bức trần loè-loẹt của phòng họp Hội-Đồng.

Soái-phủ Nam-kỳ (Dinh Gia-Long) một khối nặng-nề, với dãy cột thừa trùng trục, lẫn cả mảnh sân đằng trước, cổ bạnh thật to trên khoảng đất quá chật; và tuy bề ngoài đồ-sộ, bên trong thấp hẹp với những căn phòng lũng-cùng; ấy là chưa kể những tấm kính vẽ màu (vitrail) chỉ nên thấy ở các thánh đường, cùng những hốc đục thủng tường, chứa những tượng thần Hy-Lạp nạn do tay thợ chẳng lành nghề ..

Bắc bộ-phủ (dinh Thống-Sứ cũ) cũng đánh lừa như dinh Gia-Long, ngoài to trong nhỏ. Nhà Hát Tây Hà-Nội 1911 vay mượn kiểu kịch-trường Opéra Ba-Lê 1874, tuy chẳng có phương tiện sáo-kỹ để theo kịp tổ điểm phức-tạp của Charles Garnier.

Dinh Độc-Lập trước 1962 không biết lợi dụng vườn được bao la mà ngòi quá ngàn cây, nhất là khi được ưu-thể choán đầu đường rộng khá dài, không gì vướng mắt. Cùng phạm lỗi đó, là Nhà Văn-Hóa hiện nay : rạp hát Saigon, từ trước Thế Chiến khi chưa có các tầng lầu Caravelle, cũng đã bị khách sạn Continental chen lấn không đành rộng là đại-lộ Vua Lê.

Còn có thể kể nhiều tí dụ, nhưng tóm lại, kiến-trúc thực-dân rất đáng chịu

lời phê bình nghiệt-ngã mà văn-sĩ Jules Boissière đã viết đề chê hai người Việt : «về nghệ-thuật, người An-Nam không có những, quan niệm quảng-bác, những ý-chí khoáng-đại, en matière d'art, les Annamites n'ont pas de vastes desseins». Nếu dùng câu đó để nhằm Chánh-quyền Pháp ở Đông-Dương, chắc hẳn phê bình đúng hơn.

Tình trạng vừa kể rất dễ hiểu, nếu ta nhớ rằng phần nhiều công-trình xây dựng kia, thực ra là của các kỹ-sư Công-chính, phụ-trách về Công-thự hay Công-binh. Kiến-trúc-sư Pháp ở Đông-Dương rất hiếm và chẳng được ai có tiếng. Còn kiến-trúc sư Việt, thì sau 1930 mới có vài người tốt nghiệp l hóa đầu (Ban Kiến-trúc lập năm 1926 tại trường Mỹ-thuật Hà-Nội)

Nếu kiến-trúc ở khu-vực công rất kém, thì ở khu vực tư, lại tương-đối khá hơn. Cũng như ở nhiều xứ khác, những ngôi nhà đáng chú ý nhất, xây dựng kỹ-lưỡng và theo kiểu tân tiến, là của các Công ty lớn và Xí-nghiệp lớn, vì họ dư phương-tiện, cần quảng-cáo, và gây tín nhiệm : các nhà Ngân Hàng, các hãng kỹ-nghệ và thương-mại. Những ngôi cao và mới nhất ở Hà-nội 1939, là của Công Ty Địa- ốc và Viễn-Đông Ấn-Quán, đường Paul Bert. Tại Saigon, chưa có tiệm buôn nào to và dễ coi hơn của Charner...

Còn về nhà ở, vài trăm biệt-thự ở các thành phố lớn, và năm sáu ngôi chúng cư ở Saigon, đã chứng tỏ rằng các sở-hữu-chủ chú ý đến mỹ-quan, hoặc lo tìm kiểu hợp-thời. Khuyết-hướng đó khá rõ-rệt sau hồi kinh tế khủng-hoảng 1929-1934, nhất là ở các khu mới mở tại Hà-nội, như quanh hồ Halais hoặc đường Hàng Dẫy, và nhất là ở các nơi di-dưỡng của giới phong lưu Tam-Đảo, Đồ-Sơn, Sầm-Sơn, Long-Hải... Một điều đáng chú ý là chính hồi đó, một số kiến-trúc sư đầu tiên của VN bắt tay vào việc xây dựng.

Tuy-nhiên, đại đa-số nhà trong các đô-thị, vẫn thuộc về thời «tiền kiến-trúc», xây theo kiểu của mấy ông Lục-lộ, hoa-viên, hay ngay của phó cả thợ hồ; nghĩa là dựng lên cho tạm đủ nơi cư-trú và sinh nhai : ba bức tường, hai mái, phổ chệt hay một tầng lầu ; nhiều khi còn thiếu cả những bộ-phận tối-thiểu để đáng gọi là ngôi gia cư. Nếu tình-trạng đó là sự dĩ-nhiên ở các xóm nghèo, thì rất đáng gây thắc-mắc ở ngay những khu thương-gia giàu-có tại Chợ-lớn hay Hà-Nội

Đã đành rằng các nghiệp-chủ thời đó chưa có ý-niệm tân sinh-hoạt. Song với uy-quyền cực mạnh của một chế-độ không thể chống đối, nhà đương-cuộc thực-dân không đoái hoài đến những sự cải tiến cần-thiết chẳng khó thi-hành : kiểu chính những dây lúi ra thụt vào của nhiều phú-gia (như đường Hàng Đào, Hàng Ngang, Hàng Đường Hà-Nội) cấm sửa chữa lại theo kiểu cũ, bắt buộc đặt cầu tiêu máy WC vv...

Nhiều khu "bản-xứ" bị bỏ mặc trong cảnh chui-rúc hoặc lăm lội, lăm nơi cống rãnh hôi hám đầy rác, những sự thường thấy ngay giữa Saigon và Hà-Nội bấy giờ. Một số thề-lệ vệ-sinh (1925-29) và xây cất (1928-1931) trong thực-tế, chỉ áp-dụng cho các khu mới mở, ngoài ra, không hề có kế-hoạch kiến-thiết chính-trang.

Mãi tới hồi Pháp-mạt (1942-1943) vài thành phố mới được lệnh nghiên cứu những đồ-án tu-chỉnh và mỹ-thuật-hóa. (Plan d'aménagement et d'embellissement). Nhưng trừ Dalat là nơi còn nhiều đất trống, chẳng địa-phương nào kịp thí nghiệm canh tân. Vì ngoài những khó khăn do Thế-chiến, còn sự khiếm-khuyết đang tiếc, là thiếu kiến-trúc-sư, Ban Kiến-Trúc 1926, tới 1942 mới được cải tổ và mãi đến 1944 mới thành trường Cao-Đẳng, số sinh-viên tốt nghiệp mỗi khóa chừng dăm bảy người.

Đại-khái như trên, là di-sản mà Việt-Nam đã phải tiếp nhận ; lại tiếp nhận giữa một giai đoạn chiến-tranh và phá-hoại.

Song công-cuộc kiến-thiết không thể chờ đợi thái-bình để có những điều kiện thuận-tiện hơn, vì nhu-cầu vẫn cấp-bách.

Trong khu vực công, các chính-quyền VN đều phải mở rộng phạm-vi hoạt động nên cần thêm nhiều trụ-sở cho các cơ-quan, và những cơ-sở công-ích phục-vụ dân chúng. Bởi vậy, từ 1948, công-quỹ dù eo hẹp, đã phải xuất ngân xây dựng nhiều tòa hành-chánh tỉnh và quận, trường học, nhà thương, chợ, trung-tâm thực-nghiệm canh-nông, v.v. : tổng số phí khoản về tân công-tác trong 10 năm qua, lên tới 1 tỷ 115 triệu. Từ 1951, lại đặt cơ-quan làm các cư-xá với tiền vé số Kiến-Thiết (10.844 nhà ở Saigon và vùng phụ-cận, 11.880 nhà ở các Tỉnh).

Việc tạo-tác ở khu-vực tư cũng tiến hành theo nhịp tối-đa mà tình thế cho phép : trung-bình, từ 1958, cứ mỗi năm có thêm 3000 nhà bằng gạch ; tổng-số nhà xây từ 1954 đến đầu 1964, là 20 714 ngôi các loại, nhà ở, rạp hát, kho hàng, xưởng máy... Nhất là ở Saigon, ít lâu nay, nhiều Cao-ốc đua nhau mọc sáu bảy tầng, nhiều nhà nhỏ được phá đi cất lại vì cho ngoại-kiểu thuê được giá.

Trong một hoàn-cảnh khó khăn đặc-biệt, bên cạnh những cuộc phá hủy không ngừng, mà ý-chí xây dựng vẫn vọt lên quá những hàng cây xanh ngắt để bèn bĩ với xi-măng, Nếu người có tiền chỉ mong doanh lợi, thì ít ra các nhà kiến-trúc được nhiều dịp đem tài giúp ích và góp phần và nghệ thuật.

Mục-tiêu thứ nhất, tất dễ đạt vì nhà nào trong khu vực công-tư hiện nay cũng thỏa mãn một phần nhu cầu khẩn-thiết.

Song mục-tiêu thứ hai, liệu đã tới gần chưa ? Xây nhiều, tốt lắm, nhưng

xây có đẹp không ? Đã tìm ra được những kiểu gì mới, hay có đặc tính khả quan
Hoặc ít nhất, đã quyết định đưa kiến-trúc xứ này theo trào lưu nào của kiến-trúc
hiện-đại ?

Theo vài bạn trong ngành, thì các câu hỏi như trên, đặt ra quá sớm, vì khi
đối phó với sự cần dùng cấp bách, chỉ cốt xây cho vững chắc và sạch mắt; ngay về
phương-diện này, cũng còn gặp nhiều chướng-ngại : như sự hạn-chế về tài-chánh
và diện-tích được sử-dụng, sự đòi hỏi ngang trái của nghiệp chủ...

Song nếu các nhà kiến-trúc không đáng trách vì gặp những trở-lực kể trên, thì
người quý-trọng nghệ-thuật vẫn có thể ước mong tìm đẹp ở quanh mình và cho
đất nước.

Dù sao, cũng có một điều đáng suy ngẫm lại. Đành rằng ở nhiều lãnh vực,
để đáp ứng sự cấp bách, thường phải có giải pháp tạm thời, nghĩa là không hoàn
hảo. Khốn thay, tạm-thời ở kiến-trúc có thể kéo dài hàng chục năm hay lâu hơn
nữa.

Một phụ-nữ tuy chỉ khỏe mạnh được chừng 40 hay 50 xuân, vẫn muốn đẹp
và cầu đẹp từ trẻ đến già. Một ngôi nhà tốt cũng đứng vững chừng ấy thời gian
sao có thể miễn đẹp hay tránh đẹp ?

Và chẳng, nhà đẹp chưa chắc đắt tiền xây hơn nhà xấu. Có những ngôi tốn
hàng triệu, giữa khoảng rộng trên ngàn thước vuông, mà ai đi qua cũng muốn biết
tên tác-giả để cười thầm.

Một tòa Tỉnh-Trưởng, một trường đại học, sao có thể tạm-thời ? Công-quỹ
sẽ lấy tiền đâu mà cho phá đi xây lại nhiều lần ? Xây dựng chỉ có nghĩa, nếu nghĩ
đến lớp người sau.

Chính vì muốn tiết kiệm cho các thế-hệ đương lên, và phải thực hiện như đề
tồn tại lâu đời.

Nếu súng đạn có thể nhất thời hủy hoại, nghệ-sĩ chân-chính phải vượt qua
mọi sự biến thiên mà hướng về ngày mai tươi sáng.

Đ. T.

Kỳ tới : Quan-niệm ứng-dụng trong kiến-trúc.

TRONG ĐÔNG-NAM Á



**XIN MỜI QUÝ-VỊ
LUÔN
LUÔN
DU NGOẠN**



bằng
của
ĐƯỜNG BAY

Caravelle
PHÂN LỤC CƠ TRẠNG LỆ NHÚT THỀ-GIỚI

Hoasen VIỆT-NAM

- ★ NHANH CHÓNG 800 CÂY SỐNGÀN MỘT GIỜ
- ★ ỀM-ÁI. MÁT-MỀ - ẤP LỰC ĐIỀU HÒA
- ★ TRANG-TRÍ TỐI-TÂN. ĐẦY-ĐỦ TIỆN-NGHI

Xin hỏi chi tiết và lấy vé nơi các hãng du-lịch hay

VIỆT-NAM



HÀNG-KHÔNG

116. NGUYỄN HỮU. SAIGON. 21.524-625-626

A
I
R
V
I
E
T
N
A
M

Theo gót Nguyễn-Du trên đường đi sứ

BÙI-HỮU-SÚNG

Xin xem BK.TĐ. số 209 (15.9-1965)

Kỷ niệm Nguyễn-Du

TÂM SỰ NGUYỄN-DU TRÊN ĐƯỜNG ĐI SỨ

Theo bản đồ đã phác họa trong Bách-Khoa số 209 trang 57, lộ trình của sứ giả Ng.-Du chia làm ba giai đoạn chính: 1) Giai đoạn từ Thăng Long tới Nam Quan; 2) Giai đoạn vượt qua khu vực cũ của nước Sở đến Bắc Kinh. 3) Giai đoạn từ già Bắc Kinh về qua đảo Hải Nam. Tâm sự của thi hào kiêm sứ giả cũng biến chuyển nhịp ba theo lộ trình trên.

Nhưng trước hết cần nhớ lại rằng Ng.-Du khởi hành vào đúng năm 49 tuổi (1765-1813). (Bốn chín chưa qua, năm ba đã tới.) Tâm hồn đã không còn trinh bạch hay hồn nhiên nữa; ông đã bị ám ảnh bởi mái tóc bạc, dấu hiệu suy nhược của thể xác và mang nặng một tâm sự u uất tích lũy từ 30 năm về trước.

A) Tâm sự bi phẫn trước khi đi sứ

Bầu tâm sự bi-phẫn ấy đã phát sinh trong trường hợp nào?

Mồ côi từ năm 11 tuổi ông đã thiếu hẳn tình thương yêu của cha của mẹ và thường khát vọng một cái đẹp thanh cao ủy mị, tế nhị, tinh vi Năm 13 tuổi mỗi tình đầu mới chớm nở như bông hoa nở đầy thơ mộng bên bờ nước sông Hồng, đã bị bẻ gãy ngay bởi một nền gia giáo khắt khe. Khi trở lại bến đò cũ vắng bóng người yêu, thiếu niên Nguyễn Du đã cảm thấy rất sớm cái tang thương của kiếp người, cái hư vô của vạn vật, cái thấm thoát của bóng thiếu quang:

*Trăm năm dầu lỗi hẹn hò,
Cây đa bến cũ, con đò khác xưa !*

Nguyễn Du (Hận Tình) (1)

Từ đây trở đi, bất kỳ mặt nước sông nào, ở Việt Nam như Vị Hoàng, Quế Giang, La-Phù, ở Trung-Quốc như Minh-Giang, Tầm-Giang, Hoàng-Hà đều quyến rũ ngòi bút của ông và cũng nhắc lại cái hình ảnh phù sinh và hư vô nói trên.

*Ở dưới Thủy Các, nước sông sâu,
Ngồi trên một người luồng âu sầu;
Bóng mây sớm chiều thay đổi chóng;
Lớp sóng cồn kim chìm nổi mau.*

(Bản dịch của cụ Bùi Kỳ)

Và cũng từ đây, thi sĩ thốt ra một câu hỏi nghẹn ngào làm đau mỗi cho những băn khoăn, những thao thức trong « Bắc Hành thi tập » và « Đoạn Trường Tân Thanh ».

*Vì đâu xa cách đôi nơi,
Bến nay còn đó nào người năm xưa*
Nguyễn Du (Hận tình)

Tiếp luôn sau câu chuyện tình hận trên, rồn rập không biết bao nhiêu biến cố đau lòng: loạn Kiều Bình, hai lần Nguyễn Huệ ra đánh Bắc, vua Chiêu Thống chạy trốn sang Tàu. Quốc biến gia vong; Anh em người chết, người

(1) Xem Bách Khoa số 209 trang 7, bài của ông Lê Văn Hảo.

lưu vong; Ng Du cũng phải bốn ba mươi năm, chịu đói, rét, ngồi tù. Chưa tới 30 tuổi, đầu đã bạc và mái tóc bạc này được nói tới rất nhiều lần trong ở các bài Hán thi sáng tác trước khi ra làm quan với triều Nguyễn.

Kịp đến khi ra làm quan (1802) với vua Gia-Long chưa đầy ba năm, linh cữu vua Chiêu-Thống được đưa từ Tàu về nước năm (1804). Các cựu thần nhà Lê lũ lượt kéo nhau ra ải Nam Quan đón rước, làm lễ mai táng và phúng viếng bằng những bài thơ văn ảo não, xúc động cả nhân dân; nhất là việc bà Hoàng Phi Nguyễn-thị-Kim trốn hãm trong dân gian, cũng lên đón rước rồi uống thuốc độc tự tử. Còn các người cựu thần nhà Lê hoặc đi tu hoặc cáo quan về ở ẩn, hoặc gửi mỗi cô trung vào các văn thơ. Cổ nhiên biến cố này vang dội mạnh vào lòng thi sĩ của chúng ta, lúc ấy đã cộng tác với Gia Long. Hình như Nguyễn Du cũng muốn cùng với tân triều thi hành Vương Đạo, cứu dân, cứu nước (ảnh hưởng của Khuất Nguyên, của bài phú nôm Khổng Tử mộng Chu Công của Nguyễn Nghiễm) nhưng than ôi, một mặt gặp phải nhà Vua đa nghi, quan trên dè dặt, mặt khác, nhóm di thần nhà Lê chê cười. Bị kẹp vào giữa thi sĩ khép lòng lại, phong kín sự uất ức

MỖI GIA ĐÌNH ĐỀU NÊN CHO CON EM ĐỌC :

HỌC ĐƯỜNG MỚI

Tuần báo của những tâm hồn trong sáng

Ra ngày Chủ Nhật

Số ra mắt : 24-10-65

Tờ báo duy nhất do các nhà văn, nhà giáo viết vì các em học sinh.

Chủ nhiệm :
Trần-Trung-Du

Chủ bút :
Nhật-Tiến

Thư ký Tòa soạn
Lê-Tất-Điều

của mình trong nước mắt, vắn thơ hay gửi vào giòng sông, ngọn núi nơi quê hương:

Ngã hữu thôn tâm vô dĩ ngữ

Hồng Sơn, sơn hạ Quế giang thâm

(Ta có một tâm sự không biết nói cùng ai,

Có chăng chỉ có Quế-Giang sâu thăm Hồng Lĩnh mà thôi)

Chỉ có Hồng Lĩnh, Quế Giang là bạn tâm tình của ông, cho nên dầu lưu lạc, dù ra làm quan với nhà Nguyễn, dù sang sứ, lúc nào lòng ông vẫn thiết tha nhớ quê hương.

« Không biết nói cùng ai » (vô dĩ ngữ) bầu u-uất ấy đã kết tinh từ lâu năm trong tâm khảm, nay bước sang cảnh lạ xứ người, không bị không khí chính trị đè nặng như ở nhà, liệu bầu u-uất ấy có nhẹ bớt đi chăng? Hay nó sẽ như chiếc đèn « pha », tới bước đường nào, nó cũng tỏa ra, nhuộm cảnh vật theo màu sắc u buồn của nó rồi quay trở lại đáy lòng để tạo cho thi sĩ một vũ trụ sắc thái riêng biệt, vũ trụ « Nguyễn Du » ?

B. Tâm-sự từ Thăng-Long đến Nam-Quan. (*Hồng nhan bạc mệnh*)

Chặng đường mới khởi hành, không những không làm giảm bớt, trái lại, đã u buồn lại u buồn hơn. Nhất là sứ giả phải đi ngang qua thành Thăng Long, cố đô của nhà Lê Trên sân khấu lịch sử này đã diễn ra biết bao lớp tuồng phũ phàng mà lớp tuồng nào cũng vang dội mạnh vào tâm hồn thi nhân. Nào những

nhà đồ sộ tự nghìn xưa, nay đã biến thành đường đi ; nào các bạn trai trẻ xưa nay đã thành các ông già ; nào người nàng hầu của em mình đã bỏ đi lấy chồng được ba con rồi, nay gặp lại, vẫn còn thấy mặc chiếc áo cũ lúc ra đi : thật là thương tâm ! Nhưng khổ tâm nhất là việc gặp lại giữa đám tiệc một nữ danh ca « Cô Cầm » thời xưa, nay đã cao tuổi, thân hình gầy yếu nét mặt nguôi lạnh, đôi mày xơ xác, biếng diêm tô. Cô là kỹ nữ duy nhất còn hát được những bài thời huy hoàng của Lê Triều nhưng « dạo qua khúc, lệ thấm rơi ». Khổ tâm ở chỗ đôi bên gặp nhau mà không được lấy một lời chào hỏi, một lời thông cảm. Có lẽ từ đây trở đi, Cô Cầm cùng với các bóng ma của các phụ nữ sẽ gặp trên đường đi sứ (Vọng Phu, Dương Quý Phi, Tiểu Thanh), đúc kết thành hình người *hồng nhan bạc mệnh*, trong tư tưởng của thi nhân. Giọt lệ thấm rơi ở đây sẽ mở đầu cho nhiều giòng lệ sau này và đều khóc những bậc tài tử, giai nhân cùng chung một số kiếp đoạn trường.

Đến Lạng-Sơn, thi sĩ đứng dưới Đoàn Thành lệ ứa thấm khăn, vì cảm thấy « phơ phơ mái tóc già với phong trần » « Tâm sự anh hùng đã nguôi lạnh rồi ». Ông nhớ nhà, nhớ lại mấy năm làm quan « Tiếng cười đáng nhai mặt, cũng có khi không được tự do ». Chế độ dưới Gia-Long nghiêm khắc đến thế ư ! Qua Quỷ Môn, tâm hồn thi sĩ ngầy ngất nhìn đoàn người và ngựa tiễn sứ đoàn đến đây, chia tay để quay trở về. Trăng tà, vượn hót, đêm khuya đường

dài giá rét, ông mượn rượu để ấm lòng. Ông tránh « mọi sự thù tiếp » hình như để được âm thầm đau buồn trong cô đơn trên đường trường. Nhưng cũng chính trên quãng đường này, các mâu thuẫn len lỏi vào tâm hồn, khiến thi sĩ bắt đầu thắc mắc và mở lòng tiếp đón những nguồn thi hứng mới.

Mâu thuẫn thứ nhất diễn ra giữa thi sĩ, tuy « còn trẻ nhưng có vẻ già » và thiên nhiên vùng Lạng Sơn gặp tiết Xuân vẫn tươi trẻ lại :

«Người tự râu rí, cảnh xuân vẫn tốt tươi»

Mâu thuẫn thứ hai giữa lời dạy của kinh Phật và cảnh vật : « Đạo Phật không có bày đặt ra cái gì cả » thế mà « nhìn vào trong thành nhiều sự thay đổi, lòng ta cũng phải thở than » (mâu thuẫn sẽ được giải quyết ở đài Phán Kinh trên đường về).

Mâu thuẫn thứ ba : Khi nhìn núi Vọng Phu, thấy hòn đá hình người đàn bà sừng sững đứng chờ ngóng chồng dưới bầu trời, giữa núi non lớp lớp mờ mịt, thi sĩ ngạc nhiên hỏi sao « riêng đề bạn phụ nữ giữ phần biểu dương đạo luân thường ».

Mâu thuẫn bi đát hơn cả là mâu thuẫn nội tâm. Trên đôi vai sứ giả đang nặng trọng trách quốc gia, ông thấy xuất hiện trước mắt một cảnh nhàn nhã : dưới chân núi, bên cạnh suối nước, nhà sư thừ thả sau hàng trúc, đưa trẻ mục đồng ung dung cưỡi trâu, một cụ già ngồi hưởng nhàn. Cụ già này được nhân

« chỉ vì bình sinh, không đọc sách » (Có ý phản nản rằng vì mình có tiếng hay chữ, giỏi thơ nên bị nhà vua cử đi sứ chân trời góc bể). Quay lại nhìn bóng dáng mình « mày râu đã già mất rồi » và lòng lại ước mong được về nghỉ nơi quê nhà, bên rừng thông khóm trúc.

C) Tâm sự từ Nam Quan, qua nước Sở đến Bắc Kinh (tài mệnh tương đố)

Nhưng đừng thấy nhà thơ chán ngán, tâm hồn xâu xé giữa những mâu thuẫn chúng ta vội tưởng sứ giả Nguyễn Du thiếu tinh thần trách nhiệm. Không phải thế. Từ khi ngồi xe vượt qua Nam Quang sang đất Trung Quốc, trống kèn nổi lên ầm ầm nghênh đón, sứ giả rất thận trọng nhiệm vụ nặng nề của mình. Trong bài thơ « Nam Quan Đạo Trung » ông đã viết : « Bức thư ngọc (chiếu nhà vua) từ trên vừng mây năm sắc đưa xuống », sứ giả lo ngay ngáy « ơn trên như bể, chưa báo đáp được mảy may gì ». Như vậy có đâu là lả lơi về sứ mệnh do triều Nguyễn giao phó cho, có đâu là hoàn toàn trung thành với nhà Lê nữa. Và lại trong hai họ Nguyễn ở vùng Tiên Điền và Trường Lưu đã có vài vị danh nho cũ đi cầu phong rồi, nhờ kinh nghiệm truyền thống trong nhà ông biết rõ đường đi, ông tin ở tài ngoại giao của mình và ông vững bước và mạnh tiến : « Đường cái quan bằng phẳng, không phải hỏi thăm ai ; qua Minh Giang, lên phía Bắc tức là đất Trường An rồi ».

Vậy đa số các bài Hán-thi trong « Bắc

- Hành thi tập » nên coi như là chỉ ghi tâm sự riêng biệt của thi nhân Nguyễn Du và bỏ ra ngoài phần sứ-mệnh.

Sang tới nội địa Trung Quốc, ngồi trong thuyền ngắm cảnh sông núi, thi nhân thả hồn vào giữa những cảm giác và gằng gát bỏ những cái gì có thể kích động mỗi tâm tư sâu kín của ông. Chiều xế sắp qua rừng Hoa Sơn, ông cho lệnh ngừng thuyền lại mai hãy đi, e sợ đêm đến phải nghe những tiếng vượn hót nào nùng đứt ruột. Nghe thấy tiếng đàn Ty Bà bên sông, ông vẫn đi thẳng không dừng thuyền lại, sợ lại khơi động nỗi u buồn trong tâm khảm. Tình quê hương vẫn vương thường xuyên ở trong lòng lần này cũng bị ông « khóa buộc » lại. Gặp những phong cảnh đã thấy tả trong các sách vở, ông cũng bỏ quên đi để được trực tiếp quan sát phong tục và với sinh hoạt Trung Quốc. Những nhận xét ấy rất xác thực và sâu sắc không thua kém nếu đem so với những đoạn tả chân về xã hội như của E.Zola.

a) Nhận xét thứ nhất là sự dị biệt giữa 2 dân tộc về phong tục để tóc. Khi Ng : Du sang sứ, người Trung Quốc, dưới nền đô hộ Mãn Thanh, đều kết bím, khác với người Việt Nam ta vẫn để tóc dài và búi lên thành các búi tóc trên đầu. Có lẽ ông cho người Trung Quốc vong bản, ông nói một giọng hài hước rằng « Tóc dài lỏa xỏa, tự thấy mình lạ mọi rợ ». Trong thâm tâm chắc ông vẫn phục bọn Lê Quýnh, khi chạy theo vua Lê Chiêu Thống sang Tàu, giữ nguyên được búi tóc. Trong một bài thơ ca tụng một

tướng nhà Minh kháng chiến chống Thanh cho đến khi tuấn tiết, không chịu gióc tóc kết đuôi sam: « Thiên Thu địa hạ phát do trường », Nghìn thu ở dưới đất, tóc vẫn còn dài. (Tóc ở đây tượng trưng cho lòng trung, cho văn minh cổ hũu của dân tộc).

b) Nhận xét thứ hai : bài Hán thi nhan đề « Sở Kiến Hành » tả bốn mẹ con một nhà lao động, gặp năm mất mùa phải bỏ quê nhà đến vùng được mùa để kiếm ăn. Người mẹ hết sức làm thuê, không đủ nuôi đàn con dại, đành lang thang đi ăn xin trên đường cái. Trước sau rồi bỏ xác bên ngòi rãnh, làm mồi cho chó sói. Mẹ chết đã đành nhưng nhìn lũ trẻ « khách qua đường biết bao nỗi băn khoăn. Ấy thế mà hôm trước đây, ở trạm Tây Hà cổ bản đón rước sứ giả hết sức linh đình », « đây bàn gân hươu lẫn vi cá ; thịt lợn, thịt dê nào thiếu gì, các quan lớn ngồi không chọc đĩa, bọn tùy tùng chỉ ném tý ty »

c) Nhận xét thứ ba : Một bức tranh tả thực khác, cũng đầy mâu thuẫn như bài trên và cũng không kém phần đen tối: « Thái bình mại ca giả ». Bài này tả một ông lão mù đi hát rong tại chân Thái Bình, một buổi tối, lại gần thuyền hát cho sứ giả nghe, miệng hát sùi bọt, cổ ráo, tay lầy bầy. Khi sứ giả thưởng cho năm sáu đồng tiền, ông lão cảm ơn rồi rít, đã đi khỏi thuyền, còn quay lại tạ ơn nữa. Trong khi ấy : Lễ Cung thuyền sứ « thuyền dây côm, ứ thịt nem » ăn không hết, đồ chìm xuống sông. Trước những cảnh chênh lệch, bất công xã-hội

như vậy, tác giả đã quên mâu thuẫn nội tâm của mình để nhìn vào mâu thuẫn trong xã hội nước người, đã quên khác mình để nhỏ những hạt nước mắt từ bi cho nhân loại. Điều đặc biệt mới lạ với tác giả là «cứ tưởng đất Trung Nguyên mọi người đều no ấm, ngờ đâu Trung Nguyên cũng có người khổ thế này». Trung Quốc thực tế đã khác với Trung Quốc trong tưởng tượng của ông.

d) Từ mâu thuẫn trong đám người sống, tác giả chuyển sang những mâu thuẫn nơi người chết. Viếng làng cũ của Dương Quý Phi, ông thấy mĩa mai biết chừng nào khi các quan văn võ ngồi bó tay, bất lực trước cuộc binh biến rồi đổ lỗi cả lên trên đầu một giai nhân và lên án «sắc đẹp nghiêng thành»: Viếng miếu thờ Cù Các Bộ, ông ngạc nhiên: một lão tướng đời Minh cầm quân chống nhà Thanh cho đến chết, không chịu gióc tóc kết đuôi sam theo giặc, ấy thế mà miếu này hương khói lạnh lùng, vậy sao có thể bảo Trung Quốc là một nước văn hiến, đề cao Trung Nghĩa? Viếng nhà cũ của Liễu Tử Hậu, một văn gia đời Đường ngang hàng với Hàn Dũ, Tô Đông Pha, thi sĩ tự hỏi: tại sao nhà văn ấy lại bị lưu đày đến nỗi tâm trí thành ngu si, ngu đến mức trong nhà cây đẹp, suối trong cũng hóa ngu theo. Sao vậy, có phải tại chữ mệnh ghép chữ tài chăng? Bậc thi bá Đỗ Phủ cũng trong trường hợp tương tự, cũng chịu một kiếp đau ốm, nghèo túng. Ngần ngơ, Nguyễn Du tự hỏi: Có phải tại thơ hay chăng?

Những mâu thuẫn trong xã-hội trong lịch sử trong nội tâm kết tinh lại, trên ra lý thuyết. «Tài Mệnh tương đố». Qua lại với mình, ông thấy thuyết đã áp dụng một cách bi đát cho chính thân thể mình:

«Hồi trẻ ta cũng có tài năng ví như cây gỗ tốt

«Nay dầu bạc rồi buồn than một mình dưới luồng gió thu».

(Vinh Châu, Liễu Tử Hậu cổ trạch)

Thuyết trên còn linh nghiệm hơn nữa khi thi sĩ đi qua Hồ Nam và Hồ Bắc. Hai vùng này xưa kia thuộc về nước Sở, nay hãy còn «thoang thoảng mùi thơm hoa lan hoa chi», hai thứ hoa mà Khuất Nguyên bình sinh hay đeo trên quần áo, nhưng than ôi, «hồn oan bốn phương biết gửi nơi nào?». Lúc sống, lòng Trung không được nhà vua biết tới, nghe bọn nịnh thần đầy ải ông, để kén hiền phải mình xuống sông chết. Từ 2 nghìn năm nay dân sở tại vẫn có tục tổ chức bơi thuyền kỷ niệm, lại có vài kẻ hiểu kỳ cũng đeo hoa lan, hoa chi vào người thi sĩ cho đấy là học đòi phần hình thức chứ họ theo sao được cái phẩm cách thanh cao của cổ nhân. Duy chỉ có Nguyễn Du mới là bạn tri âm thông cảm được mỗi cổ trung của Khuất Bình.

Cái tài của Khuất Bình thì ai cũng rõ: tài chính trị (ban hiền lệnh đề an muôn dân) tài sáng tác ra tập thơ bất hủ Ly Tao, chí dũng cảm nhất định chết để cảnh cáo nhà vua. Còn mệnh (số

mệnh) ra sao? Là phải sống dưới chế độ thối nát, bọn quan lại bợ đỡ nhà vua, bóc lột dân, ngòi mạt bọn này làm ra vẻ đạo đức nhưng thật sự chúng giấu nanh vuốt ác độc của chúng và « nhai thịt người ngọt như đường ». Chế độ ấy chà đạp lên con người, — nhất là con người tài sắc, — đã diễn ra từ thời Khuất Nguyên, nay vẫn diễn ra ở Việt Nam (1813) và ở Trung Quốc (dưới đời Mãn Thanh). Và dù Tống-Ngọc hay văn nhân khác có gọi hồn về, xin Khất Nguyên cũng đừng về trái đất này, tâm hồn trong trắng như họ Khuất ở sao được với bọn ô trọc, giả đạo đức.

Nguyễn-Du chưa có ý thức chính trị và chủ trương làm cách mạng như chúng ta ngày nay; ông cho sự bất công trong xã hội thối nát là một định luật thép thường xuyên đè bẹp kiếp người; « Tài mệnh tương đố », thuyết ấy, theo thiên ý nó bất rã và thành hình từ trên đường qua nước Sở và sẽ là nòng cốt của tập Đoạn Trường Tân Thanh. Nếu độc giả hiểu « chữ mệnh » theo như cái ý nghĩ tôi vừa đề nghị, độc giả sẽ không lấy làm lạ trong Bắc Hành thi tập, không gặp một dịp nào mà Nguyễn-Du không bắn một mũi tên châm biếm vào mặt bọn quan lại. Dĩ chí, một lần thăm miếu Tam Liệt, thờ ba người liệt nữ Trung Hoa, ở đây kể ra không có gì liên can đến chính thể, ấy thế mà cuối bài thơ « Miếu Tam Liệt » cũng có hai câu kết lột mặt nạ bọn nịnh thần :

Thầy ôi ! lúc thanh-bình, biết bao kẻ

vênh râu, nói hiểu, bàn trung đề tự tôn mình.

Tâm lý học ngày nay cho rằng những người ghen ngào (l'homme angoissé) hay có những phút nổi nóng, tấn công ồ ạt (agressif) vào đối phương của mình. Giải thích ấy phù hợp một phần nào với tâm sự Nguyễn Du trên đường qua Trường Sa đi Bắc Kinh. Chỉ khác là ở đây, Nguyễn Du tấn công bằng thơ văn, bằng tư tưởng. Ghen ngào của thi sĩ là một thứ ghen ngào sáng tạo.

Ghen ngào từ trong mấy chục năm, đến đây, Nguyễn Du đã tìm ra nguyên nhân. Nếu vượt được nó bằng hành động, ông sẽ trở thành nhà cách mạng; nếu xây dựng tư tưởng thành hệ thống ông sẽ trở thành triết gia; nếu vượt qua đi sâu vào tôn giáo ông sẽ là tu sĩ. Nhưng không, ông không vượt qua. Ông lại trở về với cô đơn, vớ thao thức, với số mệnh. Từ đấy lòng ông khép lại và sâu thẳm như một cái giếng không đáy, đề khi về quê lại gửi vào lòng sông Quế Giang thăm thẳm. Từ đây ông kiến tạo trong thơ văn một vũ trụ mà màu sắc trội nhất của nó là màu u buồn mùa Thu. Nhìn ra quang cảnh bao la của nước Sở thấy cây cối điêu hiu lá rụng đầy sông, ve kêu inh ỏi, ông lắng nghe âm điệu thanh thương hòa với nhạc điệu trong lòng mình :

Thanh Thương điệu lẫn đâu trong đó

Người nếu không buồn, dễ biết sao

(Sơ thu cảm hứng)

Thăm lâu Nhạc Dương hay Hoàng Hạc Lâu, hay nhìn sông Hán-Thủy, Nguyễn-Du vẫn cảm thấy đời người ngắn ngủi như ảo mộng. Mấy nơi này là di tích các vị tiên có phép trường sinh thể mà các vị cũng chìm vào hư vô tịch mịch, hưởng hồ là những người thường như chúng ta. Ông bùi ngùi, tình cổ hương tưởng chừng như quên bẵng đi, nay lại từ tìm thức chỗi dậy khi ông theo con đường bộ lên Bắc Kinh dâng lễ cống hiến.

D — Tâm sự từ Bắc Kinh về nước (Phật tại tâm)

Từ biệt Bắc Kinh, lòng ông đã đôi chút thanh thản, bệnh khủng hoảng nước mắt cũng nhẹ đi. Trên đường về, những thắc mắc hay mâu thuẫn cũng lần lần giải quyết được phần lớn.

Về mâu thuẫn chính trị, ông đã bớt thắc mắc về thái độ của ông quy thuận nhà Nguyễn. Nhân viếng mộ Á Phủ (Phạm Tăng), ông chê nhân vật không hiểu thời cơ và thiên mệnh. "Mắt đã thấy năm sắc mây nổi ở đất Ba Thương thế mà không biết mạng trời đã hướng về họ Lưu" (Lưu Bang nhà Hán) lại còn mưu đồ cứu nước Sở, để người đời chê cười là ngu. Có lẽ, Nguyễn Du muốn ám chỉ việc nhà Lê đã hết thời, sứ mệnh thiên tử sang tay nhà Nguyễn, vậy kẻ thức thời phải thuận theo thiên ý.

Ý nghĩ của ông về chữ trung cũng xét lại minh bạch.

Trước mộ Tỷ Can thi sĩ tỏ lòng cảm phục nhân vật này và liệt vào bậc chí sĩ nhân (chết để giữ đạo nhân) và bác cái phân loại mập mờ nguy biến của lão nhà quê họ Ngụy, chia ra trung thần và lương thần.

Lời bàn về Nhạc Phi và Tần Cối cũng thực là rành rẽ và châm biếm. Lúc con người trung nghĩa (Nhạc Phi) còn sống người ta đã bỏ không cứu về sau còn dựng tượng tên Hán gian (vợ chồng Tần Cối) để thiên hạ đánh chửi, thật là một việc vô ích: đánh đắm cục sắt (tượng Tô Tần), nó có biết đau đâu? Nhưng thôi, tượng Tần Cối cũng có công dụng là làm gương cho bọn loạn thần, đời nào chả có. Văn giọng đã kích quan lại!

Trên đường về có ba đặc điểm đáng nêu ra:

a) Điều thứ nhất là Nguyễn Du ngộ Đạo. Nhân về tới Nam Kinh, thi sĩ vẫn cảnh dài Phán Kinh. Nơi đây, một thái tử Triều Lương ham thích văn chương, mang các kinh điển của đạo Phật ra phân loại Nguyễn Du chê cười việc phân chia ấy: Theo ông đạo Phật vốn là không; linh văn không chới buộc trong ngôn ngữ; những kẻ u mê theo đạo Phật chẳng thấy, họ chỉ thấy ma, và bọn ngu tăng đời sau làm nhảm tai thiên hạ.

Ta nghe nói rằng Thế Tôn ở Ltnh Sơn,

Thuyết pháp độ người rất nhiều như hạt cát sông Hằng,

Người ta giải thoát được tấm lòng, ấy là mình tự độ mình.

*Linh Sơn ở đâu ? Chỉ ở trong lòng người
Tấm gương trong kia không phải là đài,*

Cây bồ đề nọ không phải là cây,

Ta tụng Kim-Cương có hơn nghìn lượt

*Những ý nghĩa uyên thâm trong đó, phần
nhiều vẫn không hiểu rõ.*

Tới nay đến dưới đài Phân Kinh này.

*Mới biết rằng kinh không chỉ mới thật
là chân kinh.*

Thế là khi còn ở Lạng Sơn Nguyễn Du thắc mắc về đạo Phật, nay vượt đường rừng nhìn vào chúng sinh lâm than khổ ở, mang tâm ra suy nghĩ, nay đứng dưới bóng Từ bi, ông đã giác ngộ. Ông cũng tin có một thế giới bên kia và linh hồn người ta không bị tiêu diệt. Nhưng ông không có mê tín về ma quỷ về thần tiên, đạo cốt. Cái tâm sáng suốt của ông đã đưa ông đến chỗ an nhẫn, đến chỗ lấy tâm an ủi mọi nỗi đau khổ.

b/ Điều đặc biệt thứ hai, cần nêu ra trên đường về là tác giả thôi không còn «Lệ thắm khăn» như trước nữa. Hơn nữa ông đã biết nhìn về tương lai, về hậu thế: ông tin tưởng sau này sẽ có người đọc văn thơ của ông, hiểu tâm sự đau đớn của ông :

Bất tri tam bách dư niên hậu.

Thiên hạ Thuỳ nhân khắp Tổ Như

C/ Một điều nữa là giọc đường trường, nhiều lần, ông thường thấy tạo hóa thờ ơ với lòng ông ; nhưng nay về gần tới nhà, trong một đêm trắng ở đảo Hải Nam, ông nhìn về quê hương, mặt

Bách khoa đã nhận được :

★ **Tiếp nối**, tiểu-luận 1956-1960 của Trần-Thanh Hiệp, do Sáng Tạo xuất bản và tác-giả gửi tặng. Sách dày 154 trang gồm 6 tiểu-luận và hậu từ : «Nhìn lại một đoạn đường đã qua». Bản đặc biệt không đề giá.

★ **Gió mùa** tiểu thuyết của Ngô-Thế - Vinh, do Sông-Mã xuất bản và tác-giả gửi tặng. Sách dày 170 trang, bìa và phụ-bản của Nghiêu-Đề, bản đặc-biệt không đề giá.

★ **Tuổi đất** tập thơ của Trần-Huyền-Ân, Quang-Hoài và Huyền Phong, do các tác giả gửi tặng. Tập thơ in ronéo, khổ 16×24, dày trên 40 trang, mỗi tác giả có 10 bài thơ chọn lọc, không đề giá bán.

★ **Sống tranh đấu** của Huỳnh Minh-Trúc Phụng do soạn-giả Nguyễn-Trúc-Phụng, biên khảo tủ sách «Người Hiếu Học», gửi tặng. Sách dày 158 trang, thuộc loại «Bí quyết để thành công», giá 40đ.

★ **Dân tộc**, tuần báo số 1 và số 2, «tiếng nói thiết hội của đoàn thanh-niên dân-tộc». Mỗi số 32 trang, khổ 21×30, do Ô. Lưu-Duyên chủ trương biên tập. Mỗi số giá 5đ.

★ **Sinh-viên Huế**, tuần báo tranh-đấu xã-hội chính trị văn-học của Sinh-viên Đại-Học Huế, số 1 ra ngày 24/9/65. Chủ nhiệm : Trần xuân-Kiểm, chủ bút : Hà-Nguyên-Thạch, Tổng-Thư-Ký : Hoàng phủ Ngọc-Tường, Tòa-soạn: 22, Trương Định Huế. Báo khổ 33×47, mỗi số 8 trang giá 4đ tại Huế và 5đ các nơi.

trăng đã cùng ông thông cảm như một người bạn tâm tình trong bước lưu lạc.

Tóm lại cuộc công du này đã mang lại cho tâm hồn Ng. Du một kích thích tinh thần sâu rộng. Cuộc hành trình này đã là một hành trình không những đi sâu vào lục địa Trung Quốc, vào lịch sử Trung Quốc mà chính là đi sâu vào ngay đáy lòng ông. Mở rộng nội giới và băng bó những vết đoạn trường.

Về tới nhà, sau khi châu vua, ông vội xin về quê nghỉ sáu tháng. Nhìn con cháu đã thấy hàng đàn, ông yên tâm về tương lai của họ nhà mình. Ông bỏ tóc xòa, đi dạo chơi trên sông, hát ngâm (tựa như Khuất Nguyên) gửi tâm sự vào nước chảy mây bay, vui lòng chờ ngày tận số.

Nhi nữ thành quần tử bất thương
(Giang đầu tản bộ)

(Trai gái hàng đàn rồi, dù chết cũng được)

Xuất một đời người, Ng. Du vẫn có một điều gì uất ức không thể nói ra được mà cũng không biết ngỏ cùng ai. Ông chỉ biết ký thác vào hai áng văn cuối cùng, nhưng cách ký thác cũng kín đáo lắm, cái uẩn kia gây hứng thú cho độc giả nhưng là bài toán nan giải cho nhà tâm-lý-học.

Sau cuộc công du, ông hoàn tất tập Đoạn Trường Tân Thanh mà ông bắt đầu sáng tác từ khoảng 1806. Và khi bị gọi ra làm Tham-tri bộ Lễ (1814-1819)

coi việc tế tự, nhân ngày lễ Trung-Nguyên rằm tháng bảy cúng cô hồn, ông sáng tác bài «Văn Tế Thập Loại Chúng Sinh». Bài này gọi lại như một cuốn phim tất cả những cảnh chết bi đát trong thời loạn ly khói lửa. Cuốn phim rùng rợn, đau thương trong đó các tài tử (đa số là nữ) là những bóng ma đã theo gót thi nhân trên đường đi sứ và sau đấy được ngồi bút thần của Ng. Du «khai quang điểm nhãn» mời về ngồi nghe Kinh dưới chân Phật đài trước khi bay sang miền Cực Lạc.

Bùi - Hữu - Sùng.

SÁCH MỚI

BÁCH KHOA vừa nhận được :

— **Tìm hiểu triết học Karl Marx**, của Trần Văn Toàn do Nam Sơn xuất bản và gửi tặng. Sách dày 160 trang, in lần thứ hai, thuộc tủ sách Nghiên cứu Xã hội, giá 60đ.

— **Đêm tóc rối**, truyện dài của Dương-Nghiễm-Mậu do Thời Mới xuất bản và nhà xuất bản gửi tặng. Sách dày 219 trang giá 70đ.

— **Người Việt đáng yêu**, khảo luận của Doãn Quốc Sỹ do Sáng Tạo xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 190 trang, gồm những phần chính sau đây : Làng V.N., người Việt đáng yêu, vài ý nghĩ về việc xây dựng Quốc học, Người Việt đáng yêu dưới mắt Ô Pazzi... Bản quý không để giá.

CÔNG ĐỒNG VATICAN II

và Tự - do tín - ngưỡng

NGUYỄN-NGỌC-LAN

Tôn trọng tự do tín ngưỡng là trung thành
với tinh thần Tin Mừng Đức Kitô

(xin xem từ B.K.I.D. 210)

Khoan nói đến chuyện khác nhau về tín-ngưỡng, ngay đối với những kẻ gian tà, làm điều ác, Chúa Kitô đã hùng hồn nói lên thái độ bao dung của Thiên-chúa :

« Các anh từng nghe bảo : Hãy mến yêu thân-nhân và hãy ghét địch-thù. Còn tôi, tôi bảo các anh : hãy mến yêu thù địch và khẩn cầu cho những người bắt bớ các anh : ngõ hầu các anh nên con cái cha các anh trên trời, vì Ngài cho mặt trời mọc lên trên kẻ dữ và người lành, và làm mưa trên người ngay và kẻ ác » (Mt 5, 43-45).

Trong một dụ - ngôn (Mt 13, 29), lúa tốt với cỏ dại mọc chen với nhau là lẽ thường-tình, không nên nhổ

cỏ trước, phải để cho cả cỏ lẫn lúa lớn lên cho đến mùa gặt mới nên tính chuyện phân rẽ. Chính vì trần gian này chưa có gì là quyết định : người tốt chưa hẳn hoàn toàn tốt hay nhất quyết sẽ tốt, kẻ xấu cũng chưa hẳn hoàn toàn xấu hay xấu mãi. Trong một dụ ngôn khác, người cha tôn trọng sự tự do của đứa con bạc bẽo đòi chia của và bỏ nhà ra đi, phẫn nộ cho đến khi chỉ còn hai bàn tay trắng và một nỗi ân hận nặng nề. Người cha không dùng bạo lực mà bắt đứa con về chỉ ngày ngày ngóng nẻo đường xa mà chờ đợi ... (Lc 15, 11-32).

Đem lại cho đời một đạo lý mới, Đức

Kitô là hiện thân của thái độ tôn trọng sự tự do chọn lựa của con người trước đạo lý ấy. Lòng Ngài « hiền từ và khiêm tốn » (Mt 11, 29). Ngài « không đến để được người ta hầu hạ, nhưng là để hầu hạ » (Mt 20, 28), không nở « bẻ cây sậy dập gãy, tắt tim đèn còn ngút khói » (Mt 12, 20). Đi ngang qua một làng Samari, người ta không chịu tiếp đón Ngài, đồ đồ nổi máu kiêu - hiệp đòi trả đũa thị-oai: «Thầy có muốn chúng tôi khiến lửa trời sa xuống mà tiêu diệt bọn chúng không?» Nhưng quay lại, Ngài quả mắng họ (Lc 9, 56). Trong một hoàn cảnh còn bi đát gấp bội, Ngài càng tỏ ra tối kỵ việc dùng đến bạo lực: Khi bị bắt, Ngài không chịu để cho đồ đồ dùng vũ khí bênh vực mình: «Hãy xô gươm vào vỏ, vì ai dùng gươm sẽ bị hại vì gươm» (Mt 26, 52) Thế thì Ngài đã muốn dùng cách nào để thu phục con người? Một cách kỳ lạ, độc nhất vô nhị trong lịch sử: «khi nào ta bị treo lên cao khỏi đất, ta sẽ kéo mọi người đến với ta.» (Yn, 12, 32) Như thế là Ngài đã hẹn hò với mọi con người ở chính cái chỗ và cái lúc Ngài chỉ còn hai bàn tay trắng và bị đóng đinh chặt vào thập giá như một kẻ tử tù. Nghĩa là chính chỗ mỗi con người không còn chịu một áp lực nào nữa cả, kể cả áp-lực tinh thần của «phép lạ» hay của lời giảng hùng hồn, và hoàn toàn được tự do chọn lựa!

Phải chăng vì vô tình mà phần chính của Kinh Thánh Kitô giáo vẫn được

mệnh danh là «Tin Mừng»? Tin Mừng theo Matthêu, Tin Mừng theo Marcô, Tin Mừng theo Luca, Tin Mừng theo Yoan. Khi người tín-hữu muốn dùng thể-lực, mảnh khoé vv .. mà truyền đạo là đã quá quên điều ấy. Biết một tin mừng mà muốn loan báo ra cho kẻ khác cùng biết là lẽ tự nhiên, trừ phi là những tâm trạng thật khép kín và thật ích kỷ. Nhưng «tin mừng» là cái gì người ta có thể lấy tình mà chuyển cho nhau trong sự tôn trọng nhau. Chứ cưỡng bách, nhồi sọ hay cho dầu chỉ làm chuyện «chiến tranh tâm lý» đều là đã phản với thực-chất của mọi «tin mừng». Cho nên chúa Yêsu đã không bao giờ muốn cho đồ đồ của mình thành «chiến-sĩ Phúc-Âm» như ngôn-ngữ lệch lạc đã tạo ra danh từ ấy. Ngài chỉ dạy: «Các anh là muối cho đời và ánh sáng cho thế gian» (Mt 5, 13-14).

Hai hình ảnh ấy nói lên một đòi hỏi quá lớn lao chẳng? Điều chắc chắn là chúng rất tiêu biểu cho thái-độ tôn-trọng sự tự do của kẻ khác đối với lòng tin của mình.

Với « dự án Tự-do Tin-ngưỡng » Giáo-hội sẽ không ngừng tha-thiết với việc chia-sẻ, loan báo Tin-Mừng nhưng chỉ muốn đoạn tuyệt với mọi cám dỗ «Thánh-chiến» như thời Trung - Cổ. Thay vì là một « lực lượng », một « mặt trận », một « khối », Giáo - Hội muốn trung thành hơn với lời dạy và thái-độ của chúa Kí-Tô, « làm muối cho đời và ánh sáng cho trần gian ».

Tôn trọng cách đặc biệt một tôn giáo mà vẫn bảo đảm quyền tự do của các tôn giáo khác ???

Nếu xét chung, tinh-thần và nội-dung của dự-án "Tự do tín ngưỡng" rất khả quan và có nền tảng vững chắc như đã thấy trên đây, thì không phải là dự án ấy không còn một vài chỗ sơ-hở ngay cả đối với đa số nghị-phụ vẫn ủng-hộ nó.

Người ta có thể tiếc là dự án nhấn mạnh về phương-diện cá-nhân của tín-ngưỡng mà chưa đưa ra được một quan-diểm đầy đủ hơn về phương-diện xã-hội, chính trị của vấn-đề. Dự án cũng chưa chứng tỏ một thái độ tự kiểm-thảo thẳng thắn đối với một số hình động và luận điệu trong quá-khứ của Giáo Hội không phù hợp bao nhiêu với tinh thần tôn trọng tự do tín-ngưỡng ngày nay. (Linh mục P. A. LIÉGÉ nhắc lại là chính thánh Thomas d'Aquin cũng đã tìm lý do biện hộ cho việc xử tử kẻ lạc đạo !).

Nhưng điểm đáng tiếc hay đáng lo ngại hơn cả có lẽ là chỗ dự án đã theo lời đề-nghị của một vài giám-mục mà gồm thêm khoản này :

"Chế-độ tự-do tín ngưỡng không ngăn cản việc thừa nhận cách đặc biệt một tôn-giáo nào đó trong cơ-cấu pháp lý quốc-gia, thể theo hoàn cảnh lịch-sử của mỗi nước. Miễn là đồng thời có sự nhìn nhận và tôn-trọng quyền-lợi của tất cả các công dân và tất cả các đoàn-thể tôn giáo khác trong phạm-vi tín-ngưỡng"

Đó là m' t quả quyết không cần thiết lại còn nguy hiểm là đáng khác,

Không cần thiết đó chỉ là một thứ nhượng bộ vá-vú, không phù hợp với tinh thần chung của dự án thiên về sự tách biệt giữa Giáo-hội và Chính-quyền. Thứ nhượng bộ ấy nhằm vớt vát ít nhiều lời tuyên bố của một vài Giáo-Hoàng thế kỷ 19 và biện hộ phần nào cho một vài hoàn cảnh hiện tại. Nói trắng ra, điều khoản xem ra bí hiểm trên có nghĩa là : Xét hoàn cảnh lịch sử ở Tây-ban-nha, ở Bồ-đào-nha và vài nước khác như thế, chính quyền có dành cho Giáo - Hội một chỗ đứng ưu - tiên và những quyền lợi đặc biệt là điều hợp lý, miễn là quyền tự-do của các tôn-giáo thiểu số ở đó (như các giáo phái thệ-phản) vẫn được tôn trọng.

Thứ nhượng-bộ ấy còn là một điều nguy hiểm như nhiều nghị phụ và nhà thần học đã nhận xét.

Trước tiên, phải không kể gì đến lịch sử quá khứ và phải ảo tưởng nhiều về tương lai mới nghĩ được rằng việc thừa nhận cách đặt biệt một tôn-giáo nào đó vẫn có thể đi đôi với sự tôn trọng thực tình và thực sự các tôn giáo hay ý-thức-hệ khác. Không phải chỉ chủ nghĩa mác-xít không có quyền sống ở Tây-ban-Nha, mà các giáo-phái thệ-phản vẫn chịu một thân-phận hăm-hiu ở đó. Tình-trạng ấy

vẫn làm cho các Giáo-Hội Thệ-Phản trên thế-giới khó tránh được nghi kỵ đối với tinh thần đối-thoại của Giáo Hội Công-Giáo. Gần đây, vì không thể bất-chấp mãi dư luận chung của người công giáo khắp nơi, chính-phủ Franco đã soạn-thảo một "qui-chế các tín-đồ thệ-phản" khoáng đạt và bảo đảm cho quyền lợi của họ hơn. Nhưng chính các bộ-trưởng công giáo thuộc hội «Opus Dei» (Sự nghiệp của Thiên-Chúa), một tổ-chức phát-minh ở Tây-Ban-Nha với mục đích khuyến-khích các phần tử «đạo-đức» của mình dẫn thân vào trong các cơ-cấu chính-trị) đang bất-chấp giáo-huấn của Giáo Hoàng Gioan XXIII và kịch liệt chống lại quy chế ấy.

Sau nữa, quan-niệm kia không những nguy-hiêm cho sự tự-do của «các đoàn-thể tôn giáo khác» mà còn «*nguy hiêm cho chính «tôn giáo được thừa nhận cách đặc biệt» nữa»*. Một nhà thần học như P. A. LIÉGÉ (1) nói đến sự nguy hiêm, không phải vì tính toán nhỏ nhen và lăm càm như tự hỏi rằng : thế thì trong các nước mà Công giáo chỉ là thiểu số và thế theo hoàn cảnh lịch sử, chính phủ «thừa nhận cách đặc biệt» một tôn giáo khác (diễn hình là trường hợp các nước Nam Phi)? Nhưng vấn đề là phải lo ngại cho bất cứ tôn giáo nào được «thừa nhận cách đặc biệt» như thế.

Nếu có chút ý thức về thực chất tôn giáo, khó mà nghĩ rằng tình trạng được ưu đãi là tình trạng lý tưởng để

phát huy một tôn giáo. Vì đạo không làm bằng những bộ đồng phục và các công trình kiến trúc. Sự nâng đỡ của chính quyền di nhiên tăng số người gọi là «đạo hữu», làm dài những cuộc rước xách, đầy cao những khai hoàn môn, giúp xây thêm những lâu đài tu trì hay tế tự, nhưng đã chắc gì xây dựng được lòng tin? Hay lại chỉ làm thối vữa tinh thần đạo? Vì bản chất tôn giáo nào mà chẳng tối kỵ thế lực, tiền tài, danh vọng? Đức Kitô, Đức Phật đã bị cám dỗ mà không sa ngã, nhưng có gì bảo đảm là những con người theo Phật, theo Chúa không dễ sa ngã khi có quá nhiều cám dỗ do bởi tình trạng «đặc biệt được thừa nhận» kia tạo ra? Chưa kể là nếu người đời «ăn xôi chùa ngọc miệng» thì kẻ tu hành hưởng lộc chính phủ cách này cách khác, khó mà dám nói theo đòi hỏi của đạo.

Lịch sử vẫn đầy đầy những bài học hùng hồn. Kitô Giáo sau ba thế kỷ vất vả vương nhưng đầy tràn sức sống chân thực nhất, đã bắt đầu «an cư lạc nghiệp» với triều đại Hoàng Đế Constantin, một người theo đạo. Từ đó, Giáo Hội đã xây dựng được một cơ sở vững chắc ở Âu Châu, nhưng luôn luôn đã cần có những thánh nhân đứng lên phản ứng lại đã xuống dốc theo thế lực và quyền bính, đứng lên gầy dựng những dòng khổ tu, nhắc nhở tinh thần đích thực của Đạo. Chưa kể là bao nhiêu lần trong thời Trung Cổ, Giáo Hội đã từng sống dở chết dở vì Giáo quyền thành ngựa cỡi

cho Vua chúa, hay bị lợi dụng cách này cách khác theo thói đời chác thường tình.

Hồi Giáo, Đạo Phật, các Giáo Hội Thệ Phán v.v... có chẳng đã tránh được những trang lịch sử đáng nửa khóc nửa cười như thế ?

Kinh nghiệm hiện thời vẫn là nước « công giáo » Tây-ban-nha, một nước đã từng ký « thỏa hiệp » với Giáo quyền Vatican.

Người công giáo Tây-ban-nha nhất là giới lao động vẫn không thể làm ngơ đồng loã với một chế độ không tốt đẹp gì về phương diện xã hội. Được các phong trào như J.O.C. (Thanh Niên Lao Động Công Giáo) và A.C.O. (Công giáo Tiến Hành Lao Động) giúp cho suy nghĩ về thực trạng xung quanh và xây dựng tinh thần liên đới, họ hăng hái dẫn thân vào các hoạt động nghiệp đoàn không lệ thuộc chính phủ. Từ năm sáu năm nay, chính phủ càng ngày càng thẳng tay đàn áp các phong trào nói trên, tuy các phong trào ấy vẫn được tiếng là cởi mở và thích thời nhất trong Giáo Hội. Các báo chí của phong trào xuất bản ở ngoại quốc, kể cả tờ **MASSES OUVRIÈRES** dành cho các linh mục, thường bị chặn không được vào trong nước. Người ta còn nhớ mấy năm trước đây, một linh mục Tuyên úy bị chính giám mục của mình cách chức chỉ vì có tội không vừa lòng Chính phủ. Mừng 7-10 này bốn công nhân ở Barcelone sẽ phải ra tòa : José Pujol, José Elhombre, Ignacio Carvajal và Martinez. Họ cũng là đoàn viên của

hai phong trào J.O.C. và A.C.O. Tội của họ : đầu năm nay thợ thuyền Barcelone đã biểu tình đòi quyền đình công, quyền tự do nghiệp đoàn và quyền có lương tối thiểu khả-di đủ sống. Pujol, Carvajal, Elhombre và Martinez đã đóng một vai trò đặc biệt tích-cực trong cuộc biểu-tình bất bạo-động ấy. Ngoài những chuyện như thế, điều người ta vẫn phải phàn nàn và lo ngại hơn cả là sự yên lặng của phần lớn các giám mục Tây-ban-Nha. Các Ngài như ngại giữ vai trò làm chứng cho công bình bác ái của các Ngài.

Gần chúng ta hơn, với thời gian, khi đã lắng dịu những tình-cảm, xúc-động một thời, người công-giáo Việt Nam hẳn sẽ có thể suy-nghĩ nhiều về tình-trạng Giáo-Hội trong giai đoạn 1954-1963.

Trừ phi, như tờ « **Làm Dân** » đã viết vào hồi tháng sáu năm 1963, « *người ta còn lần thần nghĩ rằng, tình trạng may mắn đáng thêm thưởng nhất cho một tôn giáo là tình trạng CON GÀ ĐƯỢC NUÔI TRONG ỐNG TRE.* »

« *Béo mập thì thật là dễ béo mập. Nhưng chỉ tự do nằm trong ống tre.* »

« *Chưa kể hình thù quái-dị, này nở quái dị.* »

« *Đừng vội nói chi đến chào quay, đến bếp lửa.* »

« *Người ta không thương gà bằng chuẩn-bị mâm-cỗ nhà quan* » (2)

Khi ấy có thể mới chỉ là một suy tư Chưa có những sự-kiện điển hình như việc Bức Tâm Thư ngày 30/8 của Đức Giáo Hoàng gửi dân tộc Việt-Nam đã

bị đục vài chỗ khi đăng trên SÔNG ĐÀO. Còn nữa mai hơn nữa, số báo hiếm hoi của tờ nguyệt san « Đức Mẹ, Hằng Cứu Giúp » dám nói đến thời cuộc dưới đề tài « vấn đề tự do tín-ngưỡng » đã bị tướng công giáo Trần-Tử-Oai bắt bỏ trọn cả số. Tờ báo đã nghỉ một tháng, qua tháng mười mới ra lại. Tờ bìa màu còn giữ nguyên hình Mái Chùa nổi bật bên chòm hoa anh đào sáng đẹp nhưng trên hàng chữ trắng còn mờ mờ đọc được — « Vấn đề tự do tín-ngưỡng — một

đầu đề khác đã được in đề lên bằng mực đen : « Thành quả của Công Đồng khoa I » ! Vô tình hay chỉ vì tiết-kiệm, trang bìa ấy hùng hồn hơn tất cả mọi thiên khảo luận đề đánh một dấu hỏi to tướng trên cái khoản dự án bảo rằng « có thể thừa nhận cách đặc biệt một tôn giáo ... » Chỉ thật là vô phúc cho tôn giáo ấy — bất cứ là tôn giáo nào — và đáng lo cho tất cả các tôn giáo khác, vì không gì nguy hiểm hơn cho tín-ngưỡng nói chung.

Dự án sẽ được chuẩn y ?

Trong năm ngày đại hội nghị đầu Khóa IV này, không thiếu những nghị phụ đã lên tiếng phản đối kịch liệt bản dự án « Tự do Tín ngưỡng ». Nhưng tiếng nói của các vị chỉ làm chứng cho bầu khí tự do phát biểu ở Công Đồng hơn là tiêu biểu cho cảm nghĩ của đại đa số.

Hội nghị đã sống những phút đặc biệt ý nghĩa và cảm động ngày 20 9 khi Hồng Y Beran lên diễn đàn. Quá khứ của vị nghị phụ 77 tuổi này đã khiến cho « lời làm chứng » của ngài có giá trị phi thường. Vì thái độ khẳng khái, năm 1942 ngài đang làm giáo sư thần học ở Prague (Tiệp Khắc) thì bị quân đội xâm lăng của Hitler đày qua giam tại trại tập trung Dachau (một mồ chôn người khét tiếng tàn bạo) cho đến năm 1945 mới được giải phóng. Bốn năm sau cũng vẫn vì thái độ khẳng khái và trung thành với lòng tin mà ngài lại bị chính phủ Cộng sản bắt và giam lỏng mãi cho đến ngày

15-2 năm nay. Một người như thế đã dám tỏ ra can đảm « gấp đôi » khi lên tiếng nói lần đầu tiên giữa Công đồng thì một mặt đã không dấu diếm những hậu quả khốc hại của chế độ Cộng sản đàn áp tự do tín ngưỡng trong nước mình, một mặt lại không ngần ngại nhắc đến những lầm lỡ của Giáo Hội trong quá khứ :

« Trong nước tôi, Hồng Y Beran tuyên bố, Giáo Hội như đang phải đền bù các tội lỗi đã phạm xưa kia chống lại sự tự do lương tâm, như việc đã hỏa thiêu linh mục Jean Huss (3) vào thế kỷ XV và việc ép uông một phần lớn dân tộc Bohême trở lại đạo công giáo vào thế kỷ XVII... »

Và Ngài đã khải khoản : « Công Đồng phải tuyên bố nguyên tắc tự do tín ngưỡng một cách rõ ràng và không một chút hạn chế nào cả... »

Ngày hôm sau, khi chấm dứt cuộc

tranh luận về vấn đề này, đã có cuộc biểu quyết « dò đường » và trong số 2.222 phiếu, thì 1.997 phiếu ủng thuận lấy dự án này làm nòng cốt cho việc soạn thảo một văn kiện mới sẽ được biểu quyết dứt khoát trong một ngày gần đây.

Như thế, có thể mong rằng dự án, sau khi được tu chính trong chi tiết cho hoàn hảo hơn, hợp với tinh thần chung của nó hơn, sẽ được đại đa số Công Đồng chuẩn y. Các nghị phụ sẽ thực hiện được điều mong muốn từ cuối khóa trước : « *đề thế giới trong và ngoài công giáo khỏi phải thất vọng* » như các Ngài đã viết trên bản kiến nghị ngày 19-11-64.

Hay nói như Hồng Y Cardijn, vị sáng lập phong trào Thanh Niên Lao Động Công Giáo, đã tiếp lời Hồng Y Beran ngày 20-9 :

« *Thời thực dân đã qua rồi và các tôn giáo không còn được dựa vào Nhà Nước nữa ! Các phương tiện độc nhất là như của Đức Kitô : Sự nghèo nàn, uy tín lời nói, sức làm chứng của các giáo dân sống ngay giữa lòng đời* ».

Và Hồng Y Cardijn còn quả cảm và cương quyết nhấn mạnh :

« *Chính trong các nước mà đa số là công giáo, chúng ta càng cần tuyên xưng quyền tự do tín ngưỡng, bằng không thì còn ai*

tin được ở sự thành thật của chúng ta ?! »

Dự án « Tự Do Tín Ngưỡng » là con đường cần thiết nhất đưa đến chỗ thực sự và thực tình đối thoại (4).

NGUYỄN NGỌC LAN

KỶ SAU : Công Đồng Vatican II Giáo-Hội và Thế Giới ngày nay.

(1) P.A. Liégé : « La liberté religieuse ne fait pas l'unanimité », trong *Témoignage Chrétien*, số 21-9-65.

(2) *Làm Dân*, số 1 (xuất bản tại Paris), bài « Quan điểm ».

(3) Linh mục Jean Huss đã làm hồn cho một phong trào ái quốc của dân tộc Tiệp Khắc đầu thế kỷ XV. Phong trào này chống lại sự xâm lấn của đế quốc Đức và phản đối việc các Giáo Hoàng hồi bấy giờ vì lệ thuộc chính trị mà phong người Đức làm giám mục và tu viện trưởng ở Tiệp Khắc. Điều mỉa mai của lịch sử là chính một Công Đồng (Công Đồng Cons. nace) đã triệu Jean Huss đến với giấy hộ chiếu của Hoàng Đế Sigismond rồi lại đưa ông lên dàn hỏa thiêu.

(4) Tài liệu tham khảo :

— Mgr MERCIER — M.J. LE GUILLOU : *Mission et pauvreté*, 1964.

— René LAURENTIN : *Bilan de la 3e Session*, 1965.

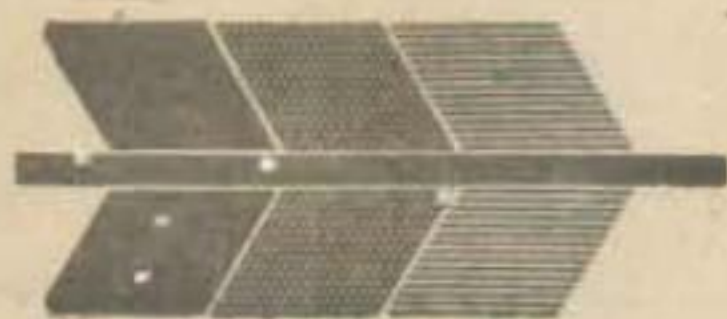
— Informations catholiques internationales, 15-9-64.

— *Témoignage chrétien*, 23-9-65 và 30-9-65.

— Các bản thông tin của Thông tấn xã KIPA (Thụy-Sĩ).



3 vitamines neurotropes



tridocélan

algies

asthénie

alcoolisme

présentation

tridocélan

comprimés

Flacon de 20 comprimés

dosés à :	Thiamine	100 mg
	Pyridoxine	250 mg
	Hydroxocobalamine	250 µg

traitement d'entretien et formes d'intensité moyenne : 2 à 6 comprimés par jour ou plus



LES LABORATOIRES ROUSSEL

35, BOULEVARD DES INVALIDES - PARIS (7^e)

ROUSSEL VIETNAM, 6, BOULEVARD NGUYEN-HUE - SAIGON

TRÀNG THIÊN

Lối yêu hôm nay

(Xin xem BK. TD. từ số 211)

Cơ khí và ái tình

Thế hệ khốn khổ này lại sống trong hoàn cảnh xã hội kỹ thuật; đó cũng là lý do nữa khiến cho tình yêu của họ nghiêng về phía xác thịt.

Những nhà xã hội học, những nhà khoa học, những kỹ thuật gia v.v... những kẻ có trách nhiệm cải tiến lề lối sản xuất, làm ăn của chúng ta, sửa đổi tổ chức xã hội ta thành ra tình trạng hiện tại, dắt dẫn nền văn minh chúng ta về cái hướng hiện nay, những kẻ ấy không bao giờ họ có ý uốn nắn dụng chạm gì đến cách thức yêu đương của chúng ta; vậy mà rồi tình yêu biến thể. Người mục đồng chăn trâu, người thôn nữ hái củi yêu nhau khác hẳn những anh chị công nhân ở các đô thị lớn. «Khúc nhạc

đồng quê bao giờ cũng thanh tao, những tình cảm cao khiết nên tìm trong khung cảnh các tác phẩm của Virgile. Còn máy móc ngày nay, không những nó làm lem lấm tay chân quần áo, nó còn làm cho đen tối cảnh yêu đương đi nhiều lắm.

Người nhà quê làm việc giữa đồng rộng khoáng khoáng, vừa làm vừa hát hò tình tự, làm lụng và nghỉ ngơi theo mùa, rồi mỗi người lại theo dõi được cái kết quả công việc mình làm, từ khi gieo hạt thóc xuống cho đến khi gặt thu lúa lên. Công nhân không được thế, ngày ngày lui tới đều đều một căn phòng nhất định, họ chỉ được giao phó cho một công việc nhất định, một phần công việc thôi; sơn cái nắp hộp, tán những đầu đinh ốc v.v..., rồi kẻ khác tiếp tục phần khác... Họ bị

bắt buộc lặp đi lặp lại một việc làm buồn nản mà không trông thấy được toàn bộ kết quả, họ không hưởng được cái vui thành tựu, cái vui lành mạnh của người nông dân ngày mùa đứng trên bờ ruộng ngắm đám lúa chín của mình. Sáng kiến phần công của hoạt động kỹ thuật thật có lợi, thật cần thiết trong xã hội ngày nay, nhưng ai cũng kêu nó là không hợp nhân tình, nó làm cho kẻ lao động có cảm tưởng bị công việc cầm tù mình, mất hết hào hứng. Và lại ngày nay thủ công nghiệp mất tích dần, đâu còn cái lối mỗi người làm xong một món đồ tự mình đem đi bán, tự mình nhận lấy món tiền đánh giá cái công mình bỏ ra; bây giờ trong công xưởng, làm xong phần việc của mình rồi phui tay đi ra, mặc kệ ông chủ, không ai biết lời lỗ ra sao, tiêu thụ ở đâu, bán chắc thế nào.

Làm lụng đã như thế, sinh sống càng bức bối hơn. Tiện nghi thì có thể hơn ở nông thôn : có điện, có nước máy, có la-ve, có cà-rem, có xi-nê...; nhưng suốt năm suốt tháng không tiếp xúc với thiên nhiên, quanh mình chỉ toàn sắt, xi-măng, hắc ín, khói xăng... Người thì đông như kiến, chen lấn nhau chật đường chật phố, nhưng không có một ai thân thích, dẫu ở sát vách tường nhau cũng thờ ơ lãnh đạm với nhau, không chút thân tình đùm bọc. . Mỗi người là một đơn vị vô danh, mất hút lạc lõng, giữa cái đám đông hỗn tạp vô tình, mỗi người cúi cúi một mình, bơ vơ, cô cút. .

Để trốn tránh cái cô đơn, người thành phố, bên nam bên nữ tìm nhau. Không phải tìm nhau trong khung cảnh gió mát

trắng thanh lúc trí óc thanh thoi, tâm thần thoải mái, mà là trong huyền não, bụi bặm, trong sự cẩu gắt bần chạt, trong sự hấp tấp vội vã. Sự gặp gỡ hẳn là phải cấp thời và đồ lữa, chứ đâu có chuyện thông thả, ỡm ờ. Đây cũng không phải là thưởng thức ái tình nữa, mà là vấn đề trốn nấp cần kíp, trốn cảm giác bơ vơ, trốn khung cảnh kỹ thuật vô tình. *Khi con người ngày nay đi ngang qua những hình đàn bà khỏa thân ngoài đường, điều họ gặp không phải chỉ là tính dục, mà cũng là tất cả những gì họ mất đi, vị trí của họ ở giữa những sinh vật linh động, hơi nóng của sự sống, cái dịu dàng của bốn mùa, tóm lại tất cả những gì ngược lại với kỹ thuật. Đó là lời một ông bác sĩ, bác sĩ Gérard Mendel.

Không kể tới lẽ lối lao động, trong cơ xưởng hiện đại, chỉ riêng một hiện tượng người người tập trung chật ứ ở các đô thị lớn cũng đã có thể ảnh hưởng đến tình cảm của chúng ta. Thí nghiệm về một loài chim, bác sĩ Klaus Immelmann, trong viện động vật học trường cao đẳng kỹ thuật Brunswick qua Úc nghiên cứu về con mai hoa (pinson). Giống chim này, từ lâu ở Âu châu và Á châu đã trở thành một giống chim nuôi chơi trong nhà, chỉ có ở châu Úc nó mới còn tiếp tục được đời sống tự do ngoài trời. So sánh thái độ một giống chim trong hai lối sống, bác sĩ Immelmann nhận thấy trong tự do mỗi năm chim yêu thương có từng thời kỳ nhất định (cũng như hầu hết mọi giống cầm thú khác), còn khi bị tù hãm thì nó thêm khát liên miên. Sự thêm khát còn

có tính cách bệnh hoạn nữa là khác: con chim trống thường căn cứ vào một số dấu hiệu để nhận ra con mái; lúc tự do thì nó phân biệt được nhiều dấu hiệu đặc biệt, đến lúc bị nhốt chung lộn trong lồng nó mất cả tinh vi, nhận bừa nhận bãi. Thậm chí bác sĩ Immelman thử đem thay thế con mái sống bằng con mái chết độn bông, rồi bằng con mái giả bằng nhựa, nó cũng cứ nhào vô; rốt cuộc con mái giả bằng nhựa chỉ còn giữ lại hai chút đặc điểm về màu sắc là những đốm đen trắng trên đầu với vết đỏ ở mỏ, thế mà nó cũng cứ lăm.

Trong cái sống xa thiên nhiên, có gì tăng cường thôi thúc dục tình mà con chim dâm mù quáng đến thế? Hiện tượng ở loài chim có thể gợi cho ta một chút liên tưởng nào đến loài người chăng? Chỗ đó không dám quyết. Duy có điều, theo linh mục Marcel Henry đáp lời một cuộc phỏng vấn (13) thì sống xa thiên nhiên con mắt thăm mý của loài người mất cơ hội ngắm nhìn những cảnh núi sông rừng bể, những trăng đầu bãi, mây lưng đèo v.v., những vẻ đẹp thiên nhiên của tạo hóa, mất tất cả những cái đó sự thiết tha của loài người chỉ còn biết chăm chú dồn vào "một tòa thiên nhiên sẵn đúc" của người đàn bà, tác phẩm duy nhất của tạo hóa còn sót lại ngang tầm mắt. Sự trả thù oái oăm đó làm cho cuộc yêu đương ở đô thị hóa ra gay gắt, như thể một cảnh vô chụp lấy nhau gấp gáp, mà đối tượng là tấm thân lồ lộ.

Phải « mơn » khách hàng

Xã hội ngày nay còn phát sinh một hiện tượng này nữa là chúng ta luôn luôn bị kích thích do các lối quảng cáo. Máy móc sản xuất ra mỗi lúc một nhiều, hàng hóa sản xuất được phải lo kiếm chỗ bán đi, muốn bán được phải kêu gọi nhu cầu, phải tìm cách kêu gọi sự thèm muốn. Cái trò khiêu khích ấy có điềm gắn với chuyện dâm dục, cho nên giáo sư triết học Michel Deguy dùng một lối nói hiểu được cả hai nghĩa : « phải mơn khách hàng cho nó cương lên » (Il faut mettre le clientèle en état d'ércecion). (13)

Vả lại giữa thuật quảng cáo trên thị trường và sự dâm dục còn lắm tương quan nữa: trong các chỗ nhược điềm của khách hàng dễ bị khiêu khích thì sắc dục là chỗ nhạy cảm hơn cả nên nó bị khai thác triệt để. Quảng cáo đồ lót dùng hình phụ nữ lỏa thể đã đành, mà quảng thuốc hút, bánh ngọt, xe xi-cút-tơ... cũng hình lỏa thể, cho đến quảng cáo bánh kẹo ăn vô mồm, nó dủ đội trên đầu v.v., thứ gì cũng có thể dùng đến hình lỏa thể. Người ta gập đàn bà khóa thân trên tường, trên vách, trên báo chí, trên màn ảnh v.v. thì có cách gì bảo họ ăn mặc kín đáo hơn và yêu đương dẽ dặt hơn trong tiểu thuyết! Tiểu thuyết cũng là một món hàng để bán mà. André Pieyre de Mandiargues cho rằng : « Người ta có thể nói không một cuốn tiểu thuyết hiện đại nào mà đề tài không dâm dục ít nhiều ». Một nhà chuyên môn, Lo Duca, đưa ra các con số : loại truyện trinh thám

(13) Tạp chí Espirt, số tháng 1 - 1960.

xuất bản từ năm 1961 đến 1964, thuộc vào hạng bán chạy trung bình 42.000 bản mỗi cuốn, cứ trong 100 cuốn người ta đếm được 602 cảnh dâm dục (kể từ chuyện giao cấu, hiếp dâm, cho tới chuyện đút áo hở ngực...) trong 100 bức hình trên các tạp chí Marie Claire, Votre beauté, Jours de France v.v.. có 68 bức khiêu dâm: những con số bất nhả đó được nêu ra để chứng minh cái gọi là « ái tình hôm nay. » ! (14)

Trường hợp này cho ta thấy các nhân vật tiểu thuyết hiện thời ở vào một hoàn cảnh khó cho họ: đôi khi họ phải dâm ô một cách miễn cưỡng, vì nhu cầu của quần chúng (độc giả) hơn là vì nhu cầu của chính họ.

Người Mỹ hung tợn

Chúng ta đã lần lượt tìm đến ảnh hưởng của một trào lưu triết lý, rồi đến của những lý do kinh tế, xã hội. Bây giờ có lẽ tới lúc nên đề cập chút ít đến người Mỹ.

—Ồ đây là chuyện ái tình, chứ có phải phải quốc sách chống cộng, chuyện Bắc tiến đâu mà có nước bạn Hoa Kỳ dính vào. ?

— Vâng, đây là chuyện yêu đương. Tuy vậy tưởng cũng không nên coi thường người Mỹ. Người Mỹ trong giai đoạn này, thật là quá quắc. Vũ khí, hàng hóa của họ lan tràn, đồng tiền với thực phẩm của họ len lỏi khắp nơi, từ các xứ chậm tiến heo hút cho đến ngoại tăng không gian đều nghe nói tới họ. Bây giờ lại tới chuyện yêu nhau kiểu Mỹ !

(14) L'amour aujourd'hui (Albin Michel)

Âu châu vẫn có những hạng ngườ tiếp tục chê rằng Hoa kỳ còn trẻ quá chưa có di vãng, chưa có truyền thống văn hóa, trong khi ấy thì thanh niên Âu châu chơi nhạc jazz, nhảy twist, be bop, rock and roll ... Nếu trống kèn với nhảy nhót chưa là « văn hóa » chân chính, thì tiểu thuyết ít ra phải được kể là văn hóa : ở địa hạt này cũng không ai chối cãi được ảnh hưởng của tiểu thuyết Mỹ sau cuộc đệ nhất thế chiến. Từ cuối thế kỷ thứ XIX đến nay các nước tây Âu liên tiếp phát giác ra hai kho tàng tiểu thuyết phong phú đề mà khai thác : trước tiên là tiểu thuyết Nga với những Dostoievski, Tolstoi, Gorki v.v ... ; rồi tiểu thuyết Nga mất phong độ thì tiếp đến tiểu thuyết Mỹ xuất hiện với những Hemingway, Faulkner, Dos Passos, Steinbeck ...

Âu châu còn chê Mỹ như thế, nói gì đến Á châu chúng ta vốn có nền văn minh cổ cưu lâu đời hơn nhiều. Nhưng cũng như Âu châu, vừa coi Mỹ không có truyền thống, không thâm thúy, chúng ta vừa bắt chước Mỹ, nhiều khi quá đáng, có thể nói đến « cái khạc cái nhổ ». Không thật sao ? Ngoài đời thiếu gì hạng đi xem xi-nê, nghiên cứu kỹ cái tóc cái tai, kiểu quần, kiểu áo, cái nịt, đôi giày... của tài tử Mỹ để cóp theo ? Còn trong tiểu thuyết thì bây giờ mỗi ngày mỗi nhiều những nhân vật hách xì xằng 1 cách rất cao-bồi, mỗi lúc mỗi *merde* với *salaud* nặng xì cả lên. Đó dĩ nhiên không phải là tác phong « truyền thống » của nhân vật tiểu thuyết Việt nam, mà cũ ng không dễ tìm thấy trong các tiểu

thuyết Pháp trước đây. Những chuyện nhằm nhĩ nhỏ nhặt còn thế, huống hồ là về chuyện yêu đương, làm sao không có một chút Mỹ trong đó. Chút đó, tôi muốn nói là cái tính cách đột ngột, sỗ sàng, trắng trợn, hung bạo. Nhất là về chuyện yêu đương trong tiểu thuyết, địa hạt sở trường của Mỹ quốc hiện nay.

Tiểu thuyết Mỹ, sở dĩ nó nổi bật lên sau này là nhờ sự bạo tay liều lĩnh của các tác giả, nhờ một cái đức tính "bốp chát" của nó. Đọc thứ tiểu thuyết phân tích, tinh vi bố trí khéo léo, hành văn thận trọng của Pháp, rồi đọc thứ tiểu thuyết của Mỹ trong đó sự sống như còn tươi rói, như sù sì góc cạnh, người ta có cảm tưởng đang ăn thứ mứt me hương vị dịu dàng, có chua có ngọt, có cho vào tí mùi thơm tho, bỗng nhiên bỏ đó mà cắn vào trái me chua vừa rút ngay từ trên cây vắt xuống. Cái vị của me tươi thật là mạnh mẽ. Có khoái đấy, nhưng phải nhăn mặt mà khoái, tê răng mà khoái. René Varin cho rằng người Anh tuy dùng một ngôn ngữ như người Mỹ, nhưng tính chất văn chương của Anh gần với của Pháp hơn. « So với thứ văn chương phân tích (15) ấy (của Anh Pháp), các tiểu thuyết gia Mỹ thường thường đối lại bằng một thứ văn chương của bản năng và của bạo động... » (16)

(15) Những chữ viết xiên trong câu này đều là do René Varin.

(16) *L'érotisme dans la littérature étrangère* — tome I (Lutecia-éditions)

Về ngôn ngữ thì nhiều nhà văn Mỹ xài thẳng khẩu ngữ, thoại ngữ, thứ tiếng nói hàng ngày không trau chuốt sửa gì hết. Về kỹ thuật thì có khi họ đem nguyên những suy nghĩ lăm cằm, lộn xộn, tròn trẻo của nhân vật vào truyện, làm thành những đoạn độc thoại nội tâm; có khi họ không buồn tóm thu cho gọn ghẽ, cứ mang cả những đối đáp cãi cọ huyền thuyên vào truyện cho nên đối thoại trong tác phẩm rất nhiều; có khi họ cắt xén những mẩu tin thời sự đầu Ngô mình sở trên báo mà dồn vào trong truyện; có khi họ đang kể chuyện sau bỗng ngược về trước, rồi thỉnh thoảng nói tiếp đoạn sau, hỗn độn không sao lường được... Về nhân vật thì các tay to như Hemingway, Steinbeck đều chọn những kẻ thất học vũ phu, những tâm hồn mộc mạc, ngây ngô, những tay đấu bò, đấu võ v.v..., Faulkner lại hay chọn những kẻ mất trí, khờ dại... những nhân vật mà đời sống thiên về bản năng. Về đề tài thì là những điều kỳ quặc: « Ở phần đông các tiểu thuyết gia Mỹ cái kỳ quặc (17) (và cái kỳ quặc thường thường về chuyện dâm dục) thành ra nếp sống thông thường của cuộc đời hàng ngày, một cuộc đời trong đó cái bi đát, sự bạo động, cái cộc cằn nổi bật lên, và những bản năng thấp kém nhất tha hồ được buông lung. » (16)

Nói riêng về cái kỳ quặc trong sự dâm dục, Robert Marteau (17) nói càng đọc các tác giả Mỹ rồi cuộc càng phải nhận

(17) Tạp chí *Esprit*, số tháng 3-1964,

rằng cái dư luận về phong tục phóng túng ở Mỹ là có lý. Ban đầu, nghe nói về những điều lỗi lằng đời bại bên kia Đại tây dương, cũng tưởng bất quá đó là thành kiến sai lầm căn cứ vào những cái góp nhặt ở loại truyện trinh thám ba xu hay trên màn ảnh cao-bồi v.v... Nhưng không, R. Marteau bảo rằng mình vừa đọc một tác phẩm đứng đắn của một tác giả có uy tín; cuốn *Đêm hè cuối cùng* của Erskine Caldwell. Trong truyện, một cô gái bám theo đòi một anh chàng đã có vợ phải ngủ với mình. Cô ta trèo vào xe anh này trong lúc anh chàng bỏ xe đi vắng. Một tên lưu manh tông cửa xe, nhào vô, hăm hiếp. Anh chàng kia trở lại, đem sự việc trình báo, xong xuôi rồi trở về nhà. Vừa bước vô phòng anh ta đã trông thấy vợ mình trần truồng như nhộng, tay xách cái cổ chai!... Cái gì mà lạ vậy? Thành kiến kia có sai lầm gì đâu.

Suy nghĩ về cái tính hung bạo thô lỗ của người Mỹ, Maurice Edgard Coudreau cho rằng: "Nước Mỹ từ một tình trạng bán dã man vượt qua một tình trạng cực độ văn minh mà không có chuyển tiếp: hình như trong cái quốc gia của những tay phiêu bạt ấy có một sinh lực thặng dư không dùng đến" (18). Mới đây họ là những tay nông dân cưỡi ngựa, chăn trâu, cật lực ra làm lụng giữa thiên nhiên, mở mang miền Tây hoang vu, vùng tay chiến đấu với thú dữ, với thổ dân v.v..., vụt một cái bây giờ họ ở

nhà lầu, đi xe hơi, công việc gì cũng có máy móc làm hết, họ không cần vất vả chút nào. Vậy cái sức vóc của con người quen sống lao động ở chỗ hoang địa kia dùng làm gì? Họ tiêu phí vào các trò thể thao: lối chơi *base-ball* và *foot-ball* của họ thật hung dữ, không như của người Âu, mỗi mùa thể thao xảy ra chuyện tai nạn chết chóc là thường; họ sở trường đánh *boxe*; những ngày hội mừng độc lập của họ cũng ác liệt lắm, cũng là cơ hội xảy ra hỏa hoạn, thương tật v.v... Vui chơi như thế, thì yêu đương... phải biết!

Và tất cả những kỳ dị, bạo liệt, dữ dội vừa kể của người Mỹ — từ địa hạt tiểu thuyết cho đến vấn đề yêu đương — tất cả mặc dù ban đầu có gây khó chịu, lắm khi bị chửi bới công kích, nhưng rồi dần dần lại hấp dẫn lối cuốn Âu châu. Tiểu thuyết gia Pháp, từ cỡ J.P. Sartre, A. Camus về sau, một số lớn không ngại ngừng thú nhận những điều mình học hỏi ở tiểu thuyết Mỹ. Còn về ái tình? Mènie Grégoire viết: "Và đây là cái mới đích thực của thế kỷ XX: ấy là tính dục — chứ không phải là ái tình nữa — trở thành đối tượng tín ngưỡng. Tình yêu theo kiểu Stendhal hay kiểu Tristan hóa ra có vẻ như là những thứ què mùa thô lậu... không thể nào chịu đựng nổi cái trò phân tâm học phổ biến hạ giá trên báo chí Hoa Kỳ, mà 400 triệu người Mỹ vẫn ngấu nghiến!" "Niềm tin" ấy là một cơn sóng đáy trời lên làm hồi xuân lại cái thế giới cũ kỹ, che chở cho một nhân loại quá nặng nề, bị đè nén dưới sức nặng của

(18) *Aperçus de littérature américaine*. (N.R.F.)

“tinh thần”. (19) Nói tính dục hóa thành tin ngưỡng, nói phân tâm học và báo chí Hoa kỳ với giọng chế giễu; nhưng vẫn không thể không nhận rằng điều lố lăng ấy đang tác động mạnh mẽ đối với thế giới cũ kỹ này!

Mà như vậy là tất nhiên. Tác phẩm văn nghệ của Mỹ (tiểu thuyết, phim) đang tràn lan khắp nơi, được thưởng thức khắp nơi, làm sao có thể chấp nhận những văn nghệ phẩm ấy mà không đồng thời chấp nhận ảnh hưởng của nội dung nó, đặc tính nó? Yêu đương phũ phàng, trắng trợn, là một trong những đặc tính ấy!

Xưa, vua Edouard III của Anh quốc là một người tính khí cộc cằn, lối cai trị vũ phu độc đoán, thế mà vì đọc truyện tình cảm cao khiết đương thời cũng đâm ra muốn bắt chước những gã tình nhân kiều mẫu trong ấy, rồi trở nên rụt rè, cảm động, không dám trái ý mếch lòng người đẹp. Các nhân vật tiểu thuyết ở Âu Châu và ở xứ ta gần đây có hơi ầu ỳ thêm lên trong chuyện yêu đương vì lý do trót gần gũi với những Roberto, Maria của E. Hemingway, những Lola, Henry .. của H. Miller, những Big Joe, Tia Ignacia của J. Steinbeck v.v... thì cũng dễ hiểu.

oOo

Hợp thời

Vì một thái độ yêu đương bừa bãi thô tục mà ta đi tìm lý do lung tung

(19) Tạp chí *Esprit*, số tháng 11-1960 (Bài “*Un-dernier mot*”).

đã nhiều, đồ vấy đồ vá trách nhiệm khắp cả. Như vậy, tưởng cũng chưa là đủ.

Có người (Vladimir Jeankélevitch) còn cho rằng sở dĩ bây giờ chúng ta đâm ra tục tĩu là có phần do ở cái trào lưu duy lý khô khan của nghệ thuật gần đây: truyện thì đầy những suy tư triết lý khô khan, vẽ thì trừu tượng, vô hình du ng. Đây đó gặp toàn những quái tri thức, cho nên con người phải mở một lối thoát về phía xác thịt để lập lại quân bình.

Có người (Denis de Rougemont) lại bảo đây là di họa do Freud gây nên. Thuyết phân tâm học truyền bá, quần chúng hiểu qua loa chỗ được chỗ mất, bèn hoảng sợ bị “dồn nén”. Hễ đã yêu, đã thêm muốn, là phải thỏa mãn gấp, nếu không sẽ sinh bệnh thần kinh. Sống theo kiểu Kiều và Kim Trọng của Nguyễn Du, như Thanh và Ngọc của Nhất Linh, như Lan và Ngọc của Khái Hưng, là sống trái với khoa học. Phong tục ngoài đời nới rộng tự do rồi phản ảnh trong tiểu thuyết.

Có người (Andrée Vieille - Michel) giải nghĩa rằng kinh tế nông nghiệp bị vượt rồi, khung cảnh gia đình với quyền uy tuyệt đối của người đàn ông, người cha, không tồn tại nữa, sự thuần túy của dòng dõi không cần bảo vệ nữa, sự chung thủy sau khi lấy chồng cũng là trình tiết trước khi lấy chồng của người đàn bà không cần thiết nữa. Trong xã hội kỹ nghệ, ai cũng làm ra đồng lương được, ai làm nấy ăn, mỗi

cá nhân chịu trách nhiệm về mình, có quyền hưởng thụ khoái lạc, miễn tính sao cho sòng phẳng, cho khỏi thiệt. Các giềng mối đạo lý cũ buông lỏng, tuột rời là tả...

Lối giải thoát còn nhiều Ở cõi đời thông thái bây giờ, các nhà biện luận không lúc nào thiếu. Cứ nêu ra bất cứ một chuyện nào đó — kể cả chuyện dâm dục — cũng có bao nhiêu người uyên bác sẵn sàng xúm lại mổ xẻ. Lý luận tạp đa, tròng tréo, như những con đường đi tới La-Mã. Và tại La-Mã, lý luận cùng sự việc với kinh nghiệm gặp nhau: cái tục tũn càng ngày càng hợp thời! Mới cách đây một thế hệ văn học các cụ Ngô Đức Kế và Huỳnh Thúc Kháng còn cho Kiều là dâm thư, bây giờ giữa loại truyện tình, Kiều e lệ nép

vào dưới hoa, trông như con gái nhà lành. Năm 1933, Erskine Caldwell cho in *Le petit arpent du Bon Dieu*, bị truy tố vì xúc phạm luân lý; bây giờ sách ấy nhập vào loại bỏ túi, lang thang khắp đầu đường xó chợ mà không xúc phạm tới gì nữa cả. Hăm sáu năm trước, *Tropique du Cancer* của Henry Miller bị cấm, hăm sáu năm sau, nó thành ra vô hại. Và *L'amant de lady Chatterley* của D. H. Lawrence, và bao nhiêu là trường hợp khác...

Ồi! không vạch thì không nom rõ con đường rậm rạp tiến tới đâu. Mà vạch ra thì thấy nó tiến tới cái nơi tối hòm hòm hom.

Tháng 9-1965

TRĂNG THIÊN

SỰ AN NINH CÁC BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO HIỂM BẠN

DESCOURS & CABAUD

Bảo Hiểm

27 - 29, Đại lộ Hàm - Nghi — SAIGON

Điện thoại : 23.739

ACCIDENTS — INCENDIES — TRANSPORTS — RISQUES DIVERS
Tai Nạn Hỏa Hoạn Hàng Hải Linh Tinh

ĐẠI LÝ CỦA

MUTUELLE GÉNÉRALE FRANÇAISE ACCIDENTS

CENTRALE — RHÔNE MEDITERRANÉE

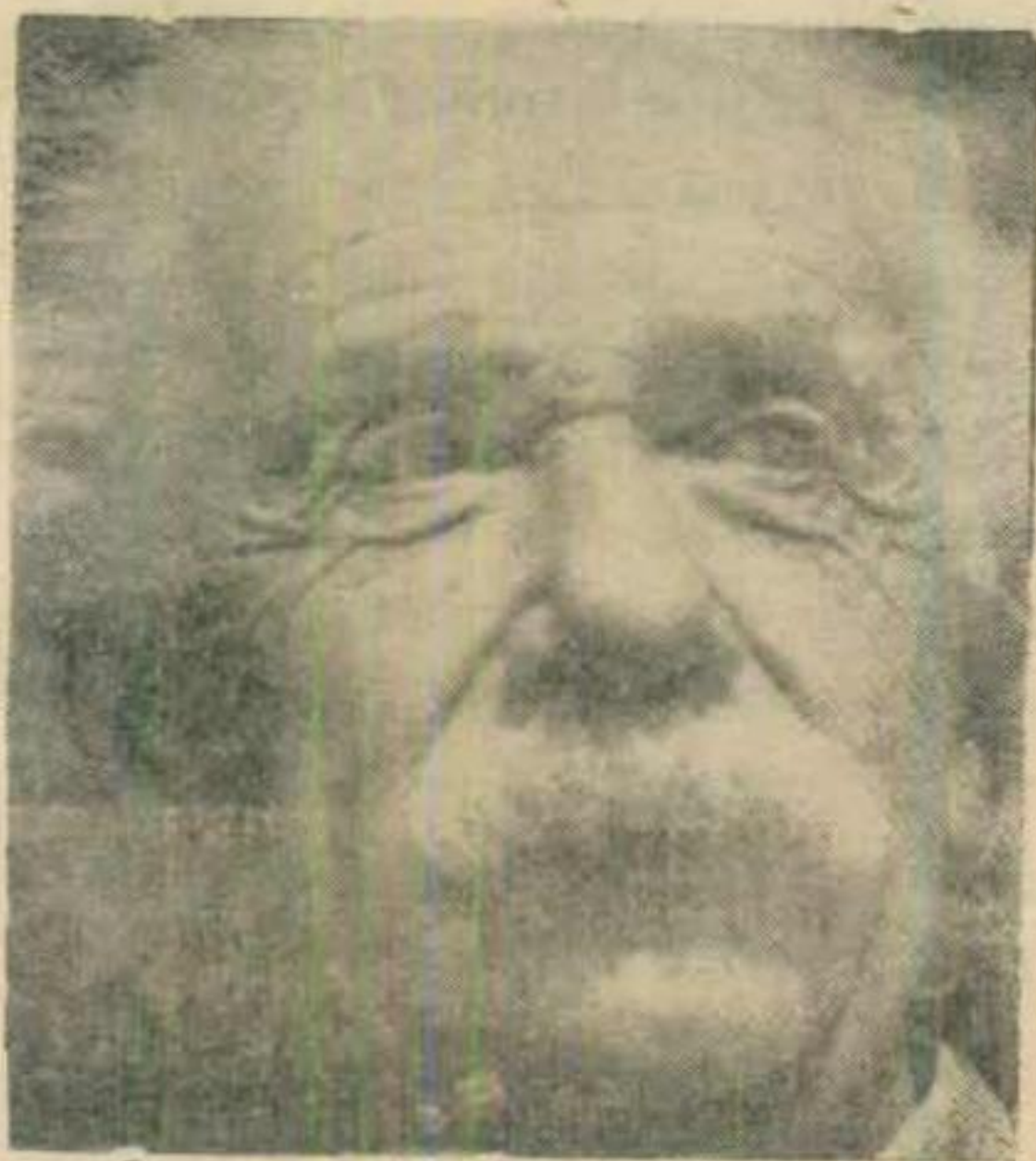
LA MUTUELLE DU MANS

Chi Nhánh : Paris — Tourane — Cholon — Dalat — Cantho — Vientiane
— Hongkong — Tananarive — Tamatave — Addijan — Douala

Albert Einstein

và Thuyết Tương-đối

● NGỌC - VẤN



A. Einstein

Hơn hai mươi năm trước đây, một cuộc tàn sát ngắn ngủi nhất mà cũng khủng khiếp nhất trong lịch sử chiến tranh của nhân loại đã xảy ra tại Hiroshima : trong khoảnh khắc hơn sáu mươi ngàn người chết và còn biết bao nhiêu thế hệ nữa bị chết dần mòn hoặc sống

trong tật nguyên vì hậu quả của phóng xạ.

Năm nay, đề nhớ đến những người đã mất và đề nhắc nhở nhân loại đến tính cách tàn phá ghê hồn của hiểm họa nguyên tử, thế giới đã long trọng kỷ niệm lần thứ hai mươi ngày bom nguyên tử đầu tiên nổ tại Hiroshima.

Trong lần kỷ niệm này, cũng như bao lần kỷ niệm khác, cái tên Einstein lại được nhắc đến trên cửa miệng mọi người, kèm theo với cái biệt hiệu « cha đẻ của nguyên tử năng ». Tuy Einstein không trực tiếp dự vào việc chế tạo bom nguyên tử, nhưng chính ông đã ký vào bức thư yêu cầu Tổng Thống Roosevelt cho xúc tiến việc làm bom nguyên tử. Và quan trọng hơn cả, công cuộc chế tạo bom nguyên tử đã dựa trên nguyên tắc nêu ra trong công thức $E = mc^2$ của ông.

Khi được tin báo trái bom nguyên

từ đầu tiên đã nổ tại Hiroshima ông đã lặng người đi vì cảm thấy như chính mình đã bấm nút thả trái bom. đó xuống Từ đó cho tới khi nhắm mắt ông luôn luôn bị ám ảnh bởi cuộc tàn sát sinh mạng lớn lao ông đã gián tiếp dự phần vào. Điều oái oăm hơn cả là cuộc tàn sát đã xảy ra tại nước mà trước đó hơn hai mươi năm ông đã diễn thuyết về khoa học và hòa bình, và đã được dân chúng đón tiếp nồng hậu và trọng thể. Nhận thấy tính cách nguy hiểm của con dao « nguyên tử năng » hai lưỡi, Einstein đã dành tất cả những năm cuối cùng trong đời ông để vận động kêu gọi nhân loại hãy dùng con dao đó một cách khôn ngoan chứ không nên dùng nó để tự sát. Nhưng cho tới khi qua đời « người cha của nguyên tử năng » vẫn chưa được mãn nguyện là đứa con của mình chắc chắn sẽ được dùng vào việc phụng sự cho nhân loại.

Di sản tinh thần

Thực ra cái di sản tinh thần Einstein đã để lại cho nhân loại không phải chỉ thu hẹp vào phạm vi khám phá ra nguyên tử năng đã được nhiều người biết đến vì đã được thấy cái khả năng tàn phá của nó và vì hiện nay người ta đang cố sức chế ngự sức tàn phá đó để biến nó thành một nguồn năng lực xây dựng đầy hứa hẹn. Di sản tinh thần của Einstein như một tảng băng khổng lồ trôi trên đại dương, chỉ có một phần nhỏ - tức là nguyên tử năng—là nổi lên mặt, còn cái phần lớn hơn và quan trọng hơn thì chìm ở dưới mặt nước. Phần

chìm dưới nước nay người ta gọi là thuyết tương đối của Einstein. Thuyết này đã làm đảo lộn cả một nền vật lý hoa cổ truyền và là một cuộc cánh mạng khoa học lớn lao nhất trong hơn ba thế kỷ, từ khi Newton khám phá ra các định luật căn bản về vật lý. Những khám phá mới và các định luật mới về vật lý đề sừng ra trong thuyết tương đối, cho tới nay mới chỉ có một phần nhỏ được kiểm chứng bằng thí nghiệm áp dụng vào thực tế. Còn cần phải hàng thế kỷ nữa những áp dụng thực tế bao hàm trong của thuyết Einstein mới được khai thác hoặc chứng minh bằng phương pháp thực nghiệm. Einstein là trường hợp điển hình của những nhà tiên tri, những nghệ sĩ đi trước thời đại. Nhưng Einstein lại là một nhà khoa học và một lý thuyết gia. Những diễn tiến tư tưởng của ông bắt nguồn từ những nhận xét thực tiễn. Lấy đó làm khởi điểm, ông đã dùng óc tưởng tượng của một nghệ sĩ và luận lý của một nhà toán học để tạo nên một hệ thống các phương trình và định luật bao gồm trang thuyết tương đối của ông.

Thuyết Tương đối gồm có hai phần chính : thuyết Tương đối đặc biệt bàn về trường hợp các chuyển động đều và thuyết Tương đối tổng quát áp dụng cho trường hợp các chuyển động không đều và các chuyển động chịu ảnh hưởng của trọng lực.

Ý niệm tương đối

Mỗi khi nói đến Einstein và thuyết Tương đối, phần lớn chúng ta đều cho đó là những quan niệm xa vời trừu tượng,

khó hiểu, chỉ các bậc học giả đầu hói, mới hiểu được. Thực ra thì thuyết Tương đối tuy có phức tạp khó hiểu nhưng cũng không đến nỗi cao xa huyền bí như ta tưởng. Trong Cờ học tình hoa có câu chuyện một người đi thuyền vô ý đánh rơi cái gươm xuống sông. Anh ta liền đánh dấu vào mạn thuyền và nói: «Ta đánh rơi gươm ở chỗ này». Khi thuyền vào bến, anh ta liền thuê người lặn xuống chỗ đánh dấu ở mạn thuyền để tìm gươm. Thấy vậy thiên hạ đều cười. Thiên hạ cười là vì thấy anh ta không biết là vị trí của cái thuyền đã di động tương đối với chỗ gươm rơi. Đó là quan niệm của người xưa về sự tương đối trong không gian. Trong thi văn nhiều khi ta cũng thấy các thi sĩ nói đến các hiện tượng «thời gian ngừng trôi» v.v... Các chàng sĩ tình cũng nhận thấy rằng khi

xa người yêu thì «một phút lâu bằng một thế kỷ». Hiển nhiên là các văn nhân, thi sĩ cũng như các gã sĩ tình đều nhận thấy rằng thời gian không là một đại lượng tuyệt đối hoàn toàn độc lập đối với thế giới chung quanh mà là một đại lượng tương đối tùy thuộc vào người quan sát. Nhưng quan niệm thời gian tương đối của thi ca khác với quan niệm thời gian tương đối của Einstein ở chỗ trong thi ca thời gian lâu hay chóng là tùy thuộc ở tâm lý người quan sát, còn trong thuyết của Einstein thời gian lâu hay chóng là tùy thuộc vào vị trí và vận tốc di chuyển của người quan sát. Trong thi ca thời gian tương đối là một hiện tượng tâm lý còn trong thuyết của Einstein, thời gian tương đối là một hiện tượng vật lý, có thật và có thể đo được.

oOo

THUYẾT TƯƠNG-ĐỐI ĐẶC-BIỆT

Thuyết Tương đối đặc biệt đưa ra một số nguyên tắc và định luật áp dụng cho các vật chuyển động đều. Một vật chuyển động đều tức là một vật chuyển động trên một đường thẳng với một tốc độ không thay đổi và theo một hướng nhất định. Thuyết Tương đối đặc biệt có thể được tóm tắt bằng những định luật về sự tương đối của vận tốc, tương đối về thời gian, tương đối về khoảng cách và tương đối về khối lượng.

Tốc độ ánh sáng không thay đổi

Khởi điểm của thuyết của Einstein là một nhận xét thực nghiệm. Năm 1881, vì một sự tình cờ hai vật lý gia người Mỹ

là Michaelson và Morley tìm ra rằng tốc độ của ánh sáng không bao giờ thay đổi. Hai ông nhận thấy rằng nếu một cái tàu thủy đi xuôi dòng thì vận tốc thực sự của tàu sẽ bằng vận tốc của tàu cộng với vận tốc nước chảy, và ngược lại nếu tàu đi ngược dòng thì vận tốc thực sự của tàu sẽ bằng vận tốc của tàu trừ đi vận tốc nước chảy. Lúc bấy giờ người ta đã biết là tốc độ ánh sáng là 300.000 cây số một giây, tức là tốc độ mà ta thường diễn tả bằng thành ngữ «nhanh như chớp» hoặc «nhanh như điện». Bằng phương pháp toán học người ta cũng tính được rằng trái đất chạy xung quanh mặt trời với tốc độ 30 cây số trong một giây. Michaelson và

Morley muốn kiểm chứng bằng phương pháp vật lý xem có phải quả thật trái đất di động với tốc độ đó không. Dựa theo nhận xét thông thường về tàu đi trên sông, hai ông cho rằng một tia sáng đi theo chiều di động của trái đất sẽ có tốc độ là $(300.000 \text{ km} + 30 \text{ km})$ trong một giây. Và nếu tia sáng đi ngược chiều di động của trái đất thì sẽ có tốc độ là $300.000 \text{ km} - 30 \text{ km}$ trong một giây.

Nhưng khi làm thí nghiệm, hai ông rất ngạc nhiên khi nhận thấy dù đi xuôi hay ngược chiều đi của trái đất, tốc độ của tia sáng cũng chỉ có 300.000 km/giây . Suốt hai mươi năm năm sau, hiện tượng này đã là một nghi vấn của khoa học không ai giải nghĩa được vì nó trái hẳn với những nhận xét thông thường. Đến năm 1905, có một người thư ký tại sở Môn bài ở Berne (Thụy Sĩ) tên là Einstein dám lên tiếng nói rằng tốc độ ánh sáng không tùy thuộc vào tốc độ của vật phát ra ánh sáng. Nghĩa là ánh sáng phát ra từ một mặt trời đứng yên một chỗ cũng đi nhanh bằng ánh sáng phát ra từ một ngôi sao di chuyển với tốc độ 100.000 km/giây . Hơn thế nữa, Einstein lại còn cả quyết rằng trong khắp vũ trụ không có gì đi nhanh hơn tốc độ ánh sáng và chỉ có tốc độ ánh sáng là không bao giờ thay đổi. Từ nhận xét đó ông đã suy ra các định luật tương đối về vận tốc, thời gian, khoảng cách và khối lượng.

Vận tốc tương đối.

Tất cả mọi chuyển động đều có tính cách tương đối. Một em bé chẵn trâu đứng bên cạnh đường cái thấy một cái

xe hơi đi rất nhanh qua mặt. Nhưng một người đi tàu hỏa với tốc độ nhanh gần bằng tốc độ xe hơi sẽ thấy xe hơi đi rất chậm. Và nếu xe lửa chạy nhanh bằng xe hơi thì đối với người trên xe lửa, xe hơi không chuyển động. Chúng ta ai cũng biết đến nguyên tắc sơ đẳng về vận tốc tương đối này. Nhưng có một định luật nữa trái hẳn với quan niệm thông thường ta vẫn có về nguyên tắc thêm bớt vận tốc. Giả sử ta có một hỏa tiễn đi nhanh với tốc độ 200.000 km/giây . Rồi từ hỏa tiễn này ta lại phóng ra một hỏa tiễn nữa cũng có vận tốc là 200.000 km/giây . Đối với một người đứng yên một chỗ thì, theo nguyên tắc thêm bớt vận tốc, hỏa tiễn thứ hai sẽ có vận tốc là 400.000 km/giây . Nhưng Einstein bảo thế là sai. Ông chứng minh cho ta thấy rằng vận tốc của hỏa tiễn thứ nhì, đối với người đứng dưới đất chỉ là 277.000 km/giây . Điều này thực là khó tin vì ta vẫn thấy rằng nếu một xe hơi đi với tốc độ 100 km/giờ gặp một xe hơi đi ngược lại với tốc độ 120 km/giờ thì hai xe sẽ qua mặt nhau với tốc độ 220 km/giờ . Einstein nói rằng đối với các tốc độ chậm thì nguyên tắc thêm bớt vận tốc thông thường rất đúng. Nhưng đối với các vận tốc nhanh thì nguyên tắc này không còn giá trị nữa. Trong đời sống hàng ngày ta chỉ tiếp xúc với các tốc độ chậm nên ta mới thấy định luật về chuyển động của Einstein kỳ quặc. Nhưng đối với những người biết chút ít về toán học thì định luật này là một sự thực không thể chối cãi được.

Sau này bằng phương pháp vật lý người ta đã kiểm chứng được định luật

đó. Tốc độ của ánh sáng trong benzène là 200.000 km/ giây và khi cho ánh sáng đi theo chiều của một giòng benzène chảy với tốc độ 50 km/ giây, người ta đã thấy tốc độ ánh sáng chỉ là 200.028 km/ giây chứ không phải là 200.050 km/ giây như ta tưởng.

Thời gian tương đối.

Trong chuyển động bao giờ cũng có yếu tố thời gian. Einstein cho rằng nguyên tắc thêm bớt vận tốc sai vì khoa cơ học cổ điển đã cho thời gian một tính chất tuyệt đối, nghĩa là thời gian bao giờ cũng diễn tiến đều đều không thay đổi. Nhưng thuyết tương đối của Einstein cho ta thấy rằng chính thời gian cũng chỉ có giá trị tương đối. Giá trị này tùy thuộc vào vị trí và vận tốc của người quan sát.

Khi nói về thời gian ta thường hay dùng tới chữ «đồng thời» để chỉ hai hiện tượng xảy ra cùng một lúc với nhau. Einstein cho rằng ngay cả hiện tượng «đồng thời» cũng có tính cách tương đối. Nói là hai hiện tượng xảy ra «đồng thời» thì không có nghĩa gì nếu ta không định rõ vị trí của người quan sát. Đứng đằng xa mà nhìn một người đánh trống chẳng hạn. Vì ánh sáng đi nhanh hơn âm thanh nên ta sẽ thấy dùi trống đánh vào mặt trống trước, một lúc sau mới nghe thấy tiếng trống. Như vậy đối với người đứng ở xa, hiện tượng dùi đánh vào mặt trống và hiện tượng trống phát ra tiếng động không phải là hai hiện tượng đồng thời. Trái lại lại, đối với người đánh trống thì hai hiện tượng đó là hai hiện tượng đồng thời.

Bằng phương pháp toán học, Einstein lại chứng minh rằng thời gian cũng tùy thuộc vào tốc độ nữa. Một cái đồng hồ luôn luôn di chuyển sẽ chạy với một nhịp khác với đồng hồ đứng yên một chỗ. Đồng hồ di chuyển càng nhanh thì nhịp đồng hồ càng chậm. Trên một chuyển tàu chạy với tốc độ 90 km/giờ, đồng hồ sẽ chạy chậm đi một phần rất nhỏ của một giây trong một ngày. Trên một hỏa tiễn di chuyển với tốc độ 150.000 km/giờ đồng hồ sẽ chậm đi 3 giờ 10 phút trong một ngày. Và nếu di chuyển nhanh bằng ánh sáng thì đồng hồ sẽ ngừng hẳn lại. Giả thử ta có một hỏa tiễn có thể đi nhanh tới 200.000 km/giây. Bằng phương pháp viễn trắc để đo nhịp tim, nhịp mạch máu, và nhịp phát triển cơ thể của phi hành gia, ta sẽ thấy các cơ quan này hoạt động với một nhịp chậm hơn hẳn nhịp hoạt động khi còn ở dưới đất. Nhưng phi hành gia ở trên hỏa tiễn sẽ không thấy có sự gì khác thường cả vì tất cả các máy móc, đồng hồ và cơ thể người đó đều hoạt động chậm đi như nhau.

Dựa trên nhận xét trên, người ta đã nghĩ ra một câu chuyện «phong thần» hoàn toàn đúng với khoa học như sau. Một người 30 tuổi, rời trái đất bằng một hỏa tiễn với vận tốc chậm hơn tốc độ ánh sáng 6.000 km. Sau khi đi được một năm, theo đồng hồ trên hỏa tiễn, tức là vừa đi vừa về mất hai năm người ấy trở về trái đất. Người ấy sẽ thấy là cũng trong thời gian đó, hai thế kỷ đã qua đi ở trái đất và cháu ngũ đại của người đó đã là một ông già một trăm tuổi trong khi chính người đó mới có 32 tuổi. Cuộc hành trình lịch sử này đã được mệnh danh là cuộc hành trình Langevin

vì do Paul Langevin, một nhà vật lý người Pháp, nghĩ ra. Nhưng đối với những người am hiểu điển cổ văn chương Trung Hoa thì có lẽ Langevin đã cố tình... «cầm nhầm» câu chuyện Lưu Nguyễn nhập Thiên thai của người Tàu sau khi đã «khoa học hóa» nó đi một chút cho hợp với thời đại. Đáng tiếc là huyền thoại Trung Hoa không ghi rõ là Thiên thai ở đâu và Lưu Nguyễn đi đến đó bằng gì. Nếu không thì người Tàu đã được cái vinh dự là người đầu tiên khám phá ra và áp dụng được thuyết Tương đối.

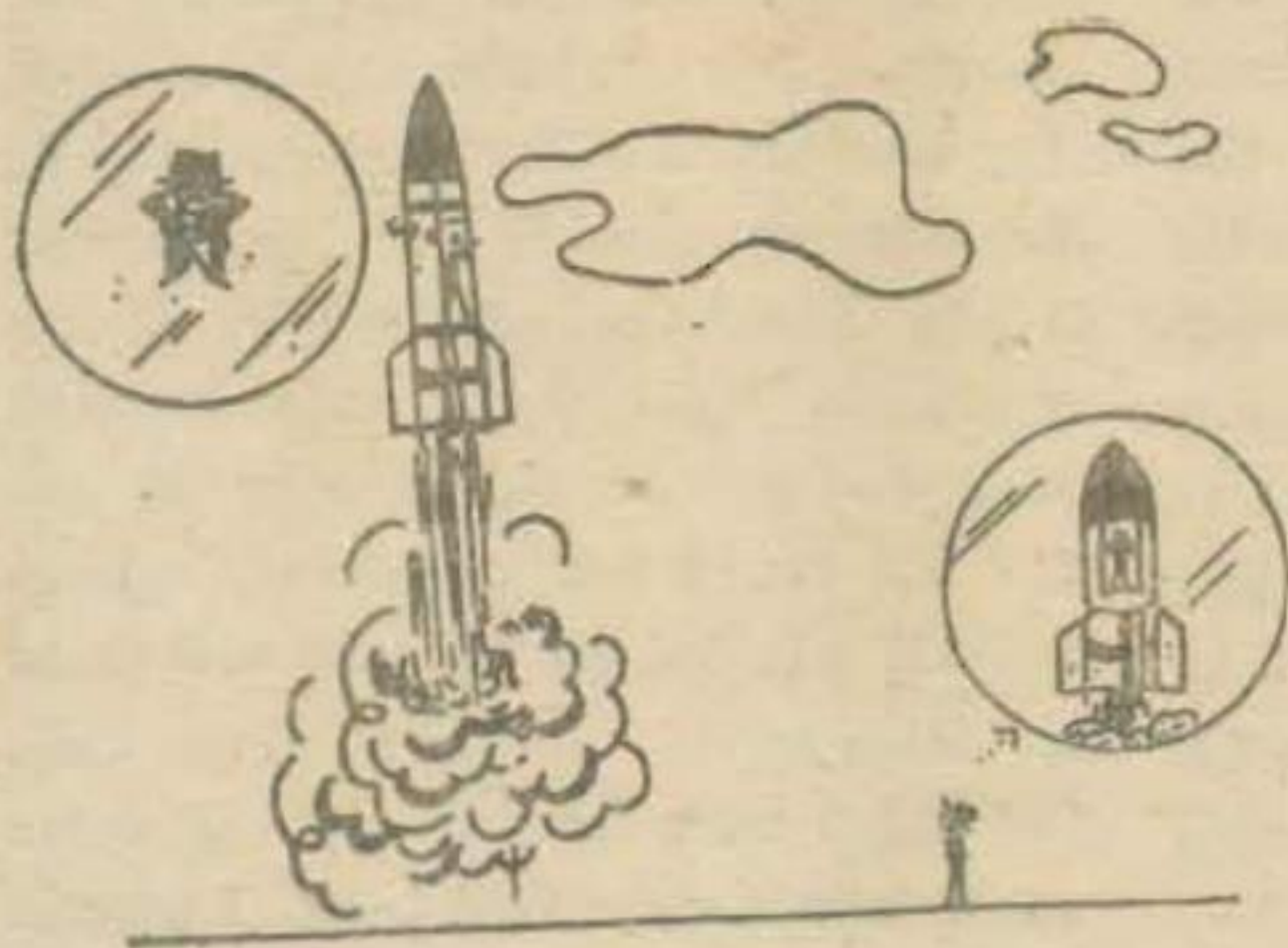
Nhưng không phải chỉ có các thí nghiệm không tưởng và những thí dụ phong thần đó mới chứng minh được tính chất tương đối của thời gian. Trong các thí nghiệm về nguyên tử học người ta đã kiểm chứng được định luật này của Einstein. Gần đây, so sánh đồng hồ của các phi hành gia và đồng hồ ở trái đất, người ta thấy đồng hồ các phi hành gia chạy chậm hơn đồng hồ ở trái đất.

Khoảng cách tương đối.

Khoảng cách đối với Einstein cũng chỉ có một giá trị tương đối. Giá trị này thuộc vào vị trí và vận tốc của

người quan sát. Thí dụ sau đây có thể cho ta thấy giá trị của khoảng cách tương đối với vị trí ra sao. Giả sử ta có một toa tàu vĩ đại dài 5 km, tàu này chạy với tốc độ 45 km / 1 giờ. Có một người soát vé đi từ cuối tàu đến đầu tàu với tốc độ 5 km / 1 giờ. Sau một tiếng đồng hồ thì, đối với một quan sát viên trên tàu, người soát vé đi được một khoảng cách là 5 km. Nhưng đối với một quan sát viên đứng ở dưới đất thì khoảng cách người soát vé đã đi trong thời gian ấy là 50 km.

Giá trị của khoảng cách tương đối với vị trí của người quan sát là một điều hiển nhiên, ai cũng thấy. Nhưng Einstein lại dùng phương pháp toán học mà bắt giác quan của ta phải vứt bỏ đi những quan niệm thông thường để tin những điều khó tin và khó kiểm chứng. Ông cho rằng chiều dài của một vật còn lệ thuộc mật thiết vào tốc độ di chuyển của vật ấy. Một cái gậy dài 1 mét không phải lúc nào cũng luôn luôn dài đúng 1 mét. Thực ra, gậy chuyển động càng nhanh thì lại càng ngắn đi. Nếu gậy đó chuyển động với tốc độ nhanh bằng $\frac{4}{5}$ tốc độ của ánh sáng thì, đối với một người



KHI HỎA TIẾN BAY LÊN, NGƯỜI TRÊN HỎA TIẾN THẤY NGƯỜI Ở DƯỚI ĐẤT NGẮN LẠI CÒN NGƯỜI Ở DƯỚI ĐẤT THÌ LẠI THẤY HỎA TIẾN NGẮN LẠI

đứng yên, gây chỉ còn dài có 60 phân. Nếu chuyển động bằng $9/10$, tốc độ ánh sáng thì chỉ còn dài có 50 phân. Và nếu chuyển động bằng tốc độ của ánh sáng thì gây sẽ mất hết chiều dài. Hiện nay vẫn chưa có một thí nghiệm vật lý nào có thể kiểm chứng được định luật này bằng phương pháp thực nghiệm. Arthur Beiser, khoa học gia người Mỹ, đã cho rằng khi một hỏa tiễn bay vọt lên thì người ở dưới đất sẽ thấy hỏa tiễn ngắn hơn khi hỏa tiễn đứng yên. Và ngược lại người trên hỏa tiễn cũng thấy nhà cửa, cây cối và người ở dưới đất ngắn đi.

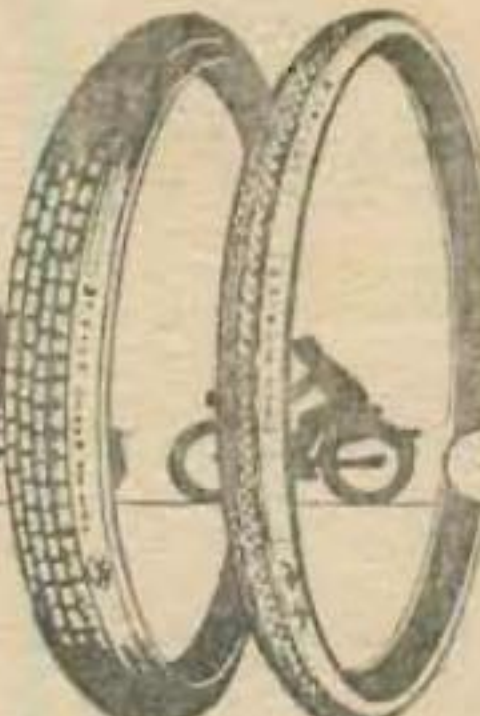
Khối lượng tương đối

Để diễn tả cách cấu tạo của thế giới chung quanh ta thường cần đến ba đại lượng: thời gian, khoảng cách và khối lượng. Sau khi cho ta thấy là thời gian

và khoảng cách đều có tính cách tương đối, Einstein đưa ta đến kết luận là khối lượng cũng tương đối. Khi nói tới khối lượng ta thường liên tưởng đến sức nặng: Thí dụ khối lượng của nước là 1 có nghĩa là một lít nước cân nặng 1 kilograme. Nhưng đối với các nhà vật lý thì khối lượng là một hệ số diễn tả đặc tính căn bản của vật thể: đó là đặc tính cưỡng lại sự di chuyển. Khi nói khối lượng của sắt lớn hơn khối lượng của gỗ, có nghĩa là sắt cưỡng lại sự di chuyển nhiều hơn là gỗ. Hay nói một cách khác, muốn đẩy một xe vận tải ta phải dùng nhiều sức hơn khi đẩy một xe bò. Theo vật lý cổ truyền thì khối lượng không bao giờ thay đổi dù xe đứng yên hay chuyển động với tốc độ $90\text{km} / \text{giờ}$ hoặc $90000\text{km} / \text{giây}$. Einstein bảo thế là sai, vật chuyển động càng nhanh trọng khối càng tăng. Như vậy có nghĩa là một cái xe

VỎ RUỘT XE ĐẠP, XE GẮN MÁY.

- CHỞ NẶNG
- LÂU MÒN
- GIÁ RẺ



TAM MÃ



HIỆM WHALES








DUTACO

MYLIEM

hơi lúc chạy nhanh « nặng » hơn khi cái xe hơi đứng yên. Sở dĩ ta không nhận thấy điều này vì trong đời sống hằng ngày ta chỉ tiếp xúc với những vật di chuyển với một tốc độ rất chậm không đáng kể so với tốc độ ánh sáng. Sự thay đổi khối lượng do đó nhỏ đến nỗi hiện nay chưa có một dụng cụ hay phương pháp tính vì nào có thể đo nổi. Chỉ khi nào vật chuyển động với một tốc độ khá lớn so với tốc độ ánh sáng thì sự gia tăng khối lượng mới rõ rệt. Trong các thí nghiệm về vật lý hạch nhân người ta thấy rằng khi các vi tử chuyển động với tốc độ 200.000km/giây thì khối lượng tăng lên từ 5 % đến 10 %. Khi vi tử chuyển động với vận tốc nhanh bằng 99,94 % vận tốc ánh sáng, thì khối lượng lớn gấp 26 lần khi vi tử đứng yên.

Trước kia người ta cho rằng năng lượng và khối lượng là hai đại lượng hoàn toàn khác nhau. Dựa vào định luật khối lượng tương đối, Einstein suy luận

rằng: khối lượng của một vật tăng lên khi vật đó chuyển động nhanh. Mà ta lại biết rằng sự chuyển động là một hình thức của năng lượng (trong vật lý-học ta gọi là động năng). Vậy sự tăng gia khối lượng của vật là do ở sự tăng gia năng lượng khi vật đó chuyển động. Bằng một vài phép tính giản dị, Einstein đặt ra công thức :

$$E = mc^2$$

Trong đó E là năng lượng

m là khối lượng của vật

và c là tốc độ của ánh sáng.

Công thức này có nghĩa là một vật chuyển động nhanh gần bằng ánh sáng sẽ biến thành năng lượng. Và khi năng lượng chuyển động chậm lại sẽ biến thành vật thể. Nói một cách khác, năng lượng là khối lượng và ngược lại khối lượng là năng lượng.

Theo công thức đó, trên lý thuyết một kilogram thả có thể phát sinh ra một năng lượng tương đương với 25 tỷ kilowatt giờ, một điện lượng đủ để cung cấp

ZEN và DƯỠNG - SINH

do Ông THÁI - KHẮC - LỄ biên - soạn

Nói về phép ăn chay Trường-sinh của các võ-sĩ Nhu-đạo và các vị Thiền-sư Nhật-Bản, có công năng chữa lành tất cả các bệnh-tật nan y như đau tim, bón, mất ngủ, áp-huyết cao, ung-thư, ho lao, phong-cùi, suyễn, bại, điên-cuồng, bị phóng-xạ nguyên-tử v. v...

SÁCH DÀY 250 TRANG — GIÁ BÁN : 60\$00

Thư từ xin gởi về : Ông PHẠM-CHÂU

Thư-viện Đại-Học Huế

cho nhu cầu điện của cả thành phố Sài Gòn trong 80 năm. Nhờ công thức này, ta mới có thể giải nghĩa được nguồn năng lượng hầu như bất tận của mặt trời. Nếu năng lượng được phát sinh ra bằng cách tương tự như ta đốt lò than, thì với số nhiên liệu hiện tại, mặt trời đã hết nóng và hết sáng từ lâu. Nhưng vì các năng lượng được sinh ra do những phản ứng nguyên tử, nên mặt trời mới có thể chiếu sáng trong hàng triệu năm mà chỉ mất có một phần rất ít nhiên liệu.

Định luật này, Einstein đề xướng ra từ năm 1905. Hơn 40 năm sau, quần chúng mới kiểm chứng được bằng phương pháp thực nghiệm. Nhưng để làm cuộc thí nghiệm này, nhân loại đã phải trả bằng một giá quá đắt là sự tàn phá của cả một đô thị và sự hy sinh của hơn 60 ngàn nhân mạng.

Không gian bốn chiều

Những định luật nói trên về sự tương đối của chuyển động, thời gian, khoảng cách và khối lượng hợp thành thuyết Tương đối đặc biệt của Einstein. Ta nhận thấy thời gian giữ một vai trò rất quan trọng trong việc ghi nhận một sự kiện hay một biến cố trong vũ trụ. Vì vậy Einstein cho rằng quan niệm không gian ba chiều không đủ để diễn tả vũ trụ. Còn cần phải thêm một chiều nữa, tức là thời gian. Chiều thứ tư này không thể nào tách rời ra khỏi quan niệm không gian ba chiều được. Do đó Einstein gọi khoảng không gian bốn

SÁCH BÁO MỚI

Bách Khoa vừa nhận được :

— **Mưa Thu nhớ tầm**, tập truyện của Bình-Nguyên-Lộc, do Phù Sa xuất bản, và nhà xuất bản cùng tác giả gửi tặng. Sách dày 211 trang gồm 17 truyện, giá 48đ.

— **Học đường mới**, tuần báo thiếu nhi số ra mắt, ngày 24-10-65, "tờ báo do các nhà văn nhà giáo viết vì các em học sinh", do Ô. Trần Trung Du làm chủ nhiệm, các nhà văn Nhật Tiến, Lê Tất Điều làm chủ bút và Thư ký tòa soạn. Tòa soạn đặt tại 95 B Gia Long Saigon. Mỗi số khổ 21 x 30, dày 20 trang, giá 3đ.

— **Nỗi buồn người yêu**, bản dịch bài thơ Tristesse d'Olympio (Victor Hugo) của Hoa Tường Dung do dịch giả gửi tặng.

— **Khói quê hương**, thơ Thanh Việt Thanh do Mai Diên xuất bản và tác giả gửi tặng. Tập thơ gồm 16 bài, dày 64 trang, giá bán 40đ.

— **Tiếng ca quê hương**, thơ Phồ Đức do Nhân Chứng xuất bản và tác giả gửi tặng. Tập thơ gồm 23 bài và một phần nhận định thơ Phồ-Đức của các văn-thi-sĩ. Giá bán 60đ.

— **Bừng sáng** thơ của Hoàng Thiên Phương gồm 50 bài thơ, dày 98 trang, bản đặc biệt không ghi giá bán.

chiều này là khoảng liên tục không-thời gian (le continuum spatio-temporel). Khi học ở trung học ta thấy rằng muốn định vị trí của một vật trên một đường thẳng ta chỉ cần một điểm. Muốn định vị trí của một vật trên một mặt phẳng ta cần hai điểm (hoành độ và tung độ). Muốn định một vị trí ở trong không gian ta cần ba điểm (hoành độ, tung độ và cao độ). Thí dụ như muốn định vị trí của một chiếc máy bay ta cần biết máy bay đó ở kinh độ nào, vĩ độ nào và cao độ nào. Nhưng giả thử ta phải đi tìm máy bay đó thì chắc chắn là không thể nào tìm được vì ta không biết là máy bay ở vị trí đó vào lúc nào. Do đó, để diễn tả vị trí của một vật đang chuyển động ta phải dùng đến quan niệm không-thời-gian, nghĩa là ta phải dùng đến một chiều thứ tư nữa là thời gian.

Einstein nhấn mạnh là khoảng không-thời gian đó phải liên tục nghĩa là có thể phân chia ra từng khoảng nhỏ li ti, trong đó không gian và thời gian luôn luôn liên lạc mật thiết với nhau. Ta thường nói ngực của Jayne Mansfield đo được 1m10. Nhưng muốn cho chính xác ta cần phải cho biết cả lúc đo ngực nữa. Vì vòng ngực của Jayne Mansfield bây giờ chắc chắn phải khác vòng ngực của Jayne Mansfield khi còn là một cô gái ngây thơ và nhất là khi đã thành một bà già lụ khụ. Trong đời sống hàng ngày mà lúc nào cũng chính xác như vậy chắc chắn sẽ bị thiên hạ

bảo là làm cầm. Nhưng các nhà thiên văn, quan sát các hiện tượng trong vũ trụ, đã nhận thấy rằng muốn diễn tả các hiện tượng này không thể nào không dùng đến yếu tố thời gian được. Ban đêm nhìn lên trời, nhiều khi ta thấy hai vì sao đứng sát nhau, nhưng thực ra một vì sao có thể ở cách xa ta 40 năm ánh sáng (nghĩa là một tia sáng phát xuất từ ngôi sao này, đi với tốc độ 300.000 km/giây, phải mất 40 năm mới đến mắt ta), còn ngôi sao kia có thể cách ta đến 400 năm ánh sáng. Nếu có kính viễn vọng tốt hơn ta có thể nhìn thấy một đám tinh vân ở cách xa ta 500 triệu năm ánh sáng và đang chạy xa Thái dương hệ của ta với tốc độ kinh khủng là 60.000km/giây. Hiện tượng mà ta thấy đó thực ra đã xảy ra trước đây 500 triệu năm. *Bây giờ* tinh vân đó ở đâu hoặc có còn không ta không thể biết được vì hình ảnh hiện tại của tinh vân đó phải 500 triệu năm nữa mới đến được trái đất để cho ta quan sát.

(Còn tiếp 1 kỳ)

NGỌC-VÂN

Kỳ tới : *Thuyết Tương đối tổng quát và cuộc đời của A. Einstein.*

Tìm đọc :

Khói Quê Hương

thơ THANH VIỆT THANH

MAI DIÊN xuất bản — NGUYỄN TỬ QUANG đề tựa. Giá 40 đ. Sách có chữ ký tác giả đặt bán tại nhà sách Dân Trí 64 Lê Lợi — Saigon.

TÚY-KIỀU Ở ĐỒNG-NAI (4)

THUẦN-PHONG NGÔ-VĂN-PHÁT

Tuồng hát bội KIM-VÂN-KIỀU

Túy-Kiều với kịch-trường

L.T.S. Cũng như các bài «Túy-Kiều với trí thức» «Túy-Kiều với đại chúng» đăng trên BK. TĐ. các số trước, bài «Tuồng hát bội Kim Vân Kiều» trên số này được trích trong tập «Túy-Kiều ở Đồng Nai» của Ô. Thuần Phong Ngô-Văn-Phát sẽ xuất bản gần đây- «Tuồng hát bội Kim Vân Kiều» là một chương chánh yếu trong tác phẩm nói trên mà tiếc vì khuôn khổ chật hẹp của BK. TĐ. chúng tôi chỉ giới thiệu dưới đây với bạn đọc được một phần rất nhỏ. Ước mong tập biên-khảo công phu của ông Thuần Phong Ngô Văn Phát sớm ra mắt độc giả để những bạn lưu tâm tìm hiểu «Túy-Kiều với Kịch trường» được hoàn toàn thảo mãn.

Sau khi Nguyễn-Du nhắm mắt chừng bốn mươi năm, mặc dầu sơn khô hiểm trở, nàng Kiều đã vượt ải băng ngàn trải bước «lưu-lạc» vào xứ Đồng Nai, dường như theo sức hấp dẫn của đá nam châm của miền lúa vàng sông biếc.

Ở đây, cô gái họ Vương đã chấp bút với làng ngâm vịnh trong trường thơ, đã hòa giọng với bình-dân trong trường đời xuyên quá án, phú, và đạo gót sen vàng lên trường hát giữa tiếng trống châu. Với sắc nước hương trời, một

cười làm cho nghiêng thành, hai cười làm cho đổ nước, Túy-Kiều dường như đã được chỉ-định sẵn sàng sánh bước với Ai-Châu (1) lên sân khấu cổ-diễn đề minh-họa thuyết «tạo-vật đồ tài» và đề-cao gương hiếu trung tiết nghĩa; cả đời Túy-Kiều là một tấn tuồng đủ màu hi nộ ái ố, đủ cảnh tan hiệp vui buồn, phải là một chuyện diễm-tình, một thiên ai-sử :

« Khi lai-láng tình thơ, người tựa án khen tài châu ngọc :

Khi nỉ-non tiếng nguyệt, khách dưới đèn đấm khác tiêu-tao.

Khi duyên ưa kim cải, non bề thề bởi ;

Khi đất nời ba đào, cửa nhà tan tác.

Khi lâu xanh, khi rừng tía, cỗi đi về nghĩ cũng chồn chân ;

Khi kinh kệ, khi can qua, mùi từng trải nghĩ càng tê lưỡi.»

(Tiên Phong)

Vả chăng, đất Đồng-Nai trai lành gái tốt, «không có di vãng văn hóa», song vốn có tiềm-lực văn-hóa dồi dào, luôn sống thâm trầm với văn hóa, luôn trương cờ tiên-phuông trong các cuộc phát-động phong-trào văn-nghệ, ít ra từ Phan-Thanh-Giản (1796-1867) tới bây giờ, đặc-biệt là theo hướng sân khấu. Vậy cô đào thương Túy Kiều tự nhiên được các ông già Ba-tri, các bà già trầu chà-let, các anh tay lăm chun bún, các chị đồng chua nước

mặn thân ái đón nghinh, sẵn lòng thương ray khóc mướn khách hồng nhan, tuy họ không phải giống đa-tình người đồng điệu. Bằng chứng lịch-sử là đây :

«Nhà tổn tiền thơ truyện, là mua sắm đề dạy con, lựa lấy tiếng vàng son. chuộng mua lời đức hạnh, trai coi cho mới tánh, gái xem đặng thuần duyên.

... Tuồng thì sắm : Kim-Thạch, Trần-Bồ, Trá Hôn, Sơn-Hậu, Báo Nghĩa với Túy-Kiều»

(Võ-Sâm) (1)

Tác-giả

Trung-tâm văn-nghệ của ta, từ Trịnh Nguyễn phân-tranh trở về trước, đóng lại vùng Thăng-Long, nổi tiếng là đất «nghìn năm văn vật» ; từ Gia Long lên ngôi, trung-tâm văn-nghệ chuyển vào đất thần-kinh, tuy là không trụ hẳn dưới «ánh sáng mặt trời» của các nhà vua đương vị. Trong lúc đó trung-tâm kịch-nghệ đứng xa cách một mình ở miền cực Nam với những tác-giả chôn vùi tên tuổi trong bóng tối của vô danh cùng với những tích tuồng cho đến bây giờ còn lưu-lai trình-diễn.

Tuồng hát bội Kim Văn Kiều dựng lên không biết do tay nào và ngay lúc nào. Như lan trong rừng già, như Kinh dưới biển thâm, người Đồng Nai không hay phô trương, chỉ thích mai ẩn, nên bao nhiêu danh-tác phải chịu khuyết danh và bao nhiêu danh-nhơn đã vui

(1) Trong tuồng KIM-THẠCH KỲ-DUYÊN của Bùi-hữu-Nghĩa, xố. 1895, Imprimerie et Librairie Nour elles claudé Gie, Saigon.

(1) Võ-Sâm : Thi phú văn từ Đình-Thái-Sơn x.b. Sài-Gòn, 1912.

ân tích. Đó là một cố-tật đã loại người Đồng Nai ra ngoài vòng đấu tranh, nhứt là cuộc đấu tranh phi-nghĩa, và bôi bọ đấu cũ vít xưa, khiến kẻ hậu học không biết đường lối bắt mò. Đây là trường hợp tác-giả tuồng Kim Vân Kiều vậy.

Người ta bây giờ chỉ biết được tuồng này đã viết bằng chữ nôm trước năm 1895, là kỳ xuất-bản đầu tiên của bốn bằng chữ quốc ngữ, do Thế-Tải Trương Minh-Ký diễn âm, chưa ai biết chánh tác giả là cụ Bùi-Hữu-Nghĩa.

GIÁ-TRỊ SÂN KHẤU

Truyện Kiều đã được chiếu lên màn bạc hồi lối bốn mươi năm trước và lại đã được đem lên sân-khấu cải-lương cách đây cũng chừng bốn năm. Lúc ấy hát bóng cảm chưa có khả năng diễn đạt những cuộc xung-đột tâm-tích và hát cải lương cũng không thật-hiện được những trận gay cấn tình cảm. Vì vậy khán giả cho tuồng Kiều trên màn bạc và trên sân khấu cải lương là nguôi. Đúng vậy, bởi ngoài ra tài diễn xuất và dàn cảnh, bốn thân truyện Kiều vốn thiếu chất kịch, hiểu theo nghĩa thông thường, nghĩa là cốt truyện thiếu động tác.

Tuy nhiên tại sao hồi cuối thế-kỷ XIX truyện Kiều trên sân khấu hát bội lại được hoan-nghinh đến đổi cách đây chừng ba mươi năm, còn trở về trên sân khấu của gánh hát bội pha cải lương của Bầu Bòn ? Truyện Kiều phải có chất kịch đặc biệt vì những tình cảnh éo le, những gây cấn tình-cảm, những xung đột bốn phận, những mâu-thuân lợi quyền và thêm vào những nhơn-tố kịch-tánh ấy, tuồng hát bội Kim Vân Kiều còn đặt đúng lẽ-lối cổ-diễn với một thể văn chuyện-hóa, linh hoạt, thâm trầm. Khán giả miền Đồng Nai đã nhận thấy và thưởng thức kịch-tánh của

tuồng Kim Vân Kiều, nên gánh Bầu Bòn đến đâu cũng đậu giàn với tuồng đó. Một nhơn chứng hiện tiền, là cô Huỳnh Thị Bê, tục gọi cô Sáu Bê, đã đóng vai Kim-Trọng cặp với cô Trần-thị-Quyên, tục gọi cô Ba Quyên, thủ vai Túy-Kiều, cho biết hồi đó cô hai mươi bảy tuổi (1938) tuồng Kim Vân Kiều chia làm ba thứ, có pha bài ca cải lương, hát liên tiếp ba đêm một chỗ, và mỗi đêm hát ba tuồng kế tiếp :

- 1 Mạnh lệ Quân,
- 2 Lục Vân Tiên,
- 3 Kim Vân Kiều.

Thầy tuồng là ông Lê văn Đốc, tục danh Biện Đốc, đã dùng nguyên bốn KIM VÂN KIỀU và chỉ pha vào một ít bài ca để làm vừa lòng khán giả. Nhắc lại những đêm hát mấy chục năm xưa, cô Sáu Bê, nay đã năm mươi lăm rồi, còn tấm tắc khen tuồng Kim Vân Kiều gây cấn và thâm trầm, là một tuồng hát có giá trị. (1)

Phải, tuồng hát bội Kim Vân Kiều có giá trị về phương diện sân-khấu. Soạn giả đã biết khai thác cốt truyện và nhấn mạnh cho nổi cao những biến cố có kịch tánh.

Tiện đây tôi xin tạ ơn Cô Sáu Bê đã sẵn lòng kể lại cho tôi nghe chuyện cũ.

Trước hơn hết, biến cố có kịch tách hạng nhứt là giao chiến làm cho xóm giàn, cho linh hoạt và náo nhiệt sân khấu. Cho nên soạn giả đã dựng lên hai cảnh và bảy lớp chiến tranh giữa Từ-Hải và binh tướng triều đình, đồng thời cũng tạo ra cảnh triều đình và quần thần của vua Minh-Vương :

Phí Hư viết :

*Quyền ban khôn ngoại,
Danh chấn quận trung
Tuyên-phủ-sứ chức phong,
Phí-hư là tên mõ.
Trộm cướp vốn không gây dữ,
Quân dân thì mỗ làm hung.
Hôm nay hãy ngồi trông
Chưa ai đem lễ nạp.*

Báo viết : Dạ !

*Thậm cấp, thậm cấp
Chỉ nguy, chỉ nguy !
Bình giặc tới từ vi
Còn nhiều-nhương hạt nội.*

Phi-Hư viết :

*Thiệt rồi, thiệt rồi !
Nên lo, nên lo !
Nào gia-tướng ở mô,
Ai đem binh đi đánh ?*

Nguy Kỳ viết :

*Thần phụng mệnh, thần phụng mệnh
Lãnh thi hành, lãnh thi hành
Thề dứt chí bình sanh
Chỉ dung loài tiểu bối...*

(thứ III, cảnh III lớp 1)

Nạn phao vu, «chụp mũ», nguồn gốc của bước lưu lạc của Túy Kiều, dẫn

dây mối nợ của thảm-kịch, đã được Nguyễn-Du cố ý mô-tả trong hai mươi ba câu lục bát (từ câu 576 đến câu 698). Dầu ngọn bút tả-cơn thần diệu đến ngần nào, lời văn cũng không trình bày cuộc bắt trời và tra tấn một cách sống động cho bằng diễn xuất trên sân khấu. Cho nên soạn giả bốn tuồng đã dựng lên bốn lớp, trong cảnh III, thứ I, diễn tả cuộc khủng bố, dụng ý cho thấy nỗi oan-khức của dân lành, mà nhà họ Vương tiêu biểu, nhứt là đề chỉ-trích chế-độ thúi nát đương thời : dưới nanh vuốt của nha lại tham ô độc ác, dân lành chỉ có nước khóc than ; tiếng khóc than của nhà họ Vương là tiếng khóc than của toàn thể dân đen nheo nhóc trong địa-ngục của chế-độ :

Vương-Bà, Kiều, Vân đồng viết :

*Ôi ! kêu trời khôn thấu tiếng,
Than đất dễ còn hơi !*

*Lòng trong (trung) phu đốc giữ cả đời,
Họa vô vọng phút rơi một thuở.*

Đồng thán viết :

*Kỳ oan bắt bạch lạy song thù,
Thiên đạo như hà cảnh vọng tri.
Lục nguyệt phi sương trường bảo hận,
Phúc bồn nan chiếu lĩnh nhơn bi !*

Ở trên tiếng than khóc của dân đen và lẫn át tiếng khóc của vô tội là sấm sét của chế độ mà kẻ gieo sấm sét, viên tri huyện hành tội họ Vương, đã bộc lộ tự đắc :

Tần Lang viết:

Bắc-kinh quyền huyện-doãn,
Mỗ hiệu tự Tần-Lang.
Mấy thu vâng chịu lời vàng,
Trăm dặm vô chẵn con đò.
Vốn ta con nhà khó,
May đặng dựa cửa sang.

Như ta:

Việc chẵn dân thời hồi mơ màng,

chớ:

Nghề ăn chúng thiệt là vô số ..

Trong thứ nhứt và thứ nhì, soạn giả đã giãi bày cho nổi rõ lên những cảnh then chốt, những hồi cụp-lạc, như cảnh họ Vương bị bắt khảo tra và cảnh Túy Kiều bị hành ghen, sang thứ ba, soạn giả lại trình lớp thưởng phạt một cách thật là tưng bừng náo nhiệt...

GIÁ-TRỊ VĂN-CHƯƠNG

Văn-chương Đoạn-Trường Tân-Thanh quả là tuyệt diệu hảo-từ độc nhứt vô nhị. Nếu dời lên sân khấu bốn truyện ấy mà nhe phần văn, chỉ nặng phần kịch, thì Túy-Kiều sẽ là một đóa hoa có sắc không hương, một viên ngọc bội hoàn có vít. Và lại sân khấu hát bội không hề chấp-nhận một vở tuồng thiếu văn-chương, dầu cho là một tuồng đánh giặc. Vì vậy tuồng hát bội Kim Vân Kiều đã không làm giảm giá của nguyên-tác Đoạn-Trường Tân-Thanh, đã không làm hồ mặt nàng Kiều, trong nhiều trường hợp còn điểm phần xông hương thêm cho xinh lịch, cho hấp dẫn, cho ý vị thâm trầm, cho «chim sa cá lặn»...

Văn - chương Đoạn - Trường Tân-Thanh tuyệt-diệu về từ-hoa, ngữ-pháp và thi-diệu. Bốn tuồng Kim Vân Kiều không thiếu ba nhơn-tố ấy mà còn vận-dụng nhiều yếu-tố huê-mỹ khác hơn: ngoài thể thơ lục bát là thể thơ duy nhứt dùng để viết truyện Kiều, tuồng Kiều còn sử-dụng nhiều thể văn văn khác, từ thể tứ tự đến thể phú, từ

nói lối đến hát khách, hát nam. Thể văn đã đổi thay theo lẽ lối của sân khấu như vậy, tức nhiên văn-chương của bốn tuồng cũng chuyển biến không ngừng, cũng như huê-viên thay lá trở bóng theo bốn mùa tám tiết.

Nói lối

Nói lối là phần văn căn-bản của tuồng hát bội, mà hát bội có tham vọng căn bản là diễn-đạt tâm tình, và tâm tình sôi động vì hi nộ ái ố. Vậy nói lối phải sôi động theo tâm tình. Đã đành lời văn là phương tiện diễn-đạt. Những diễn đạt cần phải nhờ phương-pháp. Có phương tiện mà không có phương pháp thì không thành văn chương, chẳng khác nào có gạch cát mà không có nghề hồ thì không dựng được dinh-thự. Vậy tâm tình, tư-tưởng muốn diễn-đạt phân-minh thì cần nói lối đúng phương pháp: tuồng hát bội Kim Vân Kiều đã khéo áp-dụng nhiều phương-pháp nói lối.

Nguyên có hai loại nói lối: lối văn văn và lối văn xuôi. Lối văn xuôi trên

sân khấu, là nói như người ta nói chuyện ở ngoài đời, không có niêm luật, không cần tiết điệu. Lối văn vần, trái lại, có niêm luật, có vần điệu, tuy không phải là thi thơ, khác hơn thể văn hát nam và hát khách.

Trong tuồng Kim Vân Kiều, chỉ có hai trường hợp nói lối văn xuôi... Phần chánh yếu của văn chương bôn tuồng thuộc về lối văn vần ; văn chương hay, dở, thấp cao là do lối văn vần đó.

Vậy soạn giả tuồng KIM VÂN KIỀU đã khéo vận dụng hết cả các thể thức nói lối văn vần, từ thể tứ tự đến thể phú...

Trong phần "Giá trị sân khấu" đã có trích dẫn những câu nói lối thuộc thể tứ tự, ngũ ngôn. Còn thể lục ngôn, thất ngôn và thể phú thí dụ như sau :

*Gió bụi quê người lữ bước,
Nước non phận gái xa đường.
Đêm vắng tiếng quyên đóng nguyệt,
Ngày thêm bóng nhạn kêu sương.*

(Túy Kiều)

*Thiếp Túy Kiều trộm dựa hồng quần,
Nhà Vương-thị sớm roi giai lệ.*

(Túy Kiều)

*Trời xanh đã khiến dầy son phấn,
Bụi đỏ ai còn tiếc ngọc hương*

(Túy Kiều)

*Những trường rừng cùng bờ sông cùng lối
chơn mây cho gặp mặt bạn vàng,*

*Hay đâu trâm phút gãy, bình phút tan
đáy nước đã vang hồn người ngọc ;*

(Kim-Trọng)

...
ĐỐI NGẪU .. Trong "NGUYỄN-DU ET LA MÉTRIQUE POPULAIRE" của tôi vừa viết đề tham gia vào cuộc kỷ niệm hai trăm sanh-nhật của Tiên-Điền do Ban-Nghiên cứu Việt-học tại Đại-Học Sorbonne tổ chức năm nay tại Paris, tôi đã trình giảng những phương pháp đối ngẫu đã áp-dụng một cách biến báo và tuyệt diệu trong Đoạn Trường Tân Thanh. Nhưng đó chỉ là những phương-pháp đối-ngẫu áp dụng trong thể lục-bát, mỗi khi thuận tiện.

Ở đây, soạn giả tuồng hát bội Kim-Vân-Kiều đã phải áp dụng đối ngẫu trong toàn thể bôn tuồng, từ thứ nhất đến thứ ba, từ giáo-đầu đến lớp răn, không lối trong một cặp nói lối nào. Trong truyện

Nhà xuất bản Sáng - Tạo

ĐÃ CHO PHÁT HÀNH

NGƯỜI VIỆT ĐÁNG YÊU

của **DOÃN - QUỐC - SỸ**

NHÀ XUẤT BẢN GIAO ĐIỂM ĐÃ PHÁT HÀNH

KÍN CỬA

(HUIS - CLOS)

JEAN - PAUL SARTRE

TRẦN THIÊN ĐẠO dịch

Đoạn-Trường Tân-Thanh tác giả được tùy thích đối ngẫu hay không đối ngẫu, trong từng hát hội Kim Vân Kiều soạn giả bị bắt buộc phải đối ngẫu. Mà nếu đối ngẫu từ đầu đến cuối từng theo một phương pháp thì sẽ nhàm chán, nên soạn giả đã tận dụng tất cả tài năng của mình để cho câu đối nào cũng có mỗi vẻ đặc sắc, cũng như chị em Kiều Vân mỗi người một vẻ, mười phen vẹn mười.

Với tài đối-ngẫu xuất sắc của soạn giả, bốn từng hát bội càng làm tăng giá thanh danh của Kim Vân Kiều và vì vậy soạn giả được quyền chung hưởng tất cả danh-dự với Nguyễn-Du.

Hí-Ngữ. — Những phép đối văn trên đây là bao nhiêu phép hí-ngữ điểm xuyết rải rác trong bốn từng, chẳng khác nào những nụ hoa tươi mỉm cười đơm nở trong vườn văn. Soạn giả dụng ý tập trung những bông hoa đặc sắc ấy dựng lên như một cô bông, một cuộc triển lãm hoa khôi, làm cho hiển lộ biệt-tài hí-ngữ của mình, chứng tỏ khả năng lạ thường của một ngọn bút có duyên lộng-ngữ. Một câu trích dẫn sau đây chứng tỏ biệt tài hí-ngữ đó qua lời nói của vị lương-y do Tú Bà mời đến để cấp cứu Túy-Kiều khi nàng dùng dao tự vận...

LƯƠNG Y viết :

Dung được chánh hoài thể lợi,

GIÁ-TRỊ SÁNG-TẠO

Khai thác một cốt truyện, dựng một tiểu thuyết thành một từng hát, đó là cả một công trình sáng-tạo. Soạn giả từng KIM VÂN KIỀU đã biết phương-pháp

Lương-y chỉ thiết ngã danh.

Như ta : cứu người đồn quân tử
tiếng lành.

Chữa bệnh vì linh-tiêu thuốc lạ, chớ !

An-tức, vui miền thảo-dã,

thung-dung dưỡng tánh thiên chân

Giúp bệnh nghèo chẳng ngại kim ngân

Luyện lòng thiện chí bằng hậu phát.

.

Tục-ngữ. — Một tự-pháp đặc biệt khác, có thể nói đã được sử-dụng trong ĐOẠN-TRƯỜNG TÂN-THANH một cách chìm, lại được ứng dụng nổi bật trong từng KIM VÂN KIỀU chứng tỏ công phu đáng khen của soạn giả. Đó là phương pháp lồng tục ngữ vào đối thoại. Phương pháp này cũng đáng quý vì gặp một trở ngại hành văn, đó là đối ngẫu, mà soạn giả đã vượt qua, bởi soạn giả đã đem tục ngữ đối ngẫu với tục ngữ, bằng cách đề nguyên vẹn câu tục ngữ hoặc thường hơn, bằng cách biến thể câu tục ngữ :

... Cúc chẳng đã phải rung cây nhắc
khi,

có dân đều vạch lá tìm sâu...

Yêu hoa phải vun cây,

Chạy trời đâu khỏi nắng.

(T. III, c II, l. 7)

Trưng chọi đá khen cho gan sắt,

Chấu chống xe sao gọi sức đồng,

Kình bát tắm ngoài cội đã nếp lòng,

Cáo đội lột trong trào còn cậy sức...

sáng-tạo, nên về phương-diện kỹ-thuật kịch nghệ, soạn giả đã tận dụng những nhơn-tố sẵn có sẵn có trong Đoạn-Trường Tân-Thanh, bằng cách nhấn

mạnh cho nổi cao những biến cố có kịch tính, và bằng cách giậm vào những giọng ngâm, lối, hát, đờn thích ứng, thêm duyên cho cảnh, gia vị cho tình, (1)

oOo

Nếu không có tinh thần sáng-tạo, soạn giả tuồng Kim Vân Kiều ắt sẽ đỡ công một phần to lớn khi phải hát nam; soạn-giả chỉ sao y những câu lục-bát độc nhất vô nhị của Nguyễn-Du. Chẳng hạn như những lời đối-thoại giữa Kim-Trọng và Túy-Kiều, lúc lâm biệt tại Lâm-Túy hiên:

« Sự dẫu chưa kịp đòi hỏi

Duyên dẫu chưa kịp một lời trao tơ.

Còn non, còn nước, còn dài

Còn về còn nhớ đến người hôm nay. »

(c. 539-558)

Sao y 18 câu lục bát thật là đơn giản nhưng hát nam ai cả 18 câu thì chắc hẳn sẽ nhàm tai, khán giả và sân khấu không thể chấp nhận. Soạn-giả ở đây đã khéo vận dụng tài nghệ sáng-tạo, không làm nhàm chán bằng một hơi buồn đơn độc của lục bát, mà làm gia tăng khúc biệt ly bằng những lời nói lối giọng ai, khai mào cho một khúc ngâm và chấm dứt bằng bốn câu hát nam-ai, toàn thể

hiệp lại thành một khúc nhạc tổng biệt ai oán...

Bởi vậy nếu tra cứu và so sánh đoạn lý biệt của Đoạn Trường Tân Thanh với của tuồng KIM VÂN KIỀU, người ta sẽ nhận thấy công trình sáng-tạo của soạn-giả tuồng hát quả là sâu dày và có ý thức, có hiệu lực kỳ diệu chuyển hóa, thứ hiệu lực của con tầm chuyển-hóa lá dâu ra đường tơ óng ánh vàng tươi. Soạn giả đã diệu dụng kỹ-thuật nói lối mà biến đổi câu thơ của Nguyễn-Du thành câu văn của mình với một hình thái và một tinh thần mới tinh cá-biệt.

Câu thơ của Nguyễn-Du :

Trăng thề còn đó tơ tơ,

Dám xa xôi mặt mà thừa thốt lòng

đã biến ra 2 câu thơ nói lối thất ngôn phú và hai câu thơ thất ngôn Đường-luật :

Đường nước non tuy cách dặm ngàn

Duyên tơ tóc dễ người vương tấc.

Cung thêm mới đặn bóng trăng kê,

Tin nhận mây che kẻ ở về.

Cặp lục bát trong miệng của Kim-Trọng :

(1) X. Giá trị sân khấu.

MUỐN CÓ NHIỀU SÁCH HAY
GIÁ ĐẶC - BIỆT (GIÁ I. C.)

Bạn đọc hãy tìm lại nhà sách :

VIỆT - BẢNG

(78, Đại-lộ Lê-Lợi Saigon)

Các loại sách ngoại quốc mới xuất bản về : Chính - trị, Triết - học,
Văn - học, Khoa - học, Nghệ - thuật v. v...

Gìn vàng giữ ngọc cho hay,
Cho đành lòng kẻ chân mây cuối trời,
đã phân ra làm hai và biến thành hai đôi
câu đối, một đôi lục ngôn :

Đội nguyệt mang sao dễ tiếc
Gìn vàng giữ ngọc chớ sai.

và một đôi thất ngôn phú :

Xin nhớ lời dưới nguyệt trên hoa
Cho đành kẻ chân trời mặt biển

Trong hai cặp đối ấy, còn phần chiếu
ánh trăng ở Lâm-Túy hiên, nhắc lại câu

Trăng thề còn đó trơ trơ...

Lời thống trách duyên phận của Túy-
Kiều trong cặp lục bát :

Ông tơ gàng-quải chi nhau,
Chưa vai sum họp đã sầu chia phôi !

được đôi giọng gần với lời hờn duyên
trách phận của mọi người tình-nhân
trong thật tế, gần với khán giả trong
trường hát :

Trời hời trời bao nữ phan phui,
Thân tử phận khéo ra bằng lảng.

Còn cảnh hiệp tan đột ngột đã khéo
vẽ trong câu bát bằng hai vế tiểu đối :

Chưa vui sum họp // đã sầu chia phôi !
được họa lớn ra và cụ thể hóa :

Mới gần nhau // lại xa nhau,
Chờ đời một bước // ruột đau trăm
vòng.

trong cả hai câu lục và bát, phương pháp
tiểu đối vẫn được áp dụng.

Túy Kiều lặp lại lời thề cùng Kim
Trọng :

Cùng nhau trót đã nặng lời,
Dẫu thay mái tóc dám đời lòng tơ.

Hai câu lục bát này đã biến ra một
cặp đối lục ngôn song quan :

Thề lòng chẳng đời hai thờ,
Cách mặt dám đời một tiết.

Bức thăm cảnh kẻ đợi chờ, người xa
cách được mô tả trong lời Túy Kiều :

Quần bao tháng đợi năm chờ,
Nghĩ người ăn gió năm mưa xót thăm.

Cảnh tương phản đau buồn đó được
trình bày tỏ rõ đậm đà một cách đối
chọi hơn :

Thương cho đó đường xa dặm thẳng,
Quần chi đây tháng đợi năm chờ.

Nỗi đau buồn đã phát hiện từ cảnh
tương phản biệt ly lại càng tăng gia đến
cực độ, minh họa bằng một bức tranh
thủy mặc hàm súc gợi cảm khêu sầu :

Bờ liễu vó câu trời mấy dặm,
Biển sâu lai láng lụy thâm quê.

Lặp lại lời thề lần chót, Túy Kiều
nhắc nhở cây đờn của mình, lấy đó làm
vật bảo đảm cho lòng thủy chung :

Đã nguyện hai chữ đồng tâm,
Trăm năm thề chẳng ôm cầm thuyền ai.

Đây là trường hợp hiển cho tác giả
tuồng KIM VÂN KIỀU lặp lại nguyên
văn của Nguyễn Du, nhưng soạn giả
không khứng, chịu khó đặt ra hai câu
lục bát khác :

*Trăm năm đã gần chữ aồng,
Tì bà xin chờ tay bỗng thuyền ai.*

Trải qua sự so sánh trên đây, tinh thần độc lập và công bình sáng tạo của tác giả tuồng Kim Vân Kiều đã được xác nhận. Suốt cả bốn tuồng, công trình chuyển hóa luôn luôn thể hiện và biến Đoạn Trường Tân Thanh ra một tác phẩm mới.

Tuy nhiên, tinh thần sáng tạo có thể bị nghi ngờ trong một vài trường hợp, như trường hợp của hai câu đầu trong đoạn ly biệt dẫn lại ở trên kia :

*Sự đâu chưa kịp đôi hồi,
Duyên đâu chưa kịp một lời trao tơ.*

Hai câu này quả là xuất sắc có một không hai : hai câu sắp song song, theo phép đối song quan :

*Sự đâu chưa kịp đôi hồi,
Duyên đâu chưa kịp một lời...*

Nhưng trong phương pháp đối ngẫu song quan, Nguyễn Du thường pha vào phương pháp điệp ngữ, để tăng cường sự đối chọi. Ở đây, phương pháp này lặp lại « *đâu chưa kịp* » trong hai câu :

Soạn giả tuồng Kim Vân Kiều vốn là một tay thợ kéo, có tài điệu dụng các phương pháp hành văn của tất cả các thể văn, ắt đã nhận thấy ngón xảo thủ của Nguyễn Du, nên chỉ đổi lại hai tiếng « *sự* » và « *chưa* » ra « *việc* » và « *chẳng* »

rồi sắp lại một câu đối khác, theo phương pháp đối tập cú, để nhận thấy hơn, trên sân khấu :

*Việc đâu chẳng kịp đôi hồi,
Duyên khéo khiến ra hai ngã.*

Muốn nói theo ngôn từ hát bội, phương pháp hành văn như vậy có thể nói là phép « *vá* », như người ta nói « *kép vá* ». Nhưng văn vá đẹp, hay văn sao đẹp ?

Sao nguyên những câu thơ Kiều, gọi là tập Kiều : ai thuộc nhiều thì tập Kiều được, chỉ cần ráp cho đúng vần, chẳng cần tài nghệ chi khác. Còn áo vá thì sao? Người Đồng Nai quan niệm áo vá một cách hơi lạ, theo con mắt nhà nghèo mà có tinh thần nghệ thuật :

*Rượu ngon chẳng luận ve sành,
Rách mà khéo vá, hơn lành vụng may...*
(ca dao)

THUẦN PHONG
NGÔ VĂN PHÁT

Chúé bút.— Tôi đã có phương tiện khảo luận về tuồng hát bội KIM VÂN KIỀU là nhờ nơi bốn tuồng in của quý bạn B.S. Lê văn Châu và Đ.P. Thiện cùng bốn đánh máy của bạn Vương Hồng Sên. Nơi đây tôi xin hết lòng thành thật trọng ơn ba bạn đã có hảo tâm cho tôi mượn hai bốn tuồng đó.

T. P.

tìm đọc

đất sống

Nguyệt-San Nghị-Luận Văn-Học
của lớp người ý-thức hiện đại

THAI BANKING SERVICES IN SAIGON

Bangkok Bank Ltd.

SAIGON BRANCH

44, Nguyễn-Công-Trứ

SAIGON

Tel. 25764 — 21497

CHOLON SUB-BRANCH

130-132 Đại-lộ Khổng-Tử

CHOLON

Tel. 38254



HEAD OFFICE :

Plapplachai, Bangkok

OVERSEAS BRANCHES :

London : *Barrington House 59-67 Greensham Street, London, E. C. 2*

Tokyo : *No 1, 2 Chome Muromachi, Nihon-bashi, Chuo-ku, Tokyo.*

Taipei : *No 24, 2nd Sce. Chung San Road North Taipei.*

Hongkong : *26-30, Des Voeux Road West.*

Central district : *Shell House, Queen's Road.*

Kowloon : *580 A. Nathan Road Kowloon.*

Singapore : *55 New Bridge Road.*

Kuala Lumpur : *105 Jalan Bandar.*

New York Representative

Office : *44 Wall Street New York 10005 N.Y.*

B. N. C. I.



BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

S. A. au capital de : 120.000.000 F. F.

Siège social : 16, Bd des Italiens-Paris 6è

SAIGON

36, Rue Tôn-Thất-Đạm

Téléphone : 21.902 — 3 Lignes

135, Đại-lộ Nguyễn-Huệ

(Immeuble TAX)

Téléphone : 22.797 — B.P. N° E-5

PHNOM-PENH

Moha ithei Preah Bat Norodom

(ex Doudart de Lagrée)

Téléphones : 385 et 48

B. P. 122

SUCCURSALE DE HONGKONG

Central Building Queen's Road Central

Tel. 35.601

P. O. Box N° 763

La B.N.C.I. et ses filiales possèdent plus de 1.350 sièges en France dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A.O.F.A.F.F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Liban : (B. N. C. I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba-Bureau de Représentation (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kanne, Ebute Matta Batta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico (Banco del Atlantico) ; à Panama (Panama Trust Co. Inc).

Người đã lên tàu

(Xin xem từ B.K.T.Đ. số 210)

Buổi chiều. Giảng bắt đầu phát tặg phẩm. Một dãy bọn học trò nối dài được đặt dọc trên bờ hiên. Mỗi bàn phụ trách phát một thứ. Giảng không kiểm được đồ đo lường chính xác đành mượn một loạt chậu lớn nhỏ của các toán, dong phồng chùng. Việc phát gạo, bột bắp, mì, Giảng đề các nam trại-sinh, phát mền, quần áo, dầu, sữa, nước mắm dành cho phái nữ. Các dụng cụ và máy móc phát sau.

Trời nắng gay gắt, gió núi bông rất thường xuyên khuấy bụi mù mịt trên sân cát. Ngoài cổng một cái loa mắc trên một cây dừa chĩa ra đám dân chúng chen chúc đứng ép cả vào hàng rào kẽm gai, tràn ra cả lộ. Có những người quang gánh đến đứng chờ từ bữa cơm trưa. Cổng trường mở hé đủ cho từng người được gọi tên vào lãnh. Những đứa trẻ ngồi chồm hồm, chui đầu vào các lỗ rào bị kéo rộng, mắt thao láo ngó về mấy kho gạo. Một vài người cụt chân, cụt tay hoặc bị hủi, mũi chỉ còn cái lỗ sâu hoắm không có phiều, được mấy trại sinh thương hại cho vào ngồi ở đầu nhà cai trường bên kia sân.

Từng loạt năm người được kêu vào đứng dưới hiên, chuyền thúng mủng từ chân bàn này tới chân bàn khác nhận thực phẩm. Không khí ồn ào vội vã. Những bao gạo, bắp đồ đầy hiên. Những chậu nhôm vục xuống như máy. Giảng chạy liên tiếp hết chỗ này tới chỗ khác. Có lúc Giảng đang tất tả bước men trên bờ hiên, đột ngột bị tóm lấy cẳng. Giảng vội bám vào mặt bàn, lao đao suýt ngã. Một người đàn bà đứng bên thúng gạo tay vẫn không rời cẳng Giảng ra, nói như trách cứ :

- Hai chục kí gạo gì mà có một xí vậy na ? Cho thêm chút nữa đi
- Ơ cái chị này cứ than vãn hoài, có đi chỗ khác đề người ta làm việc không ?

Một trại sinh nói như hét rồi thở hào hển. Giảng gượng cười bảo người đàn bà.

— Thúng gạo đầy vậy mà không dư hai chục ki sao? Ai cũng được đóng như ai, có thiếu chút ít cũng không phải chúng tôi dành lại để ăn.

— Gạo nhiều vậy, cho thêm chút ít có sao?

Người đàn bà còn toan nói nữa thấy Giảng cau mày mới chịu cúi xuống bưng gạo đi.

Ba bốn người nghĩa quân đang chờ ở bàn kiểm tra, thấy Giảng vội chạy lại bu quanh:

— Chúng tôi giữ an ninh cho mọi người, sao chính phủ không cho chúng tôi thụ hưởng khổ cực, sao chỉ thương nhà dân?

Giảng ôn tồn:

— Đây không phải là tổ chức của chính-phủ. Chính-phủ chỉ giúp đỡ chúng tôi. Còn về việc phát tặng phẩm chúng tôi chỉ biết phát theo danh sách do quận lựa chọn. Anh em thông-cảm.

— Không có chúng tôi khổ cực, nhưng người tản cư được lãnh mọi thứ nhu cầu, có thể ở yên đây với bọn Việt Cộng không, hay lại phải tản cư lần nữa?

Giảng lắc đầu cười:

— Công lao của anh em ai cũng biết. Song tôi đã nói, chúng tôi chỉ làm việc theo lời quận, theo lời tỉnh. Nếu anh em có chỉ muốn khiêu-nại' anh em cứ về làm đơn đưa lên ông quận-trưởng.

Mấy người nghĩa quân ngơ ngác nhìn nhau rồi bấm nhau ra khỏi trại.

Sân cát mịn mù, Những người cảnh binh rượt đuổi những đứa trẻ nom mò mờ thấp thoáng. Ở ngoài cổng, giọng của Ích chốc chốc lại vang lên qua ống loa « Đây là tiếng nói của trại hè công-tác... » Giọng Ích được hấp điện, nặng hơn và ấm áp hơn. Ích nói thật thông thả, bề thế như để có thể nghe giọng mình rõ ràng, đếm được từng tiếng của mình. « Chúng tôi không có tham vọng thực hiện những công trình phục vụ lớn lao, nhưng nếu việc làm của chúng tôi đã đặt trước một dấu hỏi trong trí đồng bào về lớp tuổi thanh niên hiện tại, chúng tôi thấy phần khởi rất nhiều để tiếp tục bước mạnh trên con đường kiến thiết xứ sở đang bị rách nát của chúng ta. »

Giảng nhảy qua mấy cái bao tải, khom người đỡ lấy một góc bao gạo sắp tuột khỏi tay một trại sinh khiêng ra ngoài kho. Những tiếng kéo nài, than van gạo, bắp đóng thiếu vắn ồn ào cả lên. Giảng chắc đó là những dấu hỏi duy nhất

của những bộ mặt bám chặt từng thau gạo từng hạt bắp vãi xuống, lỗ nhớ sau dĩa bàn.

Oanh từ bàn phát quần áo đem lại cho Giảng một ly nước. Không hiểu mình ngạc nhiên hầy cảm động hay khát, Giảng uống một hơi cạn hết bã chè,

— Nếu chiều nay chót lọt, tôi mừng hết nôi.

Giảng nói. Oanh cười bỏ đi. Ích từ ngoài cổng chạy vào, báo Giảng :

— Loạn đến nơi mất. Dân họ kêu rầm trời rầm đất ở ngoài cổng.

Giảng đưa mắt nhìn khắp loạt dĩa bàn rồi bước xuống sân. Ngoài cổng ồn ào như một cái chợ. Mấy người cảnh sát và trại sinh canh gác, mặt cứng lại mồ hôi nhỏ giọt. Giảng vừa ló ra ở khe cổng, một ông già bật dậy khỏi mặt đất ông vừa lăn khóc kêu rống :

-- Tôi tàn cư con chết, vợ chết, bệnh tật đói khổ sao không cho tôi gạo ?

Ích bối rối nhìn mấy người cảnh sát. Những người cảnh sát địa phương im như tượng. Trên mặt những người trị an như thấy lại cảnh cha chú mình giã giũa. Ích chạy lại bên ống loa như tìm một sự cầu cứu. Giảng lưỡng lự rồi dĩa xích cánh cổng bước ra chỗ ông già. Một đám người ập lại vây kín lấy Giảng Ông già trulen một tiếng đau đớn ngã nhoài ra túm lấy chân Giảng đang bị xô dĩa, mặc những bàn chân giẫm lên người. Có tiếng Ích hét lớn trong loa.

Giảng trời lên cao, có cảm tưởng mình hét thật lớn. Đám người dãn ra hoảng hốt và Giảng lao đảo lùi dựa vào trong cổng. Một giây im lặng đột ngột như chết. Giảng thở dốc mắt trợn lớn. Bộ mặt dĩa cám, bột bắp và bụi có những dòng mồ hôi xẻ lệch lạc xuống mũi, sang hai bên má. Đám dân chúng đứng sững sờ ngó Giảng kinh hoàng. Trước mặt họ Giảng hết còn là một người chủ của những kho gạo chỉ có một đứa con trai nhỏ bé mới nhớn, Giảng rùng mình trước những gương mặt sững sờ, và nhếch nhác cười như một nụ cười của Oanh. Chiến tranh là thế đó. Giữa những người tàn cư không phiếu lúc kêu lên tiệm vàng và những người tàn cư đang như chôn chân trước mặt Giảng.

Giảng không trả lời những câu hỏi của những người trong trại đồ ra, bước lại sát đám đông nói thật nhỏ nhưng thật rõ :

— Chúng tôi chỉ làm việc theo đề nghị của các nhà hành chánh địa phương, chúng tôi không có quyền định đoạt chi cả.

Lời Giảng vừa thốt lên những tiếng ồn ào lại nổi dậy. Người ta lại kêu, lại khàn nài van xin. Giảng đã trở lại vai trò người chủ kho với những lời nói của bất cứ nhân viên chính quyền nào khi thấy không nổi giận được trước những đòi hỏi của dân chúng. Giảng chán ngán, bỏ lại tất cả, lách vào trong sân. Vai trò đóng một cách tình cờ vì dáng điệu lúng túng của anh Tư có lẽ chấm dứt ở đây. Giảng tưởng sẽ gặp một vẻ mặt hân hoan của một nông dân căng rộng miệng bao bố cho Giảng đổ gạo vào, sẽ gặp một đứa trẻ lết không nổi một thúng bắp, không đủ vòng tay để ôm một tấm mền, sẽ gặp một ông già cởi tung gói quần áo ngấm vuốt từng cái túi, từng đường viền. Giảng suốt đời chỉ sống với dự tưởng, vấp hết lở lăm này tới lở lăm khác. Giảng chỉ gặp những tiếng la hét lẫn van xin, chỉ gặp những người nghèo đói nhìn mình như con cháu, anh em và thấy xa cách mình vì những người giàu ôm tặng phẩm.

Oanh mang cho Giảng một ca nước. Giảng ngồi banh ngực áo thở, những đồng gạo, bắp, những sắp mền, những bị quần áo và những người xung quanh Giảng trở nên hỗn độn. Giảng thấy thêm một ca nước đá và cái giường ở nhà. Mới xa những bữa cơm trong tiệm, những giấc ngủ sau mấy phút coi báo những buổi tối trên hiên hồng gió đánh cờ có mấy ngày. Giảng tưởng như đã lâu lắm. Những trại trường, Oanh, anh Tư, Ách, trưởng chi cảnh sát, những cà vạt, pardessus, khóa đồng... Giảng muốn coi như kỷ niệm.

Giờ ăn cơm, Giảng xin Oanh một đĩa mang vào kho ăn rồi đóng cửa, dựa vào những bao gạo mà ngủ. Ngoài kia sinh hoạt ồn ào. Một giọng ê a vọng cồ vang trong loa.

Lúc Giảng tỉnh dậy, ngửi mùi bao tải Giảng mới nhớ mình nằm trong kho. Tối kín. Tiếng Guitare giậm giựt vọng vào xa lạ rồi nhắc nhở quen thuộc. Giảng đập mấy coa muối bám chết trên chân, thấy khó thở. Giảng không muốn ra khỏi phòng, muốn có gió và nằm dựa vào bao tải hút thuốc. Giảng mò mẫm lại chiếc cửa sò mở ra sau trường. Có tiếng đập dinh của cánh cửa. Giảng yên lặng không bước thêm. Chắc lại một vụ trộm kho. Giảng nghĩ thầm. Tiếng cánh cửa vẫn bị đầy từng chập. Có tiếng cười khúc khích. Tiếng cười của Oanh. Giảng chợt hiểu Oanh và Ích lên ra sau kho dựa lưng vào cánh cửa sò làm tình. Giảng thấy cô đơn hơn bao giờ. Thân thể bé nhỏ của Giảng như chỉ đủ gọi một nỗi sợ sệt sờ sờ chốc lát ngoài cổng trại. Tình yêu thương mọi người như bị những ân hận kế tiếp nhắm ruồng và làm Giảng thấy mình bị bỏ quên thậm thía hơn.

— Em không xứng đáng.

Tiếng Oanh mơ hồ.

— Tình yêu tự nó sẽ tìm cách vượt hết mọi hoàn cảnh.

Giọng Ích nhạt thếch vì thiếu haut-parleur.

— Anh tin em thì em cũng không được nghi ngờ hoàn cảnh của em. Từ nay em không được sợ hãi vu vơ như vậy. Anh chỉ có em và chính em làm nổi bật cả đoàn thể anh gia nhập. Sống với em đề nghị đến xã-hội, làm việc cho xã-hội đề yêu em hơn. Anh chỉ có bấy nhiêu tha thiết.

Giảng tự nhiên cảm-động vì lời Ích. Ích có vẻ vừa nói vừa hình dung những điều do lời mình khơi gợi. Ích dù không thực, nhưng Ích đang có những phút tin và yêu thành-khẩn. Ích trở nên lớn lao vì trong óc đang có một cuộc rượt bắt những thứ lớn lao.

Giảng mò mẫm quay vào ngả lưng vào bao gạo, châm một điếu thuốc.

Có tiếng loa kêu tên Giảng nhiều lần. Giảng uể-oải mở cửa kho bước ra đi về phía phòng quản trại. Mọi người trong ban đã có mặt trừ Ích. Giảng ngồi xuống đầu một tấm ghế dài.

— Anh Giảng không tắm rửa gì hết sao? Định đề riêng bộ quần áo nhàu nát, bộ mặt trát cám về dọa bà con sao?

Một người vừa khôi hài vừa nắn hai túi Giảng kiểm thuốc.

— Chúng ta họp ngay bây giờ. Đề muộn, điện tắt thì nguy.

Trưởng trại nói.

Ích từ ngoài bước vào. Giảng nhìn sau áo Ích hay xem Ích Oanh đã dựa vào cửa hồi nãy.

— Điện tắt đã có lửa trại sợ gì.

Ích nói. Giảng có cảm tưởng đời khỏi người yêu, Ích đã hướng tai về phòng họp.

Giảng giơ tay :

— Tôi muốn được nghỉ ngày mai. Nếu không bệnh và khỏi mệt tôi lại tiếp.

Ích nhìn Giảng cười nhẹ. Ích như đã biết Giảng muốn rút lui.

— Anh nghỉ sao được. Tặng phẩm chưa phát được một phần năm.

Trại trưởng nói :

— Nếu mệt mà nghỉ, cả trại nghỉ mất. Những anh em đắp đường đặt cống từ hôm kia, hôm nay vẫn không ai xin nghỉ vì bị mệt.

Ích nói. Đang bực vì mình đã không nói thẳng, thấy Ích lại bắt bẻ đúng như mình đoán trước, Giảng cười nhạt :

— Anh Ích nói đúng lắm. Song riêng tôi tôi thấy không thể tiếp tục được nữa. Câu nói của tôi vừa rồi chỉ là một câu nói khéo. Tôi muốn đời lại không

phải vì có điều chi xích mích với anh em. Chỉ vì tôi thấy mình không làm được những việc như mình mong muốn. Tôi mang danh đi giúp đồng bào nghèo mà đành bất lực, chỉ biết mở tai thật lớn nghe những lời họ cầu xin trách oán.

Trại Trưởng bắn khoăn. Ích nói :

— Chúng ta không tạo ra những bất công. Anh không nên tưởng chúng ta Phải chịu nhận những lời trách oán của họ.

Giảng chua chát :

— Ta tạo nên bất công hay không, không cần biết. Nhưng cũng không thể làm việc ở bên cạnh nỗi bất công để gán cho việc làm của mình một nghĩa đẹp đẽ.

Ích nói với trại trưởng :

— Thôi anh Giảng đã nhận thấy không thể ở trại được nữa, ta cũng không nên tìm cách làm phiền lòng anh.

Giảng cười yên lặng. Trại Trưởng vẫn không hết bắn khoăn, bảo Giảng :

— Thôi tùy ý anh. Nhưng sáng mai anh hãy gắng giúp cho một buổi để anh em có thể quen với việc làm của anh nhân tiện bàn giao sổ sách.

— Tôi xin nhận. Cho phép tôi ra ngoài.

Giảng cười chào mọi người, bước ra.

Anh Tư ngồi dựa vào trụ gạch trên hiên, thấy Giảng, vội nhảy xuống.

— Suốt ngày không gặp thầy. Phát đồ chắc mệt lắm ?

Cũng chẳng vất vả mấy.

— Thầy xem có thể giúp được, xin giúp cho tôi chút đỉnh.

— Tôi hết coi kho rồi. Mai tôi về nhà.

— Chúng ta tiếp-tục công việc.

Trong bóng tối, Giảng thấy đầu anh Tư cúi xuống. Giảng chào anh, đi rào một vòng quanh sân. Lửa trại đã tàn. Tiếng nhạc Twist đã tắt. Từng nhóm người rải rác tụ nhau nói chuyện. Một vài tia than hồng vụt đưa lên không, tắt ngấm. Từ một căn lều, một giọng nam ca bản « Con Thuyền Không Bến ». Giảng trèo lên trụ cờ, ngồi khuất sau một cây dương. Trời nhiều sao và hồng màu hỏa-châu.

Buổi sáng hôm sau Giảng dậy thật sớm. Giảng ra giếng nước rửa mặt xin Oanh một gói xôi đậu đen chấm muối trộn đường đậu phộng. Ăn xong Giảng không hiểu phải làm gì trong khi chờ đến giờ làm việc. Giảng vẫn nghĩ đến giờ làm việc. Ngoài kia, sau hàng rào, nhiều người đã ngồi chờ. Họ đã đến từ lúc

trại còn ngủ yên. Cổng trại khóa im im. Giảng đi từ kho này sang kho khác. Cảm tưởng thực phẩm không bao giờ phát hết vẫn y nguyên. Tiếng khóa lách cách, cái đầu gối xuống chạm vào cửa kho, quen thuộc. Ngoài hiên, anh Tư và mấy người có tuổi khác ngồi ăn xôi. Đầu anh Tư mang một cái nón lá nhỏ hẹp lòng của trại sinh kỳ công tác trước, có mấy chữ OÁN TRẢ ƠN ĐỀN bằng sơn đỏ. Mấy người bên anh cũng có những hình những câu ngộ nghĩnh tương tự trên nón: Một chiếc sọ người trên hai ống xương vắt chéo, một thanh đao với mấy lời phụ chú « Đờ Long Đao », một cái cánh gà và một cái an - pha: « Đồi ngà ».

Ích từ thùng xôi của Oanh bước lên. Giảng đưa tay bắt.

— Khỏe chứ?

Ích hỏi. Giảng gật đầu cười không đáp.

— Phải nói anh rất bình tĩnh và thẳng thắn. Không ai tự tin mình bằng anh.

Giọng Ích tiếc rẻ. Giảng nhớ đêm qua ngủ trong kho gạo đã đảm động vì nghe giọng nói tự tin của Ích với Oanh.

Giảng chẳng hiểu gì cả. Giảng tự tin? Chắc Ích đã nom Giảng len qua cổng tiến về đám đông chiều qua.

Sáng hôm ấy số người lãnh tặng phẩm đông gấp ba gấp bốn chiều hôm trước. Chiều hôm trước người có phiếu thì ít, người tới la ó thì nhiều. Giảng giữ nguyên các trại sinh đã quen việc. Vì phải cho nhiều người vào một lúc để tránh cho đường khỏi tắc nghẽn, mọi người phải làm việc mau hơn hôm trước. Mắt Giảng chỉ thấy gạo, thấy bắp, hết còn thì giờ nhìn vợ vắn. Tuy vậy, chốc chốc Giảng vẫn lắng nghe giầy lát xem ngoài cổng còn có lộn xộn như chiều qua. Ích hôm nay đã dõng cái loa, giúp Giảng trông nom tổng quát. Oanh thỉnh thoảng lại quay sang bên Giảng hỏi lớn, thắc thỏm « Bữa nay liệu có lộn xộn như hôm qua? » Giảng không đáp chỉ lắc đầu. Cái lắc đầu của một bộ mặt nhọc phờ chẳng hề có nghĩa. Nếu luận hợp lẽ, càng nhiều người tới lãnh, càng có nhiều chủ tiệm vàng, nỗi công phần càng tăng. Nhưng Giảng không tin lý luận kiểu đó.

— Bà này kỳ quá, nói chi nói hoài. Nước mắt phát cho người sống, không phát cho người chết.

Tiếng một cô phát nước mắt với một người đàn bà áo dài đen tóc xỏa chít khăn tang. Giảng ngừng lên.

Người đàn bà đó là vợ của một nghĩa quân tử trận. Tới trước mỗi bàn, chị đều kể lại cái chết của chồng để xin thêm một kí gạo, kí bắp... Chắc chị

không biết cô phát nước mắm hải chuyện chết chóc nên vẫn kể lè, nài nỉ.

Giảng nhờ Ích gọi một người trại sinh gác cổng vào thế mình, lại phía đàn bà đang ngồi ngơ ngẩn trên thềm cuối hiên chờ đủ mười người để chia một thùng nước mắm. Giảng vừa thở vừa cười :

— Mấy anh chị em làm việc quá mệt dễ đồ quau.

Người đàn bà tò mò nhìn Giảng, thấy bộ dạng nhể nhại của Giảng, nghe câu hát hệt hơi, chị ngơ ngẩn cười.

Giảng không còn đứng một chỗ nhất định. Giảng tới mỗi bàn giúp một chút. Trại sinh đã tới hồi mệt, dễ nổi giận.

Thấy Giảng lại giúp, nghe Giảng khôi hài với những người lãnh tặg phẩm, họ thuận dụi trở lại.

Sau vụ ông già lặn ngoài cổng, sáng hôm ấy có nhiều người già lão tới cổng trại và được vào thông thả. Họ trật khăn cho lộ mớ tóc bạc, nhờ những đứa nhỏ dắt tay kéo tới trước từng bàn ngửa nón xin. Được những nón gạo, nón bấp dầy ấp, họ mang ra bờ rào, chia cho đứa nhỏ dắt tay một mũ. Có bà cụ vừa đặt nón xuống, mấy đứa nhỏ vơ vẩn gần đó ập lại. Mọt đứa ngã bổ vào lòng cho bà cụ cào cấu để đồng bọn mang nón gạo tàu thoát. Dần dần những đứa ngồ ngáo quen mặt cảnh sát bị bắt, bị đuổi khỏi hân trại, nhường chỗ cho những đứa nhỏ hơn, nhút nhát hơn.

Tới mười giờ sáng, tuy mệt mỏi như người, Giảng vẫn thấy dễ chịu vì mọi việc đều trôi chảy. Nhưng tới lúc một người vừa lãnh đồ ra khỏi cổng bị một toán thanh niên mười lăm mười sáu ủa vào cướp, tình thế đột nhiên thành gay go. Cảnh sát rượt khắp nơi, còi thổi khắp chỗ. Những đám người tan ra chạy tản mác rồi lại tụ ở một chỗ hau háu nhìn vào. Oanh lo lắng chạy lại hỏi Giảng :

— Liệu có sao không anh ?

Ích cũng chạy tới.

— Lần này họ như có kẻ thúc đẩy. Có nhiều con trai cầm đầu.

Giảng nhìn đám người nối đuôi nhau xê dịch dưới dãy mặt bàn, yên lặng. Trại sinh lơ đãng trong việc phân phát, ồn ào ngó ra ngoài trại. Giảng nói lớn :

— Anh em hãy tiếp tục công việc. Còn nhiều người đang đứng chờ ngoài kia.

Sau nhà cai trường, ở góc trại một bọn trẻ bẻ rào ủa vào. Cảnh sát đồ xô lại. Cổng trại bật tung, người ta tràn vào như nước lũ. Giảng quăng chìa khóa cho Ích :

— Đóng các cửa kho lại.

Rồi chạy ra giữa hiên kêu lớn :

— Mọi người hãy trông coi phần thực phẩm ở chỗ mình, không ai được dời chỗ.

Một bà già ôm thúng gạo chạy lại đẩy cả thúng xuống gầm bàn Giảng đứng. Những người khác ngồi bệt xuống ôm chặt lấy đồng đồ của mình. Trên này những trại sinh đứng thẳng người bên những đồng thực phẩm. Riêng Oanh dè người lên đồng quần áo trên mặt bàn, nửa như tỉ ngực nhìn xuống sân, nửa như cương quyết gìn giữ. Giảng hiểu Oanh hơn bao giờ. Lúc này Oanh không còn là người nhập trại với mục-dịch kiếm manh áo cho con. Trong giây phút, Giảng hiểu mình sẽ không bao giờ dời khỏi kho khi còn một hạt gạo chưa phân phát.

Giảng tiến lại trước mặt đoàn người đang dừng lại ở giữa sân thăm dò. Giảng nói lớn nghe rung các bắp thịt trên ngực :

— Bà con, tất cả các bà con hãy nhìn về phía kho kia. Ở đấy chỉ có những người con trai con gái đáng tuổi con cháu bà con hợp nhau lại để làm việc không lương, không một lời khen thưởng, ở đấy chỉ có những người rách rưới đang ôm lấy những thùng nước mắt...

Giảng như nói cho mình nghe. Tiếng ồn ào nổi lên. Người ta lại nhắc tới tiệm vàng, lại cầu xin. Cảnh sát đã chặn trước họ thành một hàng rào. Giảng nuốt nước bọt tiếp :

— Số thực phẩm chỉ có hạn. Đồng bào thì quá đông nên chỉ những gia-đình nào thật cực khổ mới có phiếu. Chúng tôi nhận có một số nhỏ không xứng đáng được trợ giúp đã lợi dụng đã ăn cắp của bà con, nhưng chúng tôi tin đồng bào cũng nhận thấy trước mắt chúng ta, những người đang ôm thúng ôm đồ kia không phải đều là những người giàu có.

Khối người yên-lặng. Giảng hiểu rất mau, họ đang chờ một tiếng kêu thúc đẩy nổi lên.

Một đội nghĩa-quân được phái tới trợ lực với cảnh sát. Người thiếu úy chỉ huy đứng trên trụ cờ nói xuống :

— Vì ích lợi chung, tôi yêu cầu đồng bào hãy ra về để anh em ở đây có thể tiếp-tục làm việc và để những đồng bào có phiếu phôi nằng ngoài kia được vào lãnh tặng phẩm. Chúng tôi hứa sẽ cứu xét các nguyện vọng của đồng bào.

Khối người vẫn yên-lặng. Người nọ nhìn người kia. Tiếng kêu thúc đẩy vẫn không có. Giảng đề ý không thấy mặt những thanh niên vừa la ó ngoài hàng rào. Nổi chày đợi đã biến thành xao xuyến. Có nhiều đôi mắt hoang mang ngó về phía cổng.

— Chúng tôi hứa sẽ không bắt giữ một ai. Chúng tôi hiểu đồng bào đã bị một số người xúi-giục và hiện giờ những kẻ đó đã dời bỏ đồng bào để tàu-thoát. Một lần nữa chúng tôi kêu gọi sự hiểu biết của đồng bào để anh em ở đây tiếp-tục được công việc.

Người thiếu-úy nói tiếp. Cánh cổng mở rộng được đẩy ép sát sang hai bên để tỏ ý mời ra. Một ông cụ già rẽ khỏi người lại trước thiếu úy, giọng run run xúc động :

— Thưa quý ông, chúng tôi không phải là người làm loạn, những người biều tình. Chúng tôi cực khổ quá, nghèo đói quá, một mình nói tiếng nói chẳng tới tai quý ông, nên chúng tôi mới cùng nhau vào đây để xin quý ông thương hại cho hoàn cảnh của chúng tôi, giúp đỡ chúng tôi chút đỉnh.

— Chúng tôi đã hứa sẽ cứu xét nguyện vọng của đồng bào. Xin đồng bào hãy ra về.

Người thiếu-úy lập lại. Đoàn người do dự giây lát rồi từ quay ra phía cổng. Họ yên lặng như những người đưa ma.

Giăng cảm ơn người thiếu-úy, bước lên thềm. Giăng bước dọc trên hành lang trả lời ít câu hỏi han, bảo ích mở cửa kho, phụ với anh em khuân thêm ít bao gạo, bao bắp ra dỡ cao thành ngọn.

Giăng nói. Nỗi mỗi một đợt ngọt trở lại. Giăng châm một liều thuốc, ghé vào tấm ghế trước bàn kiểm tra. Bà cụ già hồi nãy để thúng gạo ở đó vẫn chưa đi. Bà cho đầu vào găm bàn, ngấm đồng gạo đằng sau Giăng, quẩy luyến. Bà đặt tay lên chiếc giấy của Giăng, vuốt những hạt gạo dính quanh đường viền nổi ở mũi giấy. Những móng tay đen xỉn xoắn xoe chích vào cẳng Giăng đau nhói.

Giăng vút mẩu thuốc, đứng dậy, bước lại chỗ một trại sinh đang mím môi, đỏ mặt bồ nh ng nhất búa xuống mấy vòng sắt đai thùng đựng dầu sà-lách. Ở ngoài kia những chiếc nón của người đứng chờ hắt nắng, lấp lánh, những người không thiếu vẫn lảng vảng rải rác bên hàng rào kẽm gai.

Giăng cúi xuống, giáng từng búa liên-tiếp trên vòng đai.

Y UYÊN

TIN CẬY ĐĂNG

Gần đây nơi mục «Hộp Thư» của một vài tạp san có người mang cùng một bút hiệu như tôi. Tôi xin được nói rõ : từ trước tới nay, tôi chỉ có bài ở các tạp chí Bách Khoa, Văn và Đông Phương.

Y UYÊN

Thanh - Tâm - Tuyển

TRUYỆN DÀI

(khởi đăng từ BK 193)

CÁT LÂY

PHẦN THỨ HAI

4 | Con mưa dứt tuyệt nin thình trong thành phố nửa khuya ướt màu như nhớp. Như sự huyền hoặc phủ tràn, nước trên lộ cao chảy dài trong con mương cỏ êm nhẹ, những giọt nặng rụng trên các tàu chuối dày. Khoảng trống không đầy gió miên man. Tôi vẫn ngồi bó gối trước cách cửa đóng, thốt nhiên bình thần lạ lùng, trông rõ những hoảng hốt kinh hãi (vài phút trước, vài giờ trước hay vài đời trước ?) rút êm xa như những đốm đèn đường thấp thoáng trên lộ. Không biết bao nhiêu lâu ? Đêm lênh đênh giữa trời như những phút vĩnh viễn thao thức. Tôi ngồi đó, bị loại hẳn thế giới loài người, bị loại trừ ra khỏi chính mình, không còn một ràng buộc. Tưởng như căn nhà thơ ấu đã bị cơn giông lũ cuốn trôi mất hút tôi còn sống và lưu lạc. Một vài lúc, không tự chủ, tôi còn cất tiếng kêu khẽ. Chị Thuận, chị Thuận; kêu vậy thôi và không mong mỗi lời đáp. Tiếng kêu của tôi cũng như cái tên kia, rốt cuộc chỉ là sự thắng thốt huyền hoặc bị sự im lìm lạnh lẽo vùi lấp ngay.

Một lúc tôi nghe tiếng chân, tiếng chân không dẫm trên gạch ẩm, đến sau cánh cửa cùng tiếng thì thao êm ái. Tri, Tri phải không ? Sao Tri còn ở ngoài giờ này ? Tôi còn ở ngoài mãi mãi, ngoài cả thân xác rũ liệt giá lạnh đang bốc hơi hơi hám

ở ngoài cái tri não co quắt vì đang nhìn rõ điểm tận cùng của nó... Ngày sẽ tới, chắc hẳn sẽ tới. Nhưng với tôi, ngày bắt đầu bằng buổi sáng hủi lờ không mặt trời trong mùa mưa mà Diệp sẽ đến, Diệp đến cũng trong gương mặt trắng bệch của đêm tối còn soi trên, trong đôi mắt của buổi mai mòn mỏi. Thuận mở cửa, diu tôi vào nhà, nói với tôi, giọng nói ấm kin, và chông chênh. Nếu Thuận đã mở cửa cho tôi, tôi đã niu chặt lấy chị như con thú dữ gặp mồi, tôi sẽ thở trên thân chị mùi hương của miền đất xa vời, của không gian những đời tôi không hay biết. Tôi uống nốt những viên thuốc còn lại của chị, tôi sẽ nằm dài cùng chị trên giường và mọi sự sẽ sáng tỏ, có ý nghĩa rõ rệt. Với tôi, với Thuận, với Diệp, với Diệp, với tất thảy mọi người. Nhưng cánh cửa không mở, không bao giờ mở. Và tôi còn phải đi tiếp...

Diệp mặc áo ngắn, tay xách một cái túi, tóc chưa kịp gỡ, đứng dưới hè tường thờ hào hèn. Nàng vừa chạy tới từ nơi hẹn, một đoạn đường ngoắt ngoéo với những đường dốc và trơn.

— Sao còn ngồi đó ?

Tôi vẫn khoanh tay bó gối, không cử động được, lúc đó dường như cơn buồn ngủ vậy nhất tôi, tôi cố nhướng mắt ngó Diệp và muốn nàng tới gần.

— Máy giờ biết không ? Sắp sáng rồi.

Tôi lắng nghe vẫn còn tiếng nước chảy trong mương nhỏ nhẹ và tiếng rớt lộp độp thừa thớt trên lá chuối. Tôi vịn vào tường đứng lên, đầu lão đảo tường có thể té.

— Không muốn đi nữa hả ? Sợ hả ? Tôi quay về nhà vẫn còn kịp.

Trong các phố chỉ còn hai đứa tôi. Tôi nghe rõ hai chúng tôi đi cạnh nhau bị nhốt trong hai thế giới riêng biệt đang lồng lộn phá vỡ khoảng ngăn cách.

— Nói nhiều quá. Thôi đi.

— Anh hèn nhát. Tôi không ngờ anh hèn như vậy.

— Im đi.

— Tôi cứ nói. Tôi không cần anh nữa. Tôi sẽ trở về và đi lấy chồng. Vậy đó. Tôi trở về lúc nào cũng còn kịp. Anh đừng làm phách. Tôi yêu anh, vì anh nhưng nhưng anh đừng làm phách.

— Vì tôi. Nếu chỉ vì tôi thì cô nên trở về là phải. Tôi không cần.

Diệp ngồi phịch xuống ghế đá đầu vườn bông giữa hai thành khổ nín câm. Chợ chưa họp, bến xe chỉ có những chiếc ngủ đêm đậu thừa, một hai tiệm nước mở cửa đèn sáng nhưng không có người. Diệp ngồi thẳng trên ghế ướt, nhìn trần

vào bãi cỏ như pho tượng. Tôi đứng dưới một gốc đèn sắt trong vườn, ngửa cổ cho ánh sáng soi lên mặt. Tôi không cần, không cần ai hết, tôi bỏ hết, liệng hết, tôi sẽ đi một mình... Tôi không cần cô, không cần tình yêu của cô, cô hiểu chưa ? Tôi nói và trở nên hung dữ dị thường. Diệp ngó tôi bằng cặp mắt dữ tợn không kém, và đột nhiên nàng nhào tới ôm lấy tôi vùng vằng cầu xé. Tôi bám chặt lấy Diệp để khỏi té, và mặc nàng lỏng lẻo không chống trả. Vài phút Diệp dịu dần ôm nín tôi, bật khóc nức : Tri, Tri anh tàn nhẫn vậy sao ? Anh có thể tàn nhẫn với em vậy sao ? Khi em bỏ hết để theo anh... Tôi ngây mặt bực bội và không thể làm gì nữa. Diệp ôm như trời riết tôi vào nàng, nàng không còn cần gì khác ngoài tôi. Không ai trông thấy chúng tôi lúc bấy giờ. Một vài tiếng động xa lắc. Tôi ngừng nhìn những tàn cây âm u trên đồi.

— Chị Thuận chết rồi ?

— Vậy hả.

Tôi nghe và đáp như chuyện ấy tôi đã biết, một sự thật hiển nhiên chẳng cần phải tìm hiểu. Chỉ khi Diệp nhắc lại, tôi mới bàng hoàng như vừa tỉnh. Tôi vội ôm trả lại Diệp, nghe rõ cơn sốt âm ỉ cháy dưới da thịt nàng, và hỏi : Tại sao Diệp biết ? Diệp không đáp chỉ nói : Trời sắp sáng, đi đi anh. Tôi bảo tôi phải trở về nhà thay đồ, lấy thêm ít bộ quần áo. Chúng tôi đi ngang chợ ra bờ sông, chưa có mấy người tới họp chợ. Đứng đợi chờ, nhìn mặt nước mù mịt bóng đêm, ngày chỉ mới thấp thoáng trong những cơn gió phả lên mặt. Tôi tỉnh thêm lần nữa. Chị Thuận chết rồi. Nhưng tôi không thấy một phản ứng nào ở mình, tôi chỉ tự hỏi : tại sao thế ? Tại sao lại chết ? Thật không ? Vì có gì ? Làm sao Diệp lại biết ? Tôi không hỏi Diệp, không hiểu sao, như đã vẫn biết cái chết ấy trước cả Diệp nữa. Bờ xa tối đen tịch mịch không ánh lửa. Diệp thúc hối tôi kêu đồ cho kịp, tôi nói không cần đồ sẽ đưa những người đi chợ qua, Diệp không chịu, nàng bắt tôi kêu. Tôi kêu hai ba tiếng, vọng trên mặt nước, tiếng gọi dội vào tôi lại làm tôi khuấy động, và nổi giận. Chúng tôi có thể lại đi lòng vòng trong các phố gây gỗ nữa, rồi cuối cùng Diệp trở về nhà nàng.

Con đò bơi sang tới, chở ba bốn người đi chợ với gồng gánh thùng, mủng, rước chúng tôi. Diệp nhất định theo sát tôi từng bước, không chịu ở lại bờ chờ tôi trở lại. Từ giờ này anh không được bỏ em một mình, Diệp nói vậy. Ngoài giữa giòng, mưa đổ nhỏ và nước chảy siết. Thành phố nhòa nhạt chỉ còn là những bóng đèn hiu hắt. Diệp chum chiếc khăn mỏng buộc lên tóc, ngồi sát vào mình tôi. Chúng tôi không nói một lời nào. Người chèo đò chum chiếc khăn bông dài trên đầu, quấn quanh cổ, che gần kín khuôn mặt gầy tối. Trên lối quen dần về nhà, tôi đi mau khiến Diệp hốt hoảng đuổi như sợ tôi biến mất trong bóng tối dày đặc của vườn cây. Tôi cạy cửa lên vô nhà theo lối sau như một tên ăn trộm không ai hay ; mò mẫm đi trong tối sờ mó các đồ vật đã thuộc lòng. Trong một phút, khi

đã thay xong quần áo, tôi đứng ngay bên cạnh giường. Trên bàn thờ, ngọn đèn nhỏ bằng dầu tằm cháy suốt đêm. Không nghe một hơi thở nào trong gian nhà ẩm ướt, chỉ có tiếng lá động ngoài vườn. Có thể mọi người đều chết? Cả Diệp nữa khi tôi ra đến nơi cũng chỉ kịp ôm lấy một cái xác lạnh ngắt. Tôi vội trốn ra khỏi nhà, không mang theo một món đồ nào. Gặp lại Diệp đứng núp trên đầu thềm, tôi mừng rỡ được giải thoát khỏi nỗi kinh hoàng đột ngột. Bây giờ chỉ còn một niềm hân hoan vô lý kết buộc chúng tôi trên lối đi. Như trong cơn mê sáng thật dài. Mùi đất sinh nong, những chiếc lá nằm ướt đọng vào cánh tay, mặt vải nòn êm cọ trên má, bên dưới là mái tóc dày đen như đêm êm ả. Tiếng chèo vô khuấy trên mặt sông rộng, nước lóc bỏ trong khạp thuyền, thành phố đi gần tới trong ánh đèn nhấp nháy như một buổi hội đang sửa soạn sắp khai mạc. Một ngày hội buồn có những người chết và những tiếng cười dấu điểm, không kèn trống chỉ có tiếng rì rào, tiếng reo hò khủng khiếp rồi sự im lặng kéo dài nỉ non lẫn trong cơn say sưa cùng độ. Thân thể rộng như một cây già khô héo chôn chứa hết mọi nỗi phiền hận và hân hoan cùng một lúc. Buổi mai nhạt đang phân ranh trời và nước ở cuối sông.

Chuyến xe lô đưa chúng tôi khỏi tỉnh khi thành phố chưa thức. Đường phố mờ ướt, trời trắng nhợt như khuôn mặt Diệp nằm nghiêng lên ghế co rờ trong cơn sốt mới chớm. Trong khoang xe thấp một ngọn đèn nhỏ vàng mờ. Ở trạm kiểm soát đầu tỉnh, người cảnh sát trùm áo mưa ngó mặt nhìn vào, tôi ngồi nép khuất vào hốc ghế trong vòng khum của mui xe như muốn dấu mặt, người tài xế thản nhiên gác tay trên bánh lái hút thuốc lá. Không nghe ai nói một lời nào. Khi xe chạy mau giữa đồng, gió thốc ào ào như cơn mưa lớn uà tới, mặt mũi tê dại trong một giấc ngủ tỉnh. Diệp run rẩy mê man và tôi không còn đủ sức đề vờ về ủ ấp nàng. Chỉ thấy những ý nghĩ loáng thoáng bay hút trong gió lộng như cảnh vật bên đường. Đến đâu? Chúng tôi đi đến đâu? Những gì đã xảy tới? Sẽ xảy tới? Thuận đã chết. Thật sao? Làm sao Diệp biết được? Một vài giây tự trấn tĩnh, tôi ngó thấy Diệp úp mặt vào bụng tôi thở phì phò một nhọc, khuôn mặt lăm lăm của người tài xế ngó thẳng con đường phía trước với một dây phố ly ngắn đang hiện tới. Con lộ đi thường ngày như mờ tới chốn lạ hoắc. Tôi đang làm gì? Tôi có thể bảo xe quay trở lại, trả Diệp về nhà nàng, rồi đi tới gian nhà có Thuận ở trong ngồi đợi đón Hiệp ở cửa. Một đêm trắng vừa qua, còn dấu tích đây nhưng nghe đã biệt mù trong một dĩ vãng. Tôi nắm lấy bàn tay lạnh giá của Diệp như bầu vịu vào thực tế. Tiếng máy xe độc điệu như một khúc nhạc không thành hình. Tôi không gắng gượng được lên, cơn ngủ vùi dần tôi xuống trong cảm giác trơ trẽn lóa lờ. TRÍ, TRÍ... cả cái tên của tôi cũng vang ngân một cách huyền hoặc trong đầu. Tôi có phải là TRÍ không? Có phải không?

(Còn nữa)



MIKHAIL CHOLOKHOV

*giải Nobel
văn-chương 1965*

• TRÀNG-THIÊN

Giải Nobel văn chương năm nay thế là đã quyết định tặng cho nhà văn vẫn được coi là xứng đáng nhất của Nga Xô: Mikhail Alexandrovitch Cholokhov, 60 tuổi đời, 33 tuổi đảng, trong Hàn lâm viện Khoa học, đại biểu Hội đồng Xô-viết tối cao liên tiếp ba nhiệm kỳ, huy chương Lénine ba lần v.v.. nghĩa là một người Nga ưu hạng một người Nga tiêu biểu, được dân Nga lấy làm hãnh diện và được giới lãnh đạo Nga lấy làm hài lòng.

Được biết tin về sự chọn lựa của Viện Hàn-lâm hoàng gia Thụy-Điền, Hiệp hội nhà văn Xô-viết tuyên-bố tin rằng Cholokhov sẽ nhận lãnh giải Nobel « với lòng tri ân ». « Văn hào Xô-viết ào thành Leonide Sobolev nói : « Tôi chắc chắn giải thưởng đã chọn được nhà văn Xô-viết lỗi lạc nhất. Dân tộc

chúng tôi đón nhận sự tưởng thưởng ấy với một niềm thỏa mãn sâu xa ». I. Erhenbourg nghe báo tin « lấy làm sung sướng ». Giới văn nghệ ở Mạc-Tư-Khoa bàn tán sôi nổi.

Tóm lại, J. P. Sartre có thể hoàn toàn yên trí rằng thái độ của mình tha hồ giữ nguyên vẹn tính cách độc đáo, không hề bị ai mô phỏng, kể cả Cholokhov và nước Nga.

Đây là người Nga thứ ba được giải Nobel về văn chương. Người đầu tiên, được thưởng năm 1933, là Ivan Bounine, thì lại bỏ xứ mà di cư sang Pháp. Người thứ hai là Boris Pasternak thì thoát đầu cảm ơn Hàn lâm viện Thụy-Điền rồi bốn ngày sau buộc lòng phải chối từ...

oOo

Người thứ ba — Cholokhov — sinh tại một làng quê trên bờ sông Don,

suốt đời Ông vẫn ở đấy, giữa những người Cosaques mà Ông mến yêu, và tác phẩm làm vinh dự cho đời ông cùng dân tộc ông cũng là viết về cuộc sống của dân quê quanh vùng sông Don. Lại cũng vì quyền lợi và nguyện vọng của dân quê vùng mình, Cholokhov đã hai lần viết thư thẳng lên Staline, hồi mùa xuân năm 1933, đề phản đối các điều bất công hà khắc trong khi thi hành chính sách tập thể hóa nông nghiệp. (Ai nấy đều biết tiếng phản đối cất lên dưới thời Staline không phải là nhiều, cho nên bức thư của Cholokhov, sau 30 năm dấu kín, được Khroutchev chưng ra năm 1963 như là một tang chứng hiếm hoi và quý báu).

Con người dám có hành vi ấy chỉ là một con người nhỏ thó, giản dị. Sinh trong một gia đình tầm thường, thuở nhỏ ông từng làm những nghề khiêm tốn: thợ nề, thư ký kế toán v.v... Về già, danh tiếng đã lẫy lừng, tháp tùng Khroutchev sang thăm nước Mỹ, Ông lẽ dĩ nhiên theo sau lặng lẽ trong khi bao nhiêu nhà thơ nhà văn trẻ tuổi, phi hành gia trẻ tuổi, đi tới đâu là rùm beng tới đó.

Ở trong nước, ông cũng sống biệt tịch ở làng quê, xa lánh các cuộc hội họp, bàn cãi tranh luận ồn ào, thông thái của giới trí thức, của các văn nghệ sĩ, của các nhà « kỹ sư tâm hồn ». Cholokhov chỉ được học tới năm 13 tuổi, rồi đánh nhau với « bọn phản động » ít năm, ở Mạc Tư Khoa hai năm, rồi từ đó về sau rút lui luôn về

Vechenskaia cầm cui viết. Đồng nghiệp có kẻ chê ông ít hoạt động, ông chê lại họ ít sáng tác : họ là những kẻ « nổi danh nhờ nghề dạy nhiều hơn là nhờ tác phẩm ».

Ông thì nhất định chỉ trông cậy vào tác phẩm, rồi cuộc ông nổi danh hơn tất cả mọi người. Vì quả tác phẩm của Ông là những công trình đồ sộ nhất của văn học Nga hiện đại. Năm vừa đúng 20 tuổi, ông xuất bản cuốn *Truyện về sông Don* (*Récits du Don*). Ba năm sau tập đầu của bộ *Sông Don êm đềm* (*Le Don paisible*) ra đời. Năm kế tiếp, in luôn tập thứ hai. Đến tập thứ ba thì ai nấy đều phải công nhận Cholokhov là một thiên tài : Ông được giải Staline. Như vậy tác phẩm lớn lao nhất của nước Nga-xô-viết đã thành hình trong đầu óc một thanh niên 21, 22 tuổi.

Trọn bộ *Sông Don êm đềm* bốn cuốn, 2000 trang, in xong vào năm 1940. Cốt truyện diễn ra trong khoảng 10 năm từ 1912 tới đến 1922, vẽ lại cuộc sống của dân miền sông Don, những cuộc nội chiến trong miền, cuộc chiến tranh 1914-18, cuộc cách mạng 1917, những cuộc chiến đấu chống lại các lực lượng phản cách mạng v.v... Cholokhov cũng từng cầm súng tham gia chiến đấu bên cạnh những người Cosaques này, như Léon Tolstoi trước kia. Tác phẩm của hai văn hào có nhiều nét giống nhau : cũng những chi tiết tỉ mỉ, chứng tỏ một khả năng quan sát sâu sắc, một sự hiểu biết tường tận về đề tài, cũng một số lượng nhân vật

đồ sộ, cũng một kỹ thuật tả chân. Tuy nhiên, trong tác phẩm của nhà văn Xô viết, các nhân vật không trải qua những biến khoản triết lý như Pierre Bézoukhov trong *Chiến tranh và Hòa bình* của Tolstoi. Trái lại, nơi sông Don «êm dề» lại đầy sôi nổi cuồng nhiệt, sôi nổi trong cả mối tình giữa Grigori Melikov và Aksinia, hai nhân vật chính, mối tình nhiều khi «mạnh» quá mức.

Sau *Sông Don êm dề*, Choloikov xuất bản cuốn *Đất khai hoang* (*Terres défrichées*), nói về công cuộc tập thể hóa nông nghiệp dưới chế độ Xô-viết. Khung cảnh vẫn là miền sông Don. Nhân vật vẫn là người dân Cosaques. Nhưng khoảng thời gian trôi qua trong *Đất khai hoang* ngắn hơn trong *Sông Don êm dề* những hai mươi lần: chỉ có sáu tháng trong năm 1930.

Cuộc kháng chiến chống Đức trong cuộc Đại Nhị thế chiến lại là một đề tài lớn nữa cho Choloikov khai thác. Ông hoàn thành một tác phẩm dữ dội: *Họ chiến đấu cho tổ quốc* (*Ils ont combattu pour la patrie*).

Một đời sáng tác được có chừng ấy tác phẩm quan trọng có ít chăng? Mười hai năm mới xong bộ *Sông Don êm dề*, 28 năm mới hoàn thành bộ *Đất khai hoang*! Nhiều người bảo là ông chậm chạp, không phong phú v.v... Ông thản nhiên đáp lại: «Bắt bọ chết cần cho nhanh nhẹn chứ, viết sách thì không cần.»

Một lần nữa, ông lại có lý hơn các

bạn đồng nghiệp. Tác phẩm của ông tuy ít mà ảnh hưởng của nó rất sâu rộng. Toàn bộ tác phẩm của Mikhail Choloikov đã in đi in lại 664 lần bằng 73 thứ tiếng. Riêng ở Nga xô số sách in ra đến 41 triệu cuốn. Và riêng bộ *Sông Don êm dề* đã được dịch ra 40 thứ tiếng.

oOo

Nhận xét về kỹ thuật của nhà văn được chọn lựa, Viện Hàn lâm Thụy-Điển nói: «Có thể bảo rằng Choloikov vẫn dùng một kỹ thuật tả chân cũ, rằng ông không đem đến cái gì mới mẻ trong địa hạt đó cả, rằng kỹ thuật ấy có thể đơn giản đến độ gần như ngây ngô nếu người ta xét đến kết quả của nhiều trường hợp trước đây về nghệ thuật viết tiểu thuyết. Tuy nhiên đề tài của Ông (Choloikov) chắc chắn không sao thể hiện được bằng kỹ thuật khác.»

Xem đó thì các Ông Hàn Thụy-Điển không mấy thích ý về lối viết của Choloikov. Nhưng bảo rằng nhà văn này không có gì mới mẻ để thêm vào phương pháp tả chân thì không hẳn là đúng. Ông có cái xã hội chủ nghĩa. Tả chân xã-hội chủ-nghĩa nó khác với lối tả chân ngày trước. Đây là tả sự thực hôm nay để tỏ rõ một ngày mai huy hoàng, là dùng cái sự thực mà mắt mình trông thấy để gọi đến cái sự thực (?) mà lòng mình ao ước; tóm lại là một thứ hiện thực lạc quan, một thứ hiện thực hồng.

Bởi vậy khi Choloikov trình bày quan niệm mình: «Điều mà tôi quan tâm là trình bày những con người ở

vào các thời kỳ gay cấn nhất của lịch sử, nhưng, trước hết chính là tôi quan tâm đến những con người.» thì tạp chí *Réalités* (số tháng 2-1960) đề nghị thêm: «những con người siêu nhân.»

Quả nhân vật của Chokolov đều là những kẻ thực hoàn toàn. Quân đội nào cũng mơ ước có được những anh lính như họ, đảng phái nào cũng mơ ước có được những đảng viên như họ, xã hội nào cũng mong mỏi có được những công dân như họ.

Những quân nhân như Nicolas Streltsov, như Lapakhine v.v... trong *Họ chiến đấu cho tổ quốc* (Ils ont combattu pour la patrie) đều hung dữ như cọp, trong lòng óc nào cũng sùng sục mỗi thù đối với quân Đức, lăm lăm chực đánh nhau chết thôi, ngoài ra không còn thiết đến chuyện gì khác. Thỉnh thoảng có kẻ nào vớ vẩn nhắc đến chuyện vợ chuyện con ở hậu tuyến thì liền bị đồng đội chế diễu gạt đi ngay.

Những nhân vật này khiến chúng ta nghĩ đến các nhân vật của Constantin Simenov trong *Kẻ sống người chết* (Les vivants et les morts) và *Lính khóc đêm* (Les soldats pleurent la nuit). Một kẻ lỡ đánh mất thẻ đảng viên, gặp chiến tranh, không kịp xin thẻ mới, vội xông pha chiến trận vào sinh ra tử đánh nhau với quân Đức không còn kể đến thân mình là gì, rồi cuộc vẫn bị lao đao khó dễ vì việc mất thẻ, tuy thế mà kẻ ấy không hề oán hận thương cấp lấy một lời. Những con người rắn rỏi đó lại cứ thấy máy

bay Nga bị máy bay Đức bắn rơi là khóc lên như đàn bà. Lính tráng đã trung thành gan dạ, sĩ quan càng anh dũng hơn, hễ cứ cấp chỉ huy càng cao thì chí khí anh hùng càng lớn thêm một mức.

Thái độ nhìn vào thực tại như thế là thái độ chung của một lớp nhà văn, theo một khuynh hướng chung ở Nga Xô.

Thái độ ấy khiến *Sông Don êm đềm* được ban tuyền trạch giải Nobel cho là «Tác phẩm xuất sắc nhất có tính cách lý tưởng». Kỹ thuật thì *tả chân*, mà nội dung lại mang chất *lý tưởng*. Dùng chất liệu thực để gợi ra một giấc mơ.

oOo

Ngoài cái chung thuộc về hiện thực xã hội chủ-nghĩa. Chokolov có cái riêng, có những đặc tính độc đáo của mình. Đó là điểm mà Hàn-lâm-viện Thụy-Điền nêu làm lý do chọn lựa: «Cái khí lực và sự liêm khiết của người nghệ sĩ, mà tác-giả (Chokolov) đã biểu lộ trong công trình thể hiện một thời kỳ lịch sử của cuộc sống dân tộc Nga.»

Khí lực, quả là một khí lực phi thường, từng được ví với của Léon Tolstoi, khiến tác giả như một vị chỉ-huy tối cao huy động cả một số lượng nhân vật lớn lao trong một tập thể mệnh mông, theo dõi từng lời nói, từng cử chỉ, từng biến chuyển tâm lý của họ, trong suốt một quá trình diễn-tiến lâu dài và cực kỳ rắc rối. Công việc vừa đòi hỏi một cái nhìn bao trùm tổng quát rộng rãi, vừa đòi hỏi một sự chu tất tỉ mỉ.

Tinh thần liêm khiết, về cái đó Cholokhov chắc chắn cũng hơn nhiều kẻ đồng thời. Màu hồng trong tác phẩm có lẽ tỏa ra từ sự tin tưởng của chính ông, của đảng viên kỳ cựu Cholokhov, chứ không phải là do nơi giới lãnh đạo đoàn thể và chính quyền.

Cholokhov có điều bất bình về chính sách tập-sản-hóa nông-nghiệp, Ông không ngại nói thẳng với Staline, và Ông cũng đã tiết lộ ngay trong *Sông Don êm đềm*. Cuốn *Đất khai hoang*, đề tài nhằm ngay chính vào vấn đề ruộng đất này, cho nên sự phản đối của Ông

càng lộ rõ hơn. Bởi vậy mà cuốn sách viết năm 1931, in năm 1933, bị xóa bỏ rất nhiều. Mãi tới sau này, sau khi Staline chết rồi, nó mới được chỉnh đốn lại và xuất hiện đúng nguyên hình.

oOo

Chọn lựa Cholokhov, Hàn-lâm-Viện Thụy-Điền không sợ mình sai lầm, chỉ ngại mình quá chậm trễ, nên đã có lời phân bua về diễm ấy. Sự phân bua ấy còn làm vinh dự cho Cholokhov hơn cả sự chọn lựa.

TRĂNG THIÊN

SÁCH THỜI MỚI

TẬP BÚT I
NGƯỜI XA LẠ
MỘT MÌNH
TẬP BÚT II

của Võ Phiến — giá 32đ — (sắp hết)
của Albert Camus, do Võ Lang dịch — giá 40đ
của Võ Phiến DH — giá 80đ
của Võ Phiến — sắp phát hành

QUÝ-VỊ HÃY DẶN DÀNH LẠI NGAY TỪ BÂY GIỜ

MỘT MÁY ĐÁNH CHỮ LÀM TẠI THỤY-SĨ

HIỆU

HERMES



LOẠI XÁCH TAY

LOẠI ĐỂ BÀN GIẤY



tại nhà in I.N.D.E.O.

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME-ORIENT

Điện thoại: 20.821 — SAIGON

SINH HOẠT

Giải Nobel khoa học 1965

Năm nay giải Nobel khoa học đã được trao cho bảy nhà khoa học trong các ngành vật lý học, hóa học, y học và sinh lý học.

— **Giải Nobel Vật lý** được trao cho ba người là các giáo sư: Sin-Itiro Tomonaga, Đại học Tokyo), giáo sư Julian Seymour Schwinger (Đại học Havard) và giáo sư Richard Phillips Feynman (viện Kỹ thuật California). Ba vị này đã được giải thưởng nhờ các công cuộc khảo cứu căn bản về điện động học có ảnh hưởng sâu xa đến khoa vật lý sơ tử (physics of elementary particles).

Giáo sư Tomonaga, 59 tuổi, là người nhiều tuổi nhất trong ba người. Ông đã hướng dẫn một nhóm các nhà khảo cứu về khoa vật-lý lý-thuyết tại Đại học Tokyo trong nhiều năm. Giáo sư Schwinger sinh năm 1918 tại New York. Ông theo học tại Đại học Columbia và đỗ Tiến sĩ năm 1939. Ông bắt đầu làm giáo sư tại Đại học Havard từ năm 1947. Năm 1949 ông đã được tặng giải thưởng C.L. Mayer về bản chất của ánh sáng. Đến năm

1951 ông lại được tặng huy chương của Đại học Columbia. Từ năm 1958 ông làm chủ bút của tờ tạp chí vật lý Quantum Electrodynamics, chuyên khảo cứu về ngành điện động học. Giáo sư Feynman cũng sinh năm 1918 tại New York. Ông theo học tại Massachusetts Institute of Technology và đỗ tiến sĩ tại Đại học Princeton năm 1949. Năm 1942-43 ông là một nhân viên trong ban nghiên cứu việc chế tạo bom nguyên-tử. Từ năm 1950, ông là giáo sư vật-lý lý-thuyết tại California Institute of Technology. Năm 1954, ông được giải thưởng Einstein về các công cuộc nghiên cứu về điện động học.

— **Giải Nobel hóa-học** về tay giáo sư Robert Burns Woodward (Đại học Havard). Giáo sư Woodward sinh năm 1917 và là một trong số vài hóa-học gia danh tiếng nhất nước Mỹ. Ông đỗ bằng Tiến sĩ tại Massachusetts Institute of Technology năm 1937. Nhờ các công cuộc khảo cứu về hóa học ông đã được nhiều trường

Đại-học quốc tế trao tặng bằng Tiến-sĩ danh dự, trong số đó có những trường danh tiếng như Yale University, University of South Carolina, University of Chicago, Haward University, v.v.. Ông làm cố vấn cho nhiều hãng sản xuất các chất hóa học bằng phương pháp tổng-hợp như : quinine, cholesterol, cortison, penicilline, terramycine, auréomycine, chorophyll, tetracycline, v.v:..

Ông đã được nhiều huy chương khảo cứu về ngành hóa-học hữu-cơ tổng hợp (Synthetic organic chemistry) Giải Nobel được trao cho ông vì những "sự đóng góp đáng giá của ông vào kỹ thuật tổng-hợp chất hữu cơ".

—Giải Nobel về sinh-lý-học và y-học về tay ba nhà khảo cứu người Pháp.

Đây là một vinh dự đặc biệt cho nước Pháp bởi vì đã ba mươi năm nay từ khi Joliot Curie được giải Nobel về hóa học, nước Pháp chưa được một giải Nobel nào về khoa-học cả. Cả ba giáo sư được giải thưởng đều đang nghiên

cứu ở viện Pasteur tại Pháp. Giáo sư André Lwoff, 63 tuổi, người gốc Nga và Balan, nhưng sinh tại Pháp. Hiện nay ông là giáo sư về khoa vi-sinh-vật học (microbiology) tại Sorbonne. François Jacob, 45 tuổi, hiện là giáo sư về khoa di truyền của tế bào (cellular genetics) tại Collège de France. Và sau hết, Jacques Monod, 55 tuổi, sinh tại Pháp và theo học tại Mỹ, hiện nay là giáo sư về khoa sinh-hóa-học của tế-bào (cellular biochemistry) tại Faculté des Sciences ở Paris.

Giáo sư Lwoff đã có công khai sáng một ngành sinh vật học mới gọi là sinh vật học phân-tử (molecular biology) còn hai giáo sư Jacob và Monod đã có công phát triển những thí nghiệm do Lwoff đã đề xướng ra. Sinh-vật-học phân-tử là khoa nghiên-cứu về di truyền và các phương thức nhờ đó các di-thể (gene) truyền các đặc tính di truyền cùng điều hành và kiểm soát những hiện tượng sinh-hóa-học quan-hệ cho sự sống.



Lwoff, Monod và Jacob

Người ta cho rằng đặc tính di truyền của mọi sinh vật từ các vi khuẩn nhỏ bằng một phần mười ngàn mí li mét cho tới loài cá voi dài 35 mét, đều được chứa đựng trong các di-thể. Các di-thể này thể dính liền với nhau hợp thành các nhiễm-thể trong tế bào sinh dục. Từ năm 1870 người ta đã biết mỗi di-thể là một phân-tử của một chất hóa-học gọi là deoxyribonucleic acid (DNA) hay một chất tương tự gọi là ribonucleic acid (RNA). Phân tử DNA có đặc tính có thể tự phân ra làm nhiều phân tử RNA với những tính chất hóa học giống hệt nhau. Nhờ đó đặc tính di truyền có thể được chuyển từ đời nọ sang đời kia. DNA lại ra các "mật lệnh" cho RNA để chế tạo các chất cần thiết tạo thành máu và bắp thịt. Chất protein lại còn là những

chất xúc-tác cho các phản ứng sinh-hóa học quan-hệ cho cuộc sống

Ba giáo sư người Pháp đã có công nghiên cứu và tìm ra cách thức tự-phân của phân tử DNA và cũng đã tìm ra được nguyên tắc dựa theo đó các phân tử RNA lựa chọn các chất hóa học để tạo thành các bộ phận khác nhau (thí dụ như tim, phổi, óc, dạ dày, v.v...) của cơ thể.

Hiện nay các khám phá này chưa có những áp dụng quan trọng nhưng trong tương lai khoa di-truyền học và khoa sinh-vật-học phân-tử chắc chắn sẽ có ảnh hưởng rất sâu xa đến việc tìm hiểu nguồn gốc sự sống và bảo tồn cùng kiền toàn nòi giống.

NGỌC VÂN

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME - ORIENT

(S. D. A. E. D.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tập (Khánh-Hội) — SAIGON

Tél. : 23.741 - 23742

Fabrication : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE — GAZ CARBONIQUE

Vente : HYDROGÈNE — AMMONIAQUE — CYCLO PROPANE
— PROTOXYDE D'AZÔTE — ARGON, ETC...

Matériel pour soudures oxy-acétylénique et électrique
Installations de garothérapie

NOTRE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION DE
LA CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS.

Sáng lập : HUỖNH VĂN LANG

Chủ-nhiệm : LÊ NGỘ CHÂU